

40  NĂM
ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN
1975 - 2015



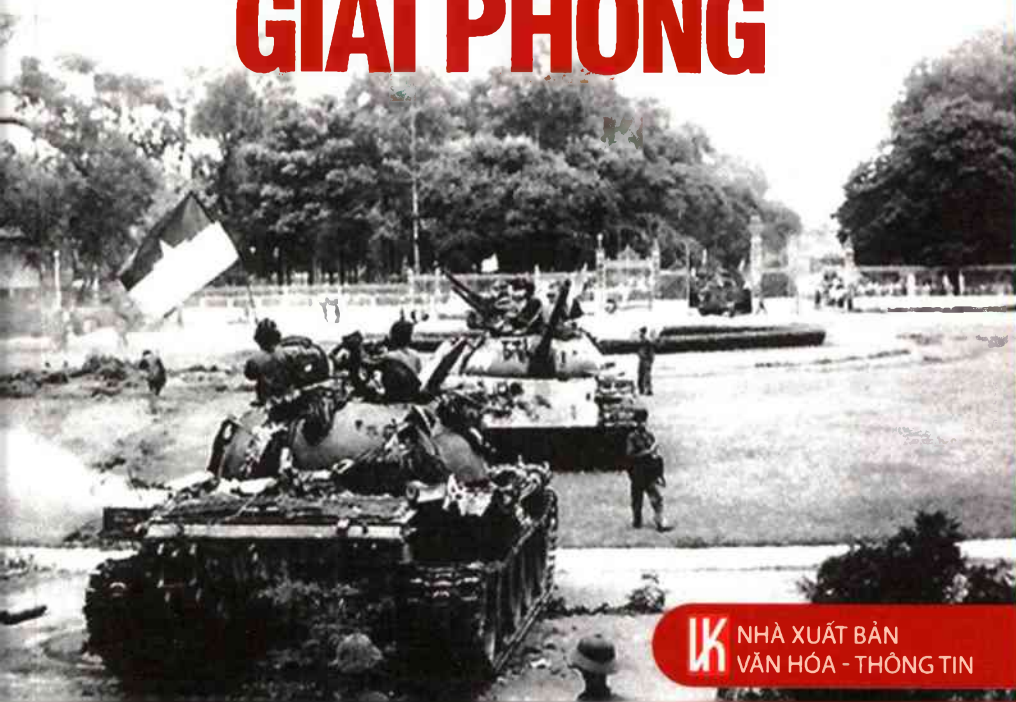
NHIỀU TÁC GIẢ

40  NĂM
ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN
1975 - 2015



40  NĂM

THIÊN ANH HÙNG CA GIẢI PHÓNG



Nhà sách **Thăng Long**

2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TPHCM
ĐT: 08. 3 910 2062 / FAX: 08. 3 910 2063
E-mail: nsthanglong@hcm.vpt.vn
Website: www.thanglong.com.vn



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA - THÔNG TIN

**40 NĂM
THIÊN ANH HÙNG CA
GIẢI PHÓNG**

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

40 năm thiên anh hùng ca giải phóng / B.s.: Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Trọng Phúc, Phan Doãn Nam... - H. : Văn hóa Thông tin, 2015. - 200tr. ; 21cm

Thư mục: tr.: 195-196

1. Lịch sử 2. Chiến thắng 30 tháng 4 3. Chiến dịch Hồ Chí Minh 4. Việt Nam

959.7043 - dc23



VTK0069p-CIP

✓ Những thư viện mua sách của Nhà sách Thăng Long được biên mục chuẩn Marc 21 miễn phí.

✓ Dữ liệu được Nhà sách Thăng Long chép vào đĩa mềm, hoặc gửi email đến thư viện, hoặc download từ trang web: thanglong.com.vn

NHIỀU TÁC GIẢ



40 NĂM THIỆN ANH HÙNG CẢ GIẢI PHÓNG

VŨ KIM YẾN
(Sưu tầm và biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU



Đại thắng mùa Xuân 1975 là sự hội tụ sức mạnh của quân và dân cả nước, sức mạnh của toàn dân tộc. Đó là sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam thần kỳ với sự hy sinh to lớn của đồng bào chiến sĩ miền Nam trên tiền tuyến lớn và sự chi viện hết lòng của hậu phương lớn miền Bắc với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” và “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”... Đó là thắng lợi của khát vọng độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, đồng thời cũng tỏ rõ sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, của sự kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, của sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Cuốn sách **“40 năm thiên anh hùng ca giải phóng”** ra đời để kỷ niệm 40 năm Đại thắng mùa Xuân 1975. Cuốn sách tập hợp tư liệu phong phú, trình bày tương đối đầy đủ và ngắn gọn theo ba nội dung sau:

Chương 1: Trình bày các sự kiện lịch sử đưa đến đại thắng mùa Xuân 1975 - bước phát triển ở quy mô cao

nhất của toàn bộ tiến trình cách mạng ở miền Nam và của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chương 2 là những bài viết, bài nghiên cứu của những nhà chuyên môn, giúp bạn đọc có cái nhìn tổng thể và hiểu sâu hơn về thắng lợi to lớn, toàn diện của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử để làm nên thiên anh hùng ca giải phóng bất hủ cho dân tộc Việt Nam.

Chương 3 là những trang hồi ức của một số tác giả thuộc đủ mọi thành phần, lứa tuổi, từ người cán bộ, trí thức, cụ nông dân, em bé học sinh, anh chiến sĩ đủ các dân tộc ở mọi chiến hào, mọi mặt trận... đã từng được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Bác quan tâm thăm hỏi, động viên trong chiến đấu, trong sản xuất để vững bước trên chặng đường đấu tranh quyết liệt, tiến tới giành chiến thắng vẻ vang của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

Chương một

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG TIẾN TỚI ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ: CHIẾN THẮNG MÙA XUÂN 1975



- 1. Khôi phục và cải tạo miền Bắc, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ và chuyển hướng cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam (1954-1960).**

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Hoà bình được lập lại ở Đông Dương, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng. Tại miền Nam, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, chuẩn bị gây lại chiến tranh tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và các nước xã hội chủ nghĩa. Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng là kẻ thù chính nguy hiểm nhất và hung ác nhất của toàn dân ta. Nhân dân Việt Nam lại bước vào một

cuộc chiến đấu lâu dài, ác liệt nhất trong lịch sử dân tộc. Đây là cuộc đụng đầu quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Trước tình hình mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời tiến hành: xây dựng miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Cả hai nhiệm vụ ấy đều nhằm mục tiêu chung là củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ, thiết thực tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông Nam châu Á và thế giới.

Sáng ngày 1-1-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự lễ mít tinh của 25 vạn đồng bào Hà Nội tại Quảng trường Ba Đình chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ trở về Thủ đô. Trong diễn văn đọc tại cuộc mít tinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *"Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được"*¹. Người nêu những nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta là kiên quyết thi hành Hiệp định đình chiến, khôi phục kinh tế, củng cố quốc phòng, tiếp tục cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (xuất bản lần thứ hai), Nxb Chính trị Quốc gia, H.2000, t.7, tr.429.

ruộng... *"nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước"*¹. Về đối ngoại, Người nêu lên chính sách của Đảng và Nhà nước ta là tán thành 5 nguyên tắc chung sống hoà bình, lấy đó làm cơ sở để xây dựng và phát triển mối quan hệ với các nước láng giềng Lào, Miên và các nước Đông Nam Á khác. Với nước Pháp, cố gắng lập lại mối quan hệ kinh tế và văn hoá trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên đều có lợi, đoàn kết với nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo củng cố miền Bắc về mọi mặt, vì *"Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của toàn dân ta"*². Trong năm 1954 và đầu năm 1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Quốc hội đã ra nhiều chỉ thị, chủ trương khôi phục kinh tế miền Bắc, trong đó kế hoạch khôi phục kinh tế trong 3 năm (1955-1957) đặt ra là phấn đấu đạt các chỉ tiêu kinh tế trước chiến tranh.

Trong ba năm, nền kinh tế miền Bắc được phục hồi, phát triển với sự hiện diện của nhiều thành phần kinh tế. Đến năm 1957, sản lượng lúa của miền Bắc đạt khoảng 4 triệu tấn, tăng hơn 1,5 triệu tấn so với năm 1939. Hầu hết các cơ sở sản xuất cũ được khôi phục, hơn 50 cơ sở mới, chủ yếu thuộc ngành sản

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.7, tr.428-429.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 8, tr.71.

xuất tiêu dùng được xây dựng. Bên cạnh việc xây dựng cơ sở sản xuất quốc doanh, khu vực công nghiệp tư nhân bao gồm các cơ sở sản xuất tư bản tư doanh và tiểu thủ công nghiệp được khuyến khích phát triển.

Đi đôi với việc lãnh đạo khôi phục kinh tế, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng tới việc chỉ đạo phát triển nền văn hoá nước nhà. Nhờ đó, ngành văn hoá giáo dục phát triển khá nhanh. Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học được tiêu chuẩn hóa một bước. Năm học 1956-1957, có gần 1 triệu học sinh phổ thông, hơn 600.000 học sinh vỡ lòng, 2.984 sinh viên đại học, gần 8.000 học sinh chuyên nghiệp trung cấp. Hơn 1 triệu người được xoá nạn mù chữ. Hệ thống y tế, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được quan tâm xây dựng. Nếp sống lành mạnh, vệ sinh được vận động thực hiện khắp mọi nơi. Đến năm 1957, miền Bắc có 153 cơ sở điều trị, 108 đội y tế lưu động, khoảng 8.000 cán bộ y tế từ bác sĩ đến y tá. Những nạn dịch rất phổ biến ở miền Bắc như đau mắt hột, sốt rét... không còn xuất hiện nhiều như trước nữa. Trên 10 vạn người thất nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng và các thị xã, thị trấn trên miền Bắc đã có việc làm ổn định. Đời sống nhân dân dần được nâng cao.

Với những thành tựu thu được trong thời kỳ khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá xã hội (1955-1957), miền Bắc đã cơ bản khắc phục được hậu quả của

chiến tranh. Đây là thời đoạn lịch sử quá độ chuẩn bị cho miền Bắc bước vào thời kỳ mới.

Ngày 3-12-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ bàn việc tổng kết kế hoạch 1957 và kế hoạch 3 năm (1958-1960), nhằm đưa miền Bắc vào thời kỳ mới, thời kỳ cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế và văn hoá. Kỳ họp thứ tám của Quốc hội khóa I (họp từ ngày 16 đến ngày 29-4-1958) đã tập trung thảo luận về nhiệm vụ của toàn dân trong giai đoạn mới là ra sức xây dựng và củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Quốc hội ra nghị quyết về nhiệm vụ kế hoạch ba năm (1958-1960) và kế hoạch phát triển kinh tế năm 1958. Nghị quyết khẳng định: "Quốc hội xác nhận rằng miền Bắc nước ta đã chấm dứt giai đoạn khôi phục kinh tế và chuyển vào giai đoạn phát triển kinh tế và cải tạo kinh tế theo chủ nghĩa xã hội; bước vào kế hoạch ba năm, mở đầu một giai đoạn mới có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà".

Tháng 12-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 14, quyết định phương hướng, nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch kinh tế và văn hoá

(1958-1960), chủ trương đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958-1960) của Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 14 đã được Quốc hội khóa I thông qua tại kỳ họp thứ 9 (họp từ ngày 9 đến ngày 14-12-1958). Đường lối chung tiến lên chủ nghĩa xã hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa I (ngày 18-12-1959) đã khẳng định: "*Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến*"¹.

Trong một thời gian không dài (đến cuối năm 1960), công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc về căn bản đã hoàn thành. Song song với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa với những người làm nghề thủ công, buôn bán nhỏ, với các nhà tư sản công thương và tư sản dân tộc đã được triển khai và thu được những thành tựu đáng kể, góp phần hoàn thành kế hoạch nhà nước 3 năm (1958-1960). Vốn đầu tư năm 1960 ở khu vực công nghiệp quốc doanh tăng 2,6 lần so với năm 1957. Vì

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 9, tr. 588.

vậy, có hàng trăm cơ sở sản xuất mới và tỷ trọng giá trị tổng sản lượng công nghiệp ngày một cao. Tỷ trọng công nghiệp quốc doanh và công ty hợp doanh chiếm 25,6% vào năm 1957 đã lên 58% tổng giá trị sản phẩm công nghiệp vào năm 1960. Tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp năm 1957 là 31,4%/68,4% đã tăng lên 42,6%/57,4% vào năm 1960. Một số khu công nghiệp được xây dựng như Thượng Đình, Thái Nguyên, Nam Định, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng. Công nghiệp địa phương cũng phát triển khá nhanh, năm 1960 đã tăng 10 lần so với năm 1957.

Văn hóa, giáo dục cũng thu được nhiều thành tựu to lớn. Năm học 1959-1960, miền Bắc có 6.300 trường, với 2,5 triệu học sinh, sinh viên, chiếm khoảng 17% dân số. Số học sinh phổ thông ở các cấp I, II, III và số sinh viên đại học tăng từ 2 đến 4 lần so với năm học 1956-1957. Số nữ sinh và học sinh các dân tộc miền núi đến trường ngày càng đông. Hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng phát triển khá nhanh. Số cơ sở điều trị, điều dưỡng, nhà hộ sinh tăng hơn 10 lần so với năm 1956. Các bệnh dịch lây lan với quy mô và phạm vi lớn ở miền Bắc căn bản không còn nữa.

Để lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế và văn hoá, nhanh chóng thay đổi bộ mặt xã hội của miền Bắc, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức chăm lo đến công tác xây



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm bà con nông dân huyện Mỹ Đức,
Hà Tây chống hạn vụ mùa, tháng 6-1960*



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm xí nghiệp cơ khí chuyên làm
nông cụ của tỉnh Thanh Hoá, tháng 12/1961*

dựng Đảng, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước dân chủ nhân dân. Người nói: *"Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết"*¹, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực, trước hết là đối với Nhà nước.

Một trong những nhiệm vụ cần phải làm là soạn thảo, thông qua các đạo luật và sửa đổi *Hiến pháp* để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 1, công bố *Hiến pháp mới - Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta*. Ngày 21-7-1960, Người ký lệnh công bố các luật: *Tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Tổ chức Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Tổ chức Toà án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao*.

Lực lượng vũ trang cách mạng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Kế hoạch quân sự 1955-1960 được thực hiện toàn diện. Từ đơn thuần bộ binh, Quân đội nhân dân Việt Nam đã trở thành một lực lượng quân chính quy, tương đối hiện đại với gần đủ các binh chủng kỹ thuật. Bộ đội địa phương, dân quân du kích được tổ chức, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời, lực lượng Công an nhân dân được kiện toàn về tổ chức, nghiệp vụ được nâng cao. Đến năm

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 8, tr. 494.

1960, về căn bản, quân và dân miền Bắc đã tiêu trừ xong lực lượng phản và bọn bạo loạn.

Thực hiện kế hoạch 3 năm lần thứ nhất (1955-1957) và 3 năm lần thứ hai (1958-1960) đã làm diện mạo miền Bắc thay đổi. Trong khi đó, ở miền Nam Việt Nam, chế độ thống trị thực dân mới được thiết lập với những hình thức kìm kẹp đàn áp hết sức khốc liệt. Mỹ-Diệm tuyên bố "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật". Chúng ra luật 10-59, xử tử tại chỗ những người cách mạng. Chúng đặt luật "cải cách điền địa" cướp lại ruộng đất cách mạng đã chia cho nông dân, tập trung ruộng đất vào tay địa chủ. Quần chúng không còn con đường nào khác hơn là phải vùng lên, một sống một chết với bọn Mỹ-Diệm. Tại các vùng căn cứ kháng chiến cũ, các vùng nông thôn, đồng bằng, hàng trăm đội vũ trang được thành lập. Những cuộc diệt ác trừ gian nổ ra ở nhiều nơi. Miền Nam Việt Nam đã đến đêm trước của khởi nghĩa vũ trang. Xóa bỏ ách thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ, đánh đổ chế độ phát xít Mỹ-Diệm trở thành yêu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam.

Tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại thủ đô Hà Nội¹. Đại biểu

¹ Hội nghị Trung ương lần thứ 15 họp nhiều đợt: Đợt 1 (từ ngày 12 đến ngày 22-01-1959) là Hội nghị Trung ương mở rộng; Đợt 2 (từ ngày 10 đến ngày 15-7-1959), v.v. và Nghị quyết của Hội nghị được thông qua trong đợt cuối cùng.

các đảng bộ miền Nam đã vượt mọi khó khăn để ra dự họp. Trí tuệ của toàn Đảng được tập trung để quyết định đường lối cách mạng ở miền Nam trong giai đoạn mới. Trên cơ sở phân tích kỹ điều kiện cách mạng cả nước và điều kiện cụ thể của hai miền Nam - Bắc; phân tích kỹ tình hình thế giới, xu thế phát triển của cách mạng thế giới; tương quan so sánh lực lượng ta và địch, v.v., Hội nghị đã chỉ rõ nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước và con đường phát triển cách mạng của mỗi miền. Theo đó, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam như sau: *"Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"*¹.

Về phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam, Nghị quyết chỉ rõ, để tự giải phóng mình khỏi xiềng xích nô lệ, *"ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác"* và cách mạng miền Nam không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đó là *"khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân"*. Đó chính là *"lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu,*

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2004, t.20, tr.82.

kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹.

Cũng theo Nghị quyết, vì chế độ Mỹ-Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, và chúng ta dựa vào lực lượng quần chúng, dùng lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, nên *"cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng"*². Nghị quyết nêu rõ, cách mạng miền Nam vẫn có khả năng phát triển hoà bình, tuy nhiên, vì bản chất phản động và hiếu chiến của Mỹ-Diệm, cho nên phương hướng cơ bản vẫn là khởi nghĩa giành chính quyền và *"trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ"*.

Phát biểu ý kiến tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý về cách đặt vấn đề, cách xem xét tình hình. Người nói: phải đặt *"miền Nam Việt Nam trong cách mạng chung của cả nước và cách mạng nước ta trong cách mạng thế giới... Ta giương cao ngọn cờ hòa bình vì nó có lợi cho ta. Nhưng hòa bình không phải là ta không chuẩn bị lực lượng... Nếu ta tổ chức lực lượng chính trị cho tốt, khi cần vũ trang sẽ không khó"*. Về

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.20, tr.82.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.20, tr.82-83.

phương pháp cách mạng ở miền Nam, Người chỉ rõ: *“Ta chú ý đẩy lùi địch từng bước, giành từng thắng lợi, đó là khả năng đang có nhiều hơn. Khi có cơ hội, ta đánh đổ luôn, còn lúc này không nên bỏ những thắng lợi nhỏ”*¹.

Từ Nghị quyết 15, có thể thấy rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã khẳng định dứt khoát: con đường cách mạng miền Nam là con đường khởi nghĩa giành chính quyền. Và điều đặc biệt là chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân (khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị của quần chúng, có sự hỗ trợ của đấu tranh vũ trang) lại được quyết định trong bối cảnh lực lượng cách mạng ở miền Nam đang bị tổn thất không nhỏ. Điều đó cho thấy tầm nhìn xa, sự tiên lượng và quyết định của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Bộ chỉ huy tối cao trong những thời khắc khó khăn của lịch sử dựa trên sự phân tích, đánh giá một cách khách quan tình hình, tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch, đồng thời khẳng định niềm tin của Người và Trung ương Đảng vào sức mạnh nội lực, tinh thần đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam.

Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng là một sự kiện lịch sử. Hội nghị đã đề ra đường lối có tính nguyên tắc cho cách mạng miền Nam, đặt cơ sở để

¹ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, H.2006, tr.535.

xác định nhiệm vụ chiến lược chính xác và toàn diện, động viên mạnh mẽ tinh thần cách mạng của toàn dân, tạo nên những chuyển biến căn bản của phong trào cách mạng miền Nam trong những năm sau đó. Bằng nhiều phương thức đấu tranh sáng tạo, phong phú, những cuộc khởi nghĩa ở miền núi Liên khu V, ở cực Nam Trung Bộ và đặc biệt là các cuộc khởi nghĩa của đồng bào các tỉnh miền Trung Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ có đà phát triển và ngày càng lan rộng từ giữa năm 1959 đến cuối năm 1960. Quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết, trên cơ sở xác định đúng phương châm chỉ đạo đồng khởi, đề ra chủ trương và giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương, tạo yếu tố bất ngờ, đảm bảo chắc thắng cho đồng khởi. Từ trong Đồng khởi, quyền làm chủ của nhân dân được xác lập ở “1.383 trong tổng số 2.627 xã”; lực lượng vũ trang, bán vũ trang được xây dựng và từng bước trưởng thành. Thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” đã khôi phục lại các căn cứ địa cách mạng, tạo điều kiện cho vùng giải phóng được mở rộng, thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng ở các đồn điền, nhà máy, ở các trung tâm đô thị phát triển mạnh. Từ thế giữ gìn lực lượng, cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công.

Ngày 6-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội giữa lúc nhân dân miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân

dân miền Nam tiến lên cao trào khởi nghĩa từng phần. Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cương vị là Chủ tịch Đảng đã đọc lời khai mạc Đại hội. Người khẳng định: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà”¹. Người nhắc lại ý chí sắt đá giải phóng miền Nam của nhân dân cả nước: “Ngày nào mà chưa đuổi được đế quốc Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, chưa giải phóng được miền Nam khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm, thì nhân dân ta vẫn chưa thể ăn ngon, ngủ yên”, và nhấn mạnh “Miền Bắc giàu mạnh là cơ sở vững chắc của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà”.

Đại hội ra Nghị quyết xác định rõ: “Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược: Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước”. Nghị quyết cũng nhấn mạnh: “Cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam là một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt từ thấp đến cao, lấy việc xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng cách mạng của quần chúng làm cơ sở. Trong quá trình ấy, phải đặc biệt coi trọng công tác tổ chức và giáo dục nhân dân,

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.673.

trước hết là công nhân, nông dân và trí thức; phải phát huy đến cao độ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân; phải không ngừng vạch trần những âm mưu và hành động gian ác của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, triệt để phân hóa và cô lập chúng”.

Thể hiện rõ quyết tâm này, trong buổi bế mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Toàn Đảng và toàn dân ta đoàn kết chặt chẽ thành một khối khổng lồ. Chúng ta sáng tạo. Chúng ta xây dựng. Chúng ta tiến lên. Quyết không có lực lượng nào ngăn được chúng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”*¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng là một sự kiện lịch sử trọng đại. Nhất trí với tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội vạch ra đường lối chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo, nhằm đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, kết hợp sức mạnh của tiền tuyến và hậu phương, của dân tộc và thời đại đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Đến đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với toàn Đảng hoàn chỉnh đường lối và phương pháp của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người cùng Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) lãnh đạo

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.12, tr.681.

toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

2. Xây dựng và bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc, chi viện tiền tuyến lớn miền Nam, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1960-1965)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng mở ra một thời kỳ đấu tranh cách mạng mới vô cùng sôi động và hào hùng trên đất nước ta.

Trên miền Bắc, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội bắt đầu được thực hiện. Nhân dân miền Bắc ra sức phấn đấu đưa đất nước từ một nền nông nghiệp lạc hậu tiến lên nhằm mục tiêu: có nông nghiệp, công nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tại miền Nam, hình thái khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ đã dẫn tới những cuộc tiến công quân sự ngày càng phổ biến. Lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân phát triển nhảy vọt. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày 20-12-1960 đã tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước, đồng thời làm chức năng chính quyền nhà nước ở vùng giải phóng và các vùng căn cứ. Ở Lào, cách mạng từ đấu tranh chính trị chuyển lên đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh

vũ trang. Ở Campuchia, chính quyền vương quốc thi hành chính sách hòa bình trung lập. Một tình thế cách mạng mới xuất hiện trên bán đảo Đông Dương.

Tháng 1-1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về cách mạng miền Nam. Sau khi phân tích tình hình chính trị ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ về vấn đề thời cơ: *"Cần phân tích chỗ yếu, chỗ mạnh của địch, tùy hoàn cảnh để hành động, phải đề phòng nổi dậy non, chủ quan, nhưng cũng tránh bỏ lỡ cơ hội. Trong xây dựng lực lượng, phải chú trọng vấn đề ăn, "thực túc binh cường" nên phải xem trọng sản xuất, phải hết sức coi trọng công tác địch vận để đỡ hao xương tổn máu. Trước tình hình này, chú ý vũ trang nhưng phải coi trọng hàng đầu là công tác xây dựng Đảng"*¹. Do so sánh lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam đã thay đổi qua phong trào "Đồng khởi", Bộ Chính trị quyết định chuyển phương châm đấu tranh của cách mạng miền Nam: Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai lực lượng chính trị và quân sự. Nhiệm vụ công tác trước mắt ở miền Nam là ra sức xây dựng mau chóng lực lượng của ta về cả hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận

¹ Hồ Chí Minh *Biên niên tiểu sử* (xuất bản lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia, H.2007, t.8, tr.11.

dân tộc giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta, làm tan rã chính quyền và lực lượng địch trên một phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến lên làm chủ rừng núi, giành lại toàn bộ nông thôn đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị, tạo mọi điều kiện và nắm mọi thời cơ thuận lợi đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm, giải phóng miền Nam.

Tiếp đó, Bộ Chính trị lại xác định nhiệm vụ quân sự chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tình thế mới là: Bảo vệ hòa bình, bảo đảm công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc; đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, tiến tới giải phóng miền Nam và tích cực giúp đỡ cách mạng Lào giành thắng lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị dự kiến: trong quá trình phát triển của cách mạng miền Nam, có thể nổ ra những cuộc đảo chính và binh biến mà cách mạng phải biết kịp thời nắm lấy cơ hội để chuyển biến tình hình; đồng thời có khả năng đế quốc Mỹ vũ trang can thiệp, ta phải hết sức theo dõi, hạn chế và kịp thời đối phó. Lúc này, còn khả năng giữ hòa bình trên miền Bắc cho nên phải hết sức tránh một cuộc can thiệp vũ trang lớn của đế quốc Mỹ, miền Bắc phải chi viện cách mạng miền Nam với tất cả khả năng của mình, tích cực giúp đỡ cách mạng Lào, đồng thời sẵn sàng đối phó với chiến tranh mở rộng.

Phát biểu kết thúc cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 25-2-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: về xây dựng hậu phương miền Bắc, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, "kế hoạch vật tư kỹ thuật phải bàn với bạn"; còn nhân dân ta thì phải làm tốt các mặt "lương thực, đường sá và hợp tác xã". Về xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, Người căn dặn: "*Quân đội ta là quân đội nhân dân. Chiến tranh của ta là chiến tranh nhân dân. Quân đội phải gắn chặt với dân. Trong quân đội, tác phong đồng cam cộng khổ là rất quan trọng. Trang bị kỹ thuật phải tiến lên, nhưng sinh hoạt của bộ đội phải phù hợp với sinh hoạt của nhân dân*"¹.

Hai cuộc họp của Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 1 và tháng 2 năm 1961 đánh dấu bước phát triển sáng tạo về tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng trong tình hình cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng. Xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn của cả nước, tích cực chi viện miền Nam, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, hạn chế chiến tranh trong phạm vi miền Nam và thắng địch ở miền Nam

Trước sự phát triển của cách mạng Việt Nam sau cao trào "Đồng khởi", đế quốc Mỹ tiến thêm một bước

¹ Hồ Chí Minh *Biên niên tiểu sử*, Sđd, t.8, tr.35.

trong chính sách vũ trang xâm lược. Tập đoàn Kennodi lên cầm quyền ở Mỹ tiến hành cuộc "chiến tranh đặc biệt" nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam. "Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự và dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt đánh người Việt".

Thực hiện kế hoạch chiến lược trên, Mỹ tăng nhanh viện trợ quân sự cho Diệm, đưa vào miền Nam số lượng ngày càng lớn cố vấn quân sự và lực lượng hỗ trợ chiến đấu. Số lượng đó tăng lên hàng năm: cuối năm 1960 có 1.100 tên; cuối năm 1962 có 11.000; cuối năm 1964 có 26.000 tên. Bộ chỉ huy quân sự Mỹ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn ngày 8-2-1962 thay cho Đoàn cố vấn viện trợ quân sự (MAAG) được thành lập năm 1950. Để phối hợp, chính quyền Sài Gòn ra sức bắt lính, tăng nhanh lực lượng quân ngụy, từ 170.000 (giữa năm 1961) lên 560.000 (cuối năm 1964). Quân ngụy được trang bị hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới, như "trục thẳng vận", "thiết xa vận". Được sự hỗ trợ chiến đấu và chỉ huy của cố vấn Mỹ, quân ngụy liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách

mạng, tiến hành nhiều hoạt động phá hoại miền Bắc, hoạt động kiểm soát, phong tỏa biên giới và vùng biển.

Dựa vào lực lượng quân sự và bằng những cuộc hành quân càn quét, chính quyền Sài Gòn đã ráo riết dồn dân, lập "ấp chiến lược" (sau đổi là "ấp tân sinh"), dự định dồn 10 triệu nông dân vào 16.000 ấp trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam bằng thủ đoạn cưỡng ép. Chúng lập ấp đến đâu thì giăng đồn bốt, lập bảo an, dân vệ, chính quyền đến đó để kiểm soát. Nhân dân trong các "ấp chiến lược" bị kiểm soát gắt gao, ngột ngạt, như trong các trại tập trung. "Ấp chiến lược" được coi là "quốc sách" và gần như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình "bình định" miền Nam. Mỹ-ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt", trọng tâm là mục tiêu "bình định" trong vòng 18 tháng, bắt đầu từ giữa năm 1961 bằng kế hoạch Stanlây Taylo. Đến đầu năm 1964, 18 tháng đã qua, miền Nam vẫn chưa được "bình định", Mỹ đặt yêu cầu khiếm tốn: "Bình định" miền Nam có trọng điểm trong thời hạn 2 năm bằng kế hoạch Giôn-xơn - Mác Namara.

Đáp ứng yêu cầu của cách mạng từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng, chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ-ngụy, ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất

thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Đây là sự kiện quan trọng tiếp sau sự kiện Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (ngày 20-12-1960) và Trung ương Cục miền Nam Việt Nam được thành lập (tháng 1-1961) thay cho Xứ uỷ Nam Bộ cũ. Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận do Đảng lãnh đạo, Quân giải phóng miền Nam cùng với nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ và tay sai, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiến công địch bằng cả ba mũi chính trị, quân sự và binh vận.

Trên mặt trận quân sự, Quân giải phóng giành thắng lợi mở đầu vang dội trong trận Ấp Bắc (Mỹ Tho) ngày 2-1-1963. Tại đây, lần đầu tiên với số quân ít hơn địch 10 lần, Quân giải phóng đánh bại cuộc hành quân càn quét của trên 2.000 lính ngự có cố vấn Mỹ chỉ huy, được pháo binh, máy bay lên thẳng, xe tăng, xe bọc thép của Mỹ yểm trợ.

Trên mặt trận chống phá "bình định", giữa địch và quân cách mạng đã diễn ra cuộc đấu tranh dai dẳng, giằng co nhau quyết liệt giữa lập và phá "ấp chiến lược". Đến cuối năm 1964 đầu năm 1965, từng mảng lớn "ấp chiến lược" do địch lập ra bị quân dân ta phá và có nhiều ấp sau đó trở thành làng chiến đấu. Phong trào đấu tranh chính trị lên cao ở các đô thị và nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng, nhất là giới Phật tử, các tầng lớp học sinh, sinh viên

tham gia. Chính phong trào này đã góp phần quyết định làm lung lay ngụy quyền Sài Gòn, buộc Mỹ phải đi đến quyết định làm đảo chính quân sự thay Diệm.

Đông-Xuân 1964-1965, Quân giải phóng mở chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ với trận mở màn chiến thắng ở Bình Giã (ngày 2-12-1964), làm phá sản về cơ bản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

Hội nghị lần thứ 9 của Trung ương Đảng họp tháng 12 năm 1963 dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định khẩn trương xây dựng bộ đội chủ lực ở miền Nam, phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích đồng thời đẩy mạnh hoạt động của bộ đội chủ lực trên các địa bàn chiến lược; về phương châm đấu tranh thì kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt tùy theo từng vùng và từng thời kỳ khác nhau, trong đó đấu tranh chính trị đóng một vai trò rất cơ bản và rất quyết định; đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp. Hội nghị xác định phương châm đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song không phải là một phương châm tạm thời, mà là phương châm lâu dài, trong toàn bộ quá trình cách mạng miền Nam. Thực hiện phương châm đó là phải tích cực chuẩn bị để tiến tới bước quyết định đánh đổ toàn bộ nền thống trị của địch ở miền Nam bằng một cuộc tổng công kích kết hợp với tổng khởi nghĩa. Hội nghị đề ra những chủ trương cụ thể nhằm động viên và tổ chức quân và dân cả nước "nỗ lực phấn đấu tiến lên giành thắng lợi mới ở miền Nam".



*Bác về thăm Thọ Cầu, xã Nghĩa Dân, Kim Động
ngày 16-9-1961*



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm xã lán biển
Nam Cường, Tiền Hải, Thái Bình, tháng 3-1962*

Để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong toàn dân trước sự đe dọa leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, ngày 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập và đọc báo cáo tại Hội nghị Chính trị đặc biệt tại Hà Nội. Đây là một văn kiện quan trọng, đánh giá, tổng kết thành tích 10 năm phấn đấu của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, về nông nghiệp, công nghiệp, văn hoá, xã hội ở miền Bắc và những chiến thắng oanh liệt của đồng bào miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Với những thắng lợi vang dội của quân và dân miền Nam, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Miền Nam thật xứng với danh hiệu "*Thành đồng của Tổ quốc*"¹ và kêu gọi đồng bào miền Bắc: "*Mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt*"².

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Mỹ và tay sai đã đến bước đường cùng. Chúng càng đánh càng thua, càng thua càng bí. Người khẳng định cách giải quyết đúng đắn nhất đối với cuộc chiến tranh ở Việt Nam là chấm dứt sự can thiệp của đế quốc Mỹ, rút quân đội và vũ khí Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam để công việc nội bộ của miền Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết theo tinh thần cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Tin tưởng vững chắc

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.11, tr.227.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.14, tr.278.

ở sức mạnh của nhân dân, nắm vững chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, Chủ tịch Hồ Chí Minh hạ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đây là một quyết tâm rất lớn, với niềm tin tất thắng tên đầu sỏ của chủ nghĩa đế quốc. Có thể nói, hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập là một "Diên Hồng" ở thế kỷ XX thể hiện khí phách anh hùng bất khuất, ý chí gang thép của dân tộc Việt Nam kiên quyết bảo vệ độc lập, tự do, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đến năm 1964, đế quốc Mỹ đứng trước tình thế: hoặc phải chịu thua trong cuộc "chiến tranh đặc biệt", hoặc đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam, kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược. Giữa năm 1964, Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn có những hoạt động khiêu khích, phá hoại và chuẩn bị cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân chống phá miền Bắc ngày càng trắng trợn. Ngày 18-6-1964, đại diện mới của Ca-na-đa trong Ủy ban quốc tế đến gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng, chuyển "ý kiến của Mỹ" về việc đánh phá miền Bắc của không quân Mỹ sẽ dẫn đến "cảnh tàn phá hết sức ghê gớm". Trước những mưu đồ, những lời đe dọa và hành động chuẩn bị mở rộng chiến tranh của Mỹ, tháng 6-1964, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị "Tăng cường sẵn sàng chiến đấu, đập tan âm mưu khiêu khích, đánh phá miền Bắc của không quân Mỹ".

Ngày 5-8-1964, phát biểu trên đài truyền hình Mỹ,

Tổng thống Lyndon B. Johnson thông báo, tại vịnh Bắc bộ ngày 2-8, tàu ngư lôi của Bắc Việt Nam đã tấn công tàu khu trục Mỹ. Ngày 4-8, hai tàu Mỹ là Maddox và Turner Joy lại bị phía Việt Nam tấn công. Ngày 5-8-1964, hải quân Mỹ ném bom một số cửa biển quan trọng ở miền Bắc Việt Nam như cửa sông Gianh, Vinh - Bến Thủy, Lạch Trường, thị xã Hòn Gai, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại 9 năm bằng không quân và hải quân quy mô lớn đối với miền Bắc Việt Nam.

Sáng ngày 5-8-1964, Bộ chính trị Trung ương Đảng họp hội nghị bất thường. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị: "Chuẩn bị mọi mặt chuyển sang thời chiến". Sau 10 năm hòa bình, xây dựng, quân và dân miền Bắc lại bước vào một cuộc chiến đấu mới, một cuộc chiến tranh nhân dân đất nước không trong điều kiện hiện đại.

Từ ngày 25 đến 26-9-1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thảo luận về tình hình miền Nam. Hội nghị đề ra năm công tác cấp bách, trong đó nổi lên mấy điểm liên quan đến tác chiến chiến dịch và nghệ thuật chiến dịch, đó là: Đẩy mạnh hoạt động tác chiến, tích cực tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quân chủ lực địch, phối hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, binh vận làm tan rã phần lớn quân địch. Làm chủ cho được vùng rừng núi, nông thôn, đồng bằng, đẩy mạnh phong trào ở đô thị; gấp rút xây dựng lực lượng chính

trị, quân sự, đặc biệt là lực lượng bộ đội chủ lực. Kết thúc hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Ta phải đánh lâu dài 10 đến 20 năm, phải đề phòng địch có hành động điên cuồng dù chúng bị cô lập, phải có kế hoạch phòng khi đột biến. Miền Nam phải mở rộng chiến tranh du kích, xây dựng chủ lực thành quả đấm mạnh, gọn, nhanh. Hai năm qua chưa tăng cường ủy viên Bộ Chính trị cho miền Nam, nay tình hình cấp bách, không đi không được". Sau Hội nghị này, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng và một số cán bộ cấp cao có kinh nghiệm chỉ huy tác chiến được cử vào các chiến trường Nam Bộ và Trung Trung Bộ. Gặp gỡ Đại tướng Nguyễn Chí Thanh và Thiếu tướng Lê Trọng Tấn chuẩn bị vào chiến trường công tác, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: *"Đánh Pháp đã khó, đánh Mỹ còn khó hơn. Đảng và Chính phủ giao cho các chú trong đó cùng với đồng bào miền Nam đánh Mỹ cho kỳ được thắng lợi. Gặp đồng bào thì nói: 'Bác Hồ luôn luôn nghĩ đến đồng bào miền Nam'"*¹.

Cuối năm 1964, Quân ủy trung ương họp Hội nghị mở rộng giữa lúc ở miền Nam, quân và dân chuẩn bị mở những cuộc tiến công mới. Hội nghị nghiên cứu chiến lược quân sự của Đảng trong cả ba trường hợp: "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam; "chiến tranh cục

¹ Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, H. 1990. tr.211.

bộ ở miền Nam"; và "chiến tranh cục bộ" trên cả hai miền Nam Bắc. Quán triệt tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh và vận dụng những kinh nghiệm lớn của Đảng về lãnh đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, Hội nghị đã đúc kết lý luận về chiến tranh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện mới. Bộ chính trị Trung ương Đảng đánh giá cao công trình tổng kết lý luận quân sự này và đã phê chuẩn những quyết định của Hội nghị Quân ủy trung ương. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị: "Cần giáo dục nhân dân từ các cháu đến ông già, bà cả về chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân. Cần viết ngắn và giáo dục phổ biến trong các trường học, các lớp bình dân học vụ, các lớp bổ túc văn hoá, các cuộc họp của hợp tác xã, của cơ quan, nhà máy". Người trực tiếp kiểm tra tình hình chuẩn bị đối phó với việc địch mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc.

Ngày 22-12-1964, Quân đội nhân dân Việt Nam tròn 20 tuổi. Huấn thị tại buổi lễ kỷ niệm, Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu dương bản chất cách mạng và truyền thống vẻ vang của quân đội: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Mùa xuân năm 1965, các chiến trường Nam Bộ, Trung Bộ và Tây Nguyên cùng mở những chiến dịch

và đợt hoạt động, dùng bộ đội chủ lực tiêu diệt từng bộ phận quân chính quy nguy, hỗ trợ cho nhân dân các địa phương nổi dậy. Trong các chiến dịch Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài, bộ đội chủ lực ta tiêu diệt gọn từng tiểu đoàn, chiến đoàn nguy. Ở Nam Bộ, vùng giải phóng mở rộng đến sát Sài Gòn - Gia Định và các đô thị khác. Một vùng rộng lớn đồng bằng Trung Trung bộ được giải phóng. Quân nguy quyền tan rã từng mảng. Chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ phá sản.

Cùng với việc "leo thang" đánh phá miền Bắc bằng không quân đến vĩ tuyến 20, tháng 3-1965, các lữ đoàn lính thuỷ đánh bộ Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng, Chu Lai. Chính quyền Giôn-xơn đã đưa nhân dân Mỹ đến bờ vực của một thảm họa.

Trước tình hình cách mạng miền Nam diễn biến hết sức phức tạp, vận mệnh dân tộc đứng trước những thách thức nghiêm trọng, Đảng ta vẫn kiên định lập trường, lãnh đạo nhân dân kiên quyết kháng chiến. Ngày 25-3-1965, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khoá III bàn về tình hình và nhiệm vụ trước mắt. Hội nghị nhận định: với những hành động mới của đế quốc Mỹ, "rồi đây địch có thể đưa thêm những đơn vị chiến đấu của Mỹ và của một số nước chư hầu vào miền Nam ngày càng nhiều hơn, điều ấy sẽ làm cho tính chất "đặc biệt" của cuộc chiến tranh của chúng ở miền Nam từng bước có thể có

biến đổi. Và cùng với việc ấy, chúng có thể tăng cường các hoạt động ném bom, bắn phá miền Bắc thường xuyên hơn, bằng những lực lượng không quân lớn hơn, trên phạm vi rộng hơn nhằm nhiều mục tiêu hơn; và chúng cũng còn có thể dùng tàu chiến để phong tỏa đường biển và tập kích một số vùng ở bờ biển miền Bắc". Để phù hợp với tình hình mới, Hội nghị đề ra chủ trương: "Tích cực kiềm chế và thắng địch trong cuộc chiến tranh đặc biệt ở mức cao nhất ở miền Nam, ra sức tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam nếu địch gây ra".

3. Giành thắng lợi quyết định ở miền Nam, đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, thắng địch từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn (1965-1975)

Đầu năm 1965, trước nguy cơ phá sản hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam nhằm đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng "Chiến tranh phá hoại" miền Bắc. "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới nằm trong chiến lược quân sự toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của

Mỹ. "Chiến tranh cục bộ" bắt đầu từ giữa năm 1965, được tiến hành bằng lực lượng của quân viễn chinh Mỹ, quân "đồng minh" và quân ngụy tay sai ở miền Nam, trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Số lính Mỹ có mặt ở miền Nam cuối năm 1964 là 26.000, đến cuối năm 1965 lên tới 180.000 và 20.000 lính chư hầu. Đó là chưa kể 70.000 lính hải quân và không quân trên các căn cứ Mỹ ở Guam, Philippin, Thái Lan và Hạm đội 7 luôn sẵn sàng tham chiến ở miền Nam. Y vào ưu thế quân sự cộng với quân đông, vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh, cơ động nhanh, Mỹ vừa mới vào miền Nam đã cho quân viễn chinh mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" mang tên "Ánh sáng sao" vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường - Quảng Ngãi (tháng 8-1965). Tiếp đó, Mỹ mở liền hai cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 bằng nhiều cuộc hành quân vào "Đất thánh Việt cộng".

Tháng 12-1965, Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị nhận định: "Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn". Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chúng ta phải đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ; tiêu diệt và làm tan rã quân ngụy, phá tan ngụy quyền. Cụ thể là:

đánh bại ý đồ bình định của địch ở Tây Nguyên, đồng bằng và xung quanh Sài Gòn". Người cũng chỉ rõ: "Phải tính mặt nghịch, mặt khó khăn do địch gây ra; đồng thời phải thấy Mỹ cũng có khó khăn, không phải muốn làm gì thì làm". Người dự đoán khả năng xấu nhất mà đế quốc Mỹ có thể gây cho ta là "bị hành lang đi vào miền Nam và đánh Hà Nội, Hải Phòng". Người chỉ thị: "Động viên toàn dân đoàn kết chống Mỹ, biến Nghị quyết của Đảng thành sức mạnh hành động. Quyết tâm đánh Mỹ, ta nhất định thắng".

Trung ương Đảng hạ quyết tâm động viên quân đội và nhân dân cả nước giữ vững chiến lược tiến công, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, kiên quyết đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Hội nghị Trung ương đề ra phương châm ra sức "hạn chế cuộc chiến tranh của địch và thắng địch trong cuộc chiến tranh hạn chế đó", kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, kết hợp ba mũi giáp công, kết hợp nổi dậy với tiến công, tiến công với nổi dậy, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Ngày 16-1-1966, tại Hội nghị Cán bộ cao cấp nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá III, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ về phạm vi, thời gian và phương hướng kết thúc chiến tranh: "*Chúng ta phải ra sức cố gắng giành cho được thắng lợi quyết định ở miền Nam, bởi vì cuộc chiến tranh này căn bản là ở miền Nam. Mỹ thua ở miền Nam tức là nó thua, ta thắng ở miền Nam,*

tức là ta thắng"¹, "phải giành thắng lợi quyết định trong một thời gian, ta không nói mấy năm, mấy tháng, mấy ngày, nhưng trong một thời gian càng ngắn càng tốt"². Còn ở miền Nam phải "tiêu diệt và phá tan được quân nguy, tiêu diệt được nhiều quân Mỹ, đó là ta giành được thắng lợi quyết định"³ và khẳng định ta nhất định thắng vì cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là cuộc chiến tranh nhân dân.

Miền Nam chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ là chiến đấu chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược được tăng cường và mở rộng với lực lượng quân đội mạnh, lúc cao nhất (năm 1968) lên hơn 1 triệu quân, gồm Mỹ, chư hầu và nguy quân với vũ khí hiện đại. Nhưng với ý chí không gì lay chuyển "quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược", được sự phối hợp chiến đấu và chi viện ngày càng lớn của miền Bắc, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và liên tiếp giành thắng lợi, với thắng lợi mở đầu ở Vạn Tường (ngày 18-8-1965). Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực Quân giải phóng lúc đó đang đóng ở Vạn Tường, cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch, diệt hơn 900 tên, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay. Khả năng thắng Mỹ trong "Chiến

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.15, tr.17.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.15, tr.17.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.15, tr.17.

tranh cục bộ" của quân dân ta được chứng minh trong chiến thắng Vạn Tường đã trở thành hiện thực trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967. Ta đập tan liền hai cuộc phản công chiến lược bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của Mỹ vào "Đất thánh Việt cộng". Tổng hợp trong mùa khô thứ hai, trên toàn miền, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 151.000 tên địch, trong đó có 68.200 Mỹ, 5.540 chư hầu, bắn rơi và phá huỷ 1.231 máy bay, phá huỷ 1.627 xe tăng và xe bọc thép, 2.107 ô tô. Ngoài ra, ở hầu khắp các vùng nông thôn, nông dân được sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang, đã vùng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, trừng trị bọn ác ôn, phá từng mảng lớn "ấp chiến lược". Trong hầu hết các thành thị miền Nam, giai cấp công nhân, các tầng lớp lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, các binh sĩ nguy đều nổi dậy đấu tranh đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Kết quả là vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Đến cuối năm 1967, Mặt trận có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước thế giới thứ ba. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức có tính chất khu vực lên tiếng ủng hộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh theo dõi sát từng tin thắng trận của quân và dân miền Nam. Nhân dịp kỷ niệm

lần thứ 5 ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1965), Người gửi điện chúc mừng. Trong bức điện, Người khen ngợi những chiến thắng vang dội ở Vạn Tường, Plâyme, Đà Nẵng, Chu Lai, Bầu Bàng, Dầu Tiếng, Sài Gòn... và khẳng định *"Quân và dân ta ở miền Nam có đủ khả năng đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ dù chúng đưa thêm vào miền Nam mấy chục vạn quân nữa"*¹. Tháng 12-1966, khi Phái đoàn thường trực của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và thăm hỏi những người con ưu tú của miền Nam, đồng thời thân ái gửi lời chúc mừng đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh hùng. Nhân dịp Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam công bố *Cương lĩnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Đoàn kết là sức mạnh vô địch của chúng ta. Sức mạnh đoàn kết của nhân dân ta nhất định sẽ đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Tháng 9-1967, Người gửi điện mừng Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua và dũng sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam lần thứ hai, khen ngợi những thành tích trong hơn hai mươi năm chiến đấu vô cùng anh dũng, bền bỉ, vượt mọi gian khổ, hy sinh, quyết giành lại độc lập, tự do của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Người viết: *"Năm 1965, Đại hội anh hùng miền Nam lần thứ nhất là Đại hội đánh thắng "Chiến tranh đặc biệt" của*

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.683.

giặc Mỹ. Đại hội anh hùng lần này là Đại hội của những người sẽ đánh thắng "chiến tranh cục bộ" của chúng, thực hiện Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam"¹.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta còn gặp nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhất định sẽ đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc. Ngày 28-12-1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng, quyết định chủ trương mở đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968). Sau Hội nghị, Người chỉ thị cho cán bộ chỉ huy các chiến trường: Kế hoạch phải thật tỉ mỉ. Hợp đồng phải thật khốp. Bí mật phải thật tuyệt đối. Hành động phải thật kiên quyết. Cán bộ phải thật gương mẫu.

Đêm 30 rạng sáng 31-1-1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân), quân dân ta trên khắp miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37 trong tổng số 44 tỉnh, 5 trong số 6 đô thị, 64 trong số 242 quận lỵ và ở hầu khắp các "ấp chiến lược", các vùng nông thôn. Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công tận các vị trí đầu não của địch, như toà Đại sứ Mỹ, dinh "Độc lập", Bộ tổng tham mưu ngụy, Bộ tư lệnh biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất...

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.371.

Trong đợt 1, không đầy một tháng, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 147.000 tên địch, trong đó có 43.000 lính Mỹ, phá huỷ một khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của chúng. Từ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình, đại diện cho tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở các thành thị đã được thành lập ở Sài Gòn, Huế và toàn miền Nam. Đó là đòn bắt ngờ làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu lính Mỹ, gần 1 triệu lính ngụy), cơ sở ở thành thị mạnh, chúng nhanh chóng tổ chức được lực lượng phản công lại quân ta ở cả thành thị lẫn nông thôn, lực lượng của ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Tuy nhiên, những thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam làm đồng bào cả nước phấn khởi, tự hào, bạn bè thế giới vui mừng. Trong niềm vui đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện mừng và căn dặn: *"Thắng lợi đầu xuân của quân và dân miền Nam đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta đến một tình thế mới rất có lợi! Không có gì cứu vãn nổi sự sụp đổ hoàn toàn của giặc Mỹ và tay sai! Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan. Quân địch như con thú dữ đến bước đường cùng càng giãy giụa điên cuồng, quân và dân ta càng phải tăng cường đoàn kết, kiên trì chiến đấu, đánh mạnh, đánh liên tục, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa!"*¹.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 332.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm
Khu tự trị Việt Bắc lần thứ I, ngày 13-3-1960*

Song song với chiến thắng ở tiền tuyến lớn miền Nam là thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Mỹ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc với âm mưu: Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ của nhân dân ta ở cả hai miền đất nước. Mỹ coi việc thực hiện những mục tiêu đó như những biện pháp nhằm củng cố tinh thần quân ngũ đang sa sút nghiêm trọng, ngăn phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao. Mỹ đã huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, gồm hàng ngàn máy bay tối tân thuộc 50 loại khác nhau, kể cả những loại mới nhất, như F111, B52 với các loại vũ khí hiện đại khác. Không quân và hải quân Mỹ tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, các đầu mối giao thông, các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, các công trình thuỷ lợi, khu đông dân. Đã man hơn, chúng đánh cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng, đền, chùa, nhà thờ. Máy bay, tàu chiến Mỹ ném bom, bắn phá liên tục khắp mọi nơi, mọi lúc, trong mọi thời tiết, với cường độ ngày càng tăng. Trung bình mỗi ngày chúng thả bom khoảng 300 lần, với 1.600 tấn bom đạn trút xuống các làng mạc, phố xá. Bom đạn của chúng đã cướp đi biết bao sinh mạng

và gây thương tích cho bao nhiêu người. Bom đạn của chúng cũng đã tàn phá biết bao của cải, cơ sở kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải), công trình văn hoá, giáo dục, y tế mà nhân dân ta đã tạo nên trong hơn 10 năm trước đó¹.

Ngay từ khi Mỹ bắt đầu mở rộng chiến tranh phá hoại, miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động cho phù hợp với hoàn cảnh mới, thực hiện quân sự hoá toàn dân, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào phòng tránh, tiến hành triệt để sơ tán, phân tán người và của khỏi những vùng trọng điểm, những nơi đông dân, để tránh thiệt hại lớn, bảo đảm đời sống ổn định. Chống lại những hành động phá hoại của địch là nhiệm vụ của các lực lượng phòng không, không quân, của lực lượng hải quân, với vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại và của cả lực lượng tự vệ, dân quân, của toàn dân, bất cứ trẻ già, trai gái với vũ khí thông thường, hễ địch đến là đánh, ai không trực tiếp chiến đấu thì phục vụ chiến đấu, lúc tạm thời yên ổn thì toàn dân tham gia sản xuất. Trong sản xuất, xây dựng kinh tế, ta chủ trương đẩy mạnh kinh tế địa phương, chú trọng phát triển nông nghiệp. Xây dựng kinh tế thời chiến theo hướng đó sẽ hạn chế được sự tàn phá của

¹ Sáu thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Nguyên, Việt Trì, Vinh; 25 trong tổng số 30 thị xã của miền Bắc bị đánh phá nhiều lần, trong đó có 6 thị xã bị hủy diệt (Đồng Hới, Ninh Bình, Phú Lý, Bắc Giang, Yên Bái, Sơn La), có những thị trấn bị phá trụi như Hà Tu (Quảng Ninh) và Hồ Xá (Vĩnh Linh).

chiến tranh và tăng khả năng đảm bảo cho nhu cầu của cuộc chiến đấu tại chỗ và đời sống nhân dân từng địa phương. Các mặt hoạt động khác của đời sống xã hội (như văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, văn học, nghệ thuật) cũng được chú trọng phát triển. Trong chiến đấu và sản xuất, phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước dâng cao, thể hiện sáng ngời chân lý: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Các lực lượng vũ trang nhân dân nêu khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Giai cấp công nhân nêu quyết tâm "Chắc tay súng, vững tay búa", phấn đấu đạt "Ba điểm cao". Nông dân tập thể nêu quyết tâm "Chắc tay súng, vững tay cày", phấn đấu đạt "Ba mục tiêu". Thanh niên có phong trào "Ba sẵn sàng", phụ nữ có phong trào "Ba đảm đang", giáo viên và học sinh có phong trào thi đua "Hai tốt", thiếu niên nhi đồng có phong trào "Làm nghìn việc tốt".

Sau 4 năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân miền Bắc anh hùng đã giành được thắng lợi vẻ vang: "Bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy hàng trăm tàu chiến lớn nhỏ, *đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại* của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta"¹. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vì đã phá vỡ được âm mưu của Mỹ là làm suy yếu miền Bắc và giảm sút sức chi viện cho miền Nam. Do bị thất bại nặng ở cả hai miền, đến ngày 1-11-1968, Mỹ buộc

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t. 12, tr. 407.

phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc.

Trong khi đó, sản xuất tiếp tục được đẩy mạnh ở miền Bắc. Trong nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, ngày càng có nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt “Ba mục tiêu”. Từ 7 huyện đạt mức sản lượng thóc 5 tấn/hécta trong hai vụ năm 1965 đã tăng lên 14 huyện năm 1966, 30 huyện năm 1967. Hàng chục nghìn cán bộ, công nhân kỹ thuật được đào tạo để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Trong công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững. Các cơ sở công nghiệp lớn đã kịp thời sơ tán, phân tán và sớm đi vào sản xuất, bảo đảm những nhu cầu thiết yếu nhất của chiến đấu, sản xuất và đời sống. Đầu tư vào công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng tăng lên so với thời kỳ trước chiến tranh. Mức đầu tư vào công nghiệp địa phương trong hai năm 1966-1967 tăng 1,5 lần so với kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961- 1965). Mỗi tỉnh trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh, có thể tự cấp tự túc đến mức cao nhất, bảo đảm hậu cần cho cuộc chiến đấu tại chỗ, tự sản xuất các mặt hàng tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu của nhân dân địa phương. Tiểu thủ công nghiệp, một bộ phận quan trọng của công nghiệp địa phương cũng được chú trọng phát triển.

Nhờ những nỗ lực phi thường trong sản xuất,

trong chiến đấu bảo vệ sản xuất của giai cấp công nhân, nông dân tập thể, của toàn dân, cùng với sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa và loài người tiến bộ, những nhu cầu của cuộc chiến đấu tại chỗ và ở miền Nam, cùng với những nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân đã được đáp ứng.

Ngay cả trong điều kiện chiến tranh ác liệt, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, miền Bắc vẫn hướng về miền Nam. Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu "Mỗi người làm việc bằng hai". Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc-Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ dọc theo dãy Trường Sơn và trên biển dọc theo bờ biển Việt Nam bắt đầu khai thông từ tháng 5-1959, dài hàng nghìn kilômét đã nối liền hậu phương - tiền tuyến, thắt chặt tình cảm ruột thịt Bắc - Nam. Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, chủ yếu trên đường Trường Sơn, trong bốn năm (1965-1968), miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tham gia các nhiệm vụ xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng, và cũng đã gửi vào Nam hàng chục vạn tấn hàng, gồm vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung, sức người, sức của từ Bắc chuyển vào Nam trong bốn năm đã

tăng gấp 10 lần so với thời kỳ trước. Đó là chưa kể hàng vạn chiến sĩ lái xe, lái tàu, công binh, thanh niên xung phong, giao liên làm nhiệm vụ đưa đón trên tuyến đường Trường Sơn. Nguồn lực chi viện trên cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc giành được trong chiến đấu và sản xuất có tác dụng to lớn, đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến tranh cục bộ của Mỹ - ngụy.

Đầu năm 1969, vừa trúng cử Tổng thống và chính thức bước vào Nhà Trắng, Níchxơn cho ra đời "Học thuyết Níchxơn", đề ra chiến lược toàn cầu "Ngăn đe thực tế" thay cho chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt" của Kennơđi đã bị phá sản trên thế giới và ở Đông Dương. Mỹ thực hiện thí điểm ở các nước Đông Dương chiến lược toàn cầu mới, đề ra chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh, "Lào hoá" chiến tranh, "Khơme hoá" chiến tranh, và "Đông Dương hoá" chiến tranh. "Việt Nam hoá" chiến tranh của Níchxơn là để thay cho chiến lược chiến tranh cục bộ của Giônxơn đã phá sản, là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mỹ và vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự, cung cấp đô la, vũ khí, kỹ thuật, phương tiện chiến tranh, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá"

chiến tranh, quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu rút dần khỏi chiến tranh, đồng thời tăng cường quân đội tay sai để giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường. Thực chất đó là sự tiếp tục thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt". Nhưng trong thời kỳ đầu của "Việt Nam hoá" chiến tranh, quân Mỹ còn giữ vai trò quan trọng, cùng với quân ngụy là hai lực lượng chiến lược. Quân Mỹ và chư hầu trong năm đầu (1969) đạt đến con số cao nhất (hơn 50 vạn lính Mỹ, 7 vạn lính chư hầu) là chỗ dựa của quân ngụy và của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh. Quân đội Sài Gòn còn được Mỹ sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh của Mỹ là chiến đấu chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường với lực lượng địch lúc cao nhất trên 1,5 triệu lính ngụy, Mỹ, chư hầu (năm 1971), trên địa bàn toàn Đông Dương, vừa chiến đấu chống địch trên chiến trường, vừa đấu tranh với chúng trên bàn đàm phán. Trong năm đầu chống chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh, lực lượng cách mạng có những tổn thất và khó khăn, một mặt do địch gây ra, mặt khác do ta chủ quan trong việc đánh giá âm mưu mới của địch,

chậm trễ trong việc đề ra chủ trương, biện pháp đối phó hữu hiệu. Nhưng các khó khăn của ta đã từng bước được khắc phục, tạo điều kiện cho cách mạng tiếp tục giành thắng lợi. Thắng lợi chính trị mở đầu giai đoạn chống chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh là sự ra đời của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ngày 6-6-1969. Đó là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam Việt Nam. Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

Giữa lúc nhân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc đang giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu lâm bệnh. Tháng 8-1969, sức khoẻ của Người đã giảm sút nhiều. Từ lúc Người lâm bệnh, Trung ương Đảng đã tập trung mọi khả năng và phương tiện để săn sóc sức khoẻ của Người. Một tập thể giáo sư và bác sĩ y khoa giỏi ngày đêm túc trực bên giường bệnh để săn sóc, chạy chữa cho Người. Nhưng do tuổi cao bệnh nặng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời lúc 9 giờ 47 phút, ngày 2-9-1969, tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bản *Di chúc* mà Người bắt đầu viết ngày 10-5-1965, khi còn rất

minh mắt. Vào dịp sinh nhật các năm 1966, 1967, 1968 và 1969, Người đều dành thời gian để xem lại, sửa chữa và bổ sung vào bản *Di chúc*. *Di chúc* của Bác là những lời căn dặn tâm huyết cuối cùng đối với Đảng ta và nhân dân ta. Mở đầu bản *Di chúc* Bác viết: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn". Sau đó là những lời căn dặn của Người đối với Đảng: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân". Với đoàn viên và thanh niên: "Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên". Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết". Về phong trào cộng sản thế giới, Người mong rằng: "Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình". *Di chúc* là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh

trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân hiếm có đã suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại. Di chúc còn phản ánh một tâm hồn, đạo đức cao cả và tình thương yêu bao la của Người đối với nhân dân ta và bạn bè quốc tế, của một con người mà: "Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa". Và điều mong muốn cuối cùng của Người là: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"¹.

Ngày 9-9-1969, tại Hà Nội, Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã diễn ra rất trọng thể. Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc *Điều văn. Điều văn* đã khái quát toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh hơn 60 năm, từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Dù đã đi xa, nhưng tư tưởng, đường lối chỉ đạo của Người cùng với tình thương yêu bao la, sự quan tâm của Người luôn

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 509 - 512.

luôn là nguồn ánh sáng dẫn đường, cổ vũ, động viên nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đúng như *Điều văn* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định: "Hồ Chủ tịch đã qua đời! Nhưng Người để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Toàn thể dân tộc Việt Nam ta mãi mãi ghi lòng tạc dạ công ơn trời biển của Người... Hồ Chủ tịch qua đời! Nhưng Người luôn dẫn dắt chúng ta. Chúng ta vẫn cảm thấy có Người luôn luôn bên cạnh. Bởi vì chúng ta vẫn đi theo con đường của Người. Bởi vì Người vẫn sống mãi với non sông đất nước, tên tuổi và hình ảnh của Người ngày càng khắc sâu trong trái tim, khối óc của mỗi chúng ta".

Trong tình hình cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chưa giành được thắng lợi hoàn toàn, quân và dân cả nước thề trước anh linh của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Giương cao mãi mãi ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thỏa lòng mong ước của Người*"¹. Tháng 1-1970, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.627.

(khoá III) họp nhằm kiểm điểm sự phát triển của cục diện chiến tranh từ đầu Xuân Mậu Thân 1968 và đề ra chủ trương, nhiệm vụ, công tác mới nhằm đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Hội nghị đã phân tích những thắng lợi của nhân dân hai miền Nam, Bắc, chỉ ra thất bại to lớn của địch và đánh giá: "Qua hai năm, từ khi chuyển sang giai đoạn mới, ta đã giành được *những thắng lợi về chiến lược to lớn, toàn diện, chưa từng có*, gây cho địch những thất bại nặng nề về mọi mặt"¹. Hội nghị cũng chỉ rõ những nguyên nhân dẫn đến những thắng lợi của quân và dân ta, trong đó nhấn mạnh: "*Đường lối cách mạng miền Nam, đường lối tiến hành chiến tranh cách mạng của Đảng ta hết sức đúng đắn và sáng tạo*"². Đồng thời với việc đánh giá những thắng lợi, Hội nghị cũng nêu ra những khuyết điểm, nhược điểm và khó khăn của ta trong thời gian vừa qua và vạch rõ nguyên nhân của những thiếu sót là do đối phó của ta trên một số chiến trường còn chưa được kịp thời, hoạt động của bộ đội chủ lực và chiến tranh du kích chưa phát huy hiệu lực lớn, việc phá âm mưu bình định của địch chưa được coi trọng đúng mức, phong trào đấu tranh chính trị, nhất là ở các thành thị, chưa phát triển kịp với tình hình, chưa khai thác hết khả năng to lớn của ta, công tác binh vận còn yếu.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.31, tr. 94.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, tr.99.

Hội nghị hạ quyết tâm thực hiện kỳ được *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn*”. Nghị quyết Hội nghị ghi rõ: nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là: kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ, đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị, kết hợp với tiến công ngoại giao, vừa tiến công địch vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh; đánh bại âm mưu “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ; tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới thống nhất đất nước.

Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đánh dấu bước chuyển biến quan trọng về sự chỉ đạo của Đảng ta. Hội nghị đã dự kiến đúng tình hình và có chủ trương cụ thể nhằm đối phó với âm mưu địch mở rộng chiến tranh ra toàn bán đảo Đông Dương. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương khóa III, quân và dân miền Nam có phương hướng mới trong đấu tranh cách mạng, nhanh chóng khắc phục những khó khăn trước mắt, tiến tới giành những thắng lợi to lớn trong năm 1970 và những năm tiếp theo của cách mạng. Trong hai ngày 24 và 25-4-1970, để đối phó lại việc Mỹ giết dây bọ tay sai làm đảo chính quân sự xoá bỏ nền trung lập của Campuchia (ngày 18-3-

1970), chuẩn bị cho bước phiêu lưu quân sự mới, ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia họp Hội nghị cấp cao để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mỹ. Từ ngày 30-4 đến ngày 30-6-1970, Quân giải phóng miền Nam có sự phối hợp của quân dân Campuchia, đã chiến đấu dũng cảm, đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mỹ và nguy Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 lính Mỹ - Nguy, giải phóng hoàn toàn năm tỉnh thuộc Đông Bắc Campuchia và phần lớn nông thôn của 10 tỉnh khác, hình thành một vùng giải phóng rộng lớn với 4,5 triệu dân.

Từ ngày 12-2 đến ngày 23-3-1971, quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào, đã đập tan cuộc hành quân chiếm giữ đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn lính Mỹ-ngụy Sài Gòn mang tên "Lam Sơn - 719" nhằm cắt đôi chiến trường Đông Dương, cắt tuyến chi viện chiến lược của ta. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 lính Mỹ-ngụy, quét hết quân địch còn lại khỏi Đường 9 Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương. Trong cùng thời gian chiến thắng ở Đường 9 - Nam Lào, quân tình nguyện của ta cùng với quân dân Campuchia đã đập tan cuộc hành quân mang tên "Toàn thắng 1-71" của 2,3 vạn quân nguy Sài Gòn dưới sự yểm trợ của không quân Mỹ vào vùng căn cứ của Quân giải phóng ở Đông Bắc Campuchia.

Ở khắp các đô thị miền Nam, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục, mạnh mẽ. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào học sinh, sinh viên rầm rộ đã thu hút đông đảo giới trẻ tuổi tham gia. Phong trào tuổi trẻ, học sinh, sinh viên thời kỳ này có vai trò quan trọng, thường là "châm ngòi nổ" cho phong trào chung của các tầng lớp nhân dân thành thị. Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, khắp nơi đều có phong trào quần chúng nổi dậy phá "ấp chiến lược", chống chương trình "bình định nông thôn" của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng giành được quyền làm chủ thêm 3.600 ấp với 3 triệu dân. Chính quyền cách mạng cũng đã cấp cho nông dân trên 1,6 triệu héc ta ruộng đất. Trong vùng giải phóng, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công tác văn hoá, giáo dục, y tế cũng đã đạt được những kết quả quan trọng.

Những thắng lợi quân sự, chính trị trên đây, nhất là thắng lợi ở Đường 9 - Nam Lào và Đông Bắc Campuchia nửa đầu năm 1971 đã làm phá sản bước đầu chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh và "Đông Dương hoá" chiến tranh của Mỹ, mở ra khả năng thực tế làm phá sản hoàn toàn chiến lược đó.

Trưa ngày 30-3-1972, quân ta bắt đầu cuộc tiến công chiến lược theo kế hoạch của Quân ủy trung ương. Mở đầu cuộc tiến công, quân ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ

yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972. Kết quả là sau gần ba tháng chiến đấu (đến cuối tháng 6-1972), quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu một lực lượng lớn sinh lực địch, khoảng 25 vạn quân, phá và thu một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh, gồm 636 xe tăng và xe bọc thép, 419 khẩu pháo, 340 máy bay; giải phóng những vùng đất đai rộng lớn hơn 1 triệu dân. Đó là đòn mạnh mẽ giáng vào chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh của Mỹ.

Do thất bại ở hai miền nước ta, nhất là sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, Mỹ buộc phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc từ từng phần (ngày 31-3-1968) đến toàn bộ (ngày 1-11-1968), đến bàn hội nghị đàm phán với đại diện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 13-5-1968), và sau đó với đại diện của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (ngày 25-1-1969). Từ phiên họp đầu tiên (ngày 13-5-1968) đến khi đạt được giải pháp Hiệp định Pari (ngày 27-1-1973), Hội nghị hai bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ) và bốn bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hoa Kỳ, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam và Việt Nam Cộng hoà) ở Pari đã trải qua 202 phiên họp chung công khai và 24 cuộc tiếp xúc riêng.

Trong các phiên họp chung công khai cũng như các cuộc tiếp xúc riêng, phía Việt Nam không bỏ qua

bất cứ vấn đề quan trọng nào có liên quan đến cuộc chiến tranh, nhưng tập trung mũi nhọn đấu tranh vào hai vấn đề mấu chốt nhất là đòi Mỹ rút hết quân viễn chinh cùng quân chư hầu khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Phía Mỹ có quan điểm ngược lại, nhất là vấn đề rút quân, đòi quân đội miền Bắc cũng rút khỏi miền Nam và từ chối ký dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (tháng 10-1972) để rồi mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội - Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam ký vào dự thảo Hiệp định do chúng đưa ra. Nhưng Mỹ đã thất bại. Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 của Hoa Kỳ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", sau đó buộc được họ trở lại ký vào dự thảo Hiệp định Pari do ta đưa ra trước đó.

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam chính thức được ký kết ngày 27-1-1973 tại Pari giữa bốn bên tham dự Hội nghị. Nội dung Hiệp định ghi rõ:

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu, phá hết các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do. Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

- Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam (được Hội nghị 12 nước họp ngày 2-3-1973 tại Pari công nhận về mặt pháp lý quốc tế) là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta trên cả hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Với Hiệp định Pari, ta tuy chưa đạt được mục tiêu "đánh cho ngụy nhào", nhưng đã buộc được "Mỹ rút", là một thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên "đánh cho ngụy nhào".

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Hội nghị Bộ Chính trị (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 7-10-1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975) đã bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Chiến thắng Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm chiến lược, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch hai năm (1975-1976) hoàn toàn giải phóng miền Nam.

Bộ Chính trị đề ra kế hoạch hai năm, nhưng lại nhấn mạnh "cả năm 1975 là thời cơ" và chỉ rõ "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ thực hiện "Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa", phải đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá..., giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam đã diễn ra gần hai tháng mùa Xuân 1975 với ba chiến dịch lớn: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh vào Sài Gòn.

Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4 tháng 3 đến ngày 24-3-1975): Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng mà cả ta và địch đều chú ý và cố gắng nắm giữ. Đầu tháng 3-1975, quân ta tiến công địch nhiều nơi ở Tây Nguyên, và ngày 4-3-1975 đánh nghi binh ở Plâycu, Kon Tum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó. Ngày 10-3-1975, với lực lượng mạnh hơn địch, quân ta được lệnh tiến công thị xã Buôn Ma Thuột, đánh các cơ quan đầu não của địch. Sau hai ngày chiến đấu, ta tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây và hoàn toàn làm chủ thị xã (ngày 11-3-1975). Ngày 12-3-1975, quân địch tập trung lực lượng mở cuộc phản công nhằm chiếm lại Buôn Ma Thuột, song tất cả

các cuộc phản công của chúng đều bị đánh tan. Ngày 14-3, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Plâycu, Kon Tum và toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ, rồi tập trung lực lượng tái chiếm Buôn Ma Thuột. Ngày 16-3, quân ta được lệnh đánh chặn và truy kích địch trên đường rút khỏi Tây Nguyên. Đến ngày 24-3, toàn bộ quân địch rút chạy bị quân ta tiêu diệt. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc. Ta diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ ở đây, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sang giai đoạn mới: từ cuộc tiến công chiến lược phát triển thành cuộc tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (ngày 25-3 và 29-3-1975): 10 giờ 30 phút ngày 25-3, quân ta tiến vào Huế đến ngày hôm sau (ngày 26-3) thì giải phóng hoàn toàn thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên. Trong cùng thời gian, quân ta tiến vào giải phóng thị xã Tam Kỳ (ngày 24-3), Quảng Ngãi (ngày 25-3), Chu Lai (ngày 26-3) tạo thêm một hướng uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mỹ-ngụy rơi vào thế cô lập. Quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến nhanh áp sát thành phố. Hơn 10 vạn địch bị dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu.

Chúng phải dùng máy bay di tản cố vấn Mỹ và một phần lực lượng nguy. Sáng ngày 29-3, quân ta từ các hướng tiến thẳng vào thành phố, đến ba giờ chiều thì chiếm toàn bộ thành phố.

Ngày 2-4, tại Tổng hành dinh của ta, sau khi nghe báo cáo về Chiến dịch giải phóng Đà Nẵng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ thị cho đồng chí Lê Trọng Tấn: Phải nắm lực lượng ở Khu 5 và Hải quân để tổ chức tiến công giải phóng các đảo, đặc biệt là quần đảo Trường Sa. Lúc này, ở khu vực Trường Sa có Hạm đội 7 của Mỹ và nhiều nước khác hoạt động. Hải quân nguy cũng được trang bị tàu lớn. Do đó, đòi hỏi khâu tiến công phải hết sức mưu trí, sáng tạo. Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu điều ngay Sở chỉ huy tiền phương của Bộ tư lệnh Hải quân vào Đà Nẵng, tham gia tiếp quản căn cứ hải quân nguy mà ta vừa giải phóng, chuẩn bị sẵn sàng để giải phóng các đảo. Lệnh của Tổng tư lệnh rất rõ ràng: Khi thấy quân nguy Sài Gòn nguy khốn thì lập tức tổ chức đánh chiếm các đảo. Trường hợp nước ngoài thừa cơ quân nguy khốn đổ dồn mà đã chiếm đảo, thì ta kiên quyết chiếm lại, gặp khó khăn gì phải báo cáo Tổng hành dinh. Trước đó, ngày 30-3-1975, Quân ủy Trung ương đã điện cho các đồng chí Chu Huy Mân và Võ Chí Công: "Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ giao cho Khu ủy và Bộ tư lệnh B1 nhiệm vụ nghiên cứu, chỉ đạo, thực hiện gấp rút nhằm thời cơ thuận lợi

nhất đánh chiếm các đảo hiện do quân ngụy chiếm đóng thuộc quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam". Ngày 9-4-1975, quân báo thông báo quân ngụy bắt đầu rút khỏi Biển Đông, Quân ủy Trung ương đã điện tối khẩn cho đồng chí Chu Huy Mân và đồng chí Võ Chí Công: "Có tin quân ngụy chuẩn bị rút khỏi Trường Sa. Các anh cho kiểm tra lại ngay và chỉ thị cho lực lượng ta hành động kịp thời theo phương án đã định. Nếu để chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước đang có ý đồ xâm chiếm". Nhận được lệnh, các tàu hải quân và lực lượng thuộc Khu V đã giả danh tàu đánh cá, xuất phát ra Trường Sa. Lực lượng ta đã đánh bằng cách của mình, dùng đặc công bí mật tiếp cận, nhanh chóng đổ bộ, bất ngờ chiếm mục tiêu, lần lượt giải phóng các đảo. Ngày 14-4-1975, chỉ sau hơn một giờ chiến đấu, quân ta giải phóng đảo Song Tử Tây. Sau đó, lần lượt các đảo Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn... đều được giải phóng. Ngày 28-4-1975, đảo An Bang được thu hồi, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng Trường Sa. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ký điện khen: "Nhiệt liệt khen ngợi các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược".

Trong cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng từ cuối tháng 3 đầu tháng 4-1975, nhân dân các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, phía Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở

Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và của quân chủ lực, đã nổi dậy đánh địch giành quyền làm chủ.

Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 30-4-1975): Sau một tháng tiến công và nổi dậy, quân dân ta đã giành toàn thắng trong hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, giải phóng hơn nửa đất đai và nửa số dân toàn miền Nam, chiếm giữ một khối lượng lớn vật chất, trang bị, phương tiện chiến tranh. Các lực lượng vũ trang của ta đã trưởng thành nhanh chóng. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của địch giảm sút nghiêm trọng, chúng phải lùi về phòng thủ từ Phan Rang trở vào. Mỹ cũng đã hết sức giúp Ngụy kéo dài cơn hấp hối bằng cách lập cầu hàng không viện trợ khẩn cấp cho chúng. Về phía ta, như Nghị quyết của Bộ Chính Trị ngày 25-3-1975 đã nêu rõ: "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa" (trước tháng 5-1975). Chiến dịch giải phóng Sài Gòn cũng được Bộ Chính trị quyết định mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Từ đầu tháng 4, trên mọi miền đất nước, nhân dân sống những ngày giờ hết sức sôi động và hào hứng. Cả dân tộc ta ra quân trong mùa Xuân lịch sử với tinh thần "đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và với khí thế "thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng".

Ngày 9-4, quân ta tiến công Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía đông. Tại đây đã diễn ra những trận chiến rất ác liệt. Ngày 16-4, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy. Ngày 18-4, Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ khỏi Sài Gòn. Ngày 21-4, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức Tổng thống.

17 giờ ngày 26-4, quân ta được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch. Tất cả năm cánh quân ta từ các hướng vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào Sài Gòn.

Ngày 28-4, các trận địa pháo của ta đồng loạt nã đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất, và chiều hôm đó, phi công ta dùng năm máy bay chiến đấu phản lực A37 thu được của địch mở đợt tập kích vào khu vực chứa máy bay của chúng.

Đêm 28 rạng sáng 29-4, tất cả các cánh quân của ta được lệnh đồng loạt tổng công kích vào trung tâm thành phố, đánh chiếm tất cả các cơ quan đầu não của địch.

9 giờ 30 phút ngày 30-4, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh vừa nhậm chức hôm 28-4, kêu gọi "ngừng bắn để điều đình giao chính quyền" nhằm cứu quân ngụy khỏi sụp đổ.

10 giờ 45 phút ngày 30-4, xe tăng của ta tiến thẳng vào dinh "Độc lập", bắt toàn bộ chính quyền Sài Gòn, Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc "dinh độc lập" báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Thừa thắng, sau giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại ở Nam Bộ nhất tề đứng lên tiến công và nổi dậy theo phương thức "xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh". Đến ngày 2-5-1975, Nam Bộ và miền Nam nước ta hoàn toàn giải phóng.

Sau thắng lợi mùa xuân năm 1975, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới: Đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Ngày 25-4-1976, nhân dân ta từ Bắc đến Nam náo nức cầm lá phiếu bầu cử Quốc hội chung của cả nước. Cuộc Tổng tuyển cử đã thành công tốt đẹp. Từ ngày 24-6 đến 3-7-1976, Quốc hội thống nhất họp kỳ thứ nhất tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Quốc hội đã thông qua những văn kiện quan trọng về tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta như: Nghị quyết xây dựng Hiến pháp, Nghị quyết đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương hai

THIÊN ANH HÙNG CA GIẢI PHÓNG

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975: THẮNG LỢI CỦA SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy oanh liệt mùa xuân 1975 là một trong hai sự kiện lịch sử vĩ đại nhất của nhân dân Việt Nam trong thế kỷ XX. Chỉ trong 57 ngày đêm (từ 4-3 đến 30-4) tiến công và nổi dậy, quân và dân ta đã đập tan đội quân tay sai Mỹ đông hơn một triệu tên, đánh đổ chính quyền Ngụy đã từng tồn tại 21 năm, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Thắng lợi to lớn này đã khép lại một giai đoạn lịch sử chia cắt đất nước, mở ra một kỷ nguyên mới cho nhân dân Việt Nam: Dân tộc được độc lập, Tổ quốc được thống nhất, hòa bình, trường tồn, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Việt Nam, một nước nhỏ và nghèo, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn và hiện đại của một siêu cường là đế quốc Mỹ, làm chấn động địa cầu, là

sự kiện chưa từng có, khiến cho nước Mỹ bàng hoàng, thế giới kinh ngạc. Mỹ chưa bao giờ thừa nhận chúng thua, nhưng khi ta giải phóng hoàn toàn miền Nam trong mùa xuân 1975 đại thắng, thì Níchxơn, một trong năm Tổng thống Hoa Kỳ, chua chát thú nhận: *"Tấn thảm kịch Việt Nam đã làm tổn thương nước Mỹ, làm tổn hại chúng ta trong con mắt bạn bè nước ngoài, hạ thấp chúng ta trong con mắt đối phương. Nhưng nó làm tổn thương chúng ta nhiều nhất ở trong nước. Sự thất bại của chúng ta ở Việt Nam làm hổ thẹn một nước mà không mấy khi thất bại".* Và ngày nay *"nước Mỹ đang trong cơn đau dữ dội của Hội chứng Việt Nam"*¹.

Người chiến thắng, kẻ thua trận đã được minh định rõ ràng, chứ không phải chỉ Việt Nam tuyên truyền là mình chiến thắng. Có điều lạ là kẻ thua không biết vì sao họ thua, vì sao Việt Nam chiến thắng? Câu hỏi này cho đến nay vẫn còn bỏ ngỏ đối với một số nhà chính trị, quân sự, chuyên gia Mỹ. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là cuộc chiến tranh phi nghĩa, trái hẳn với nhân đạo, đối lập với nhân dân. Đã phi nghĩa thì những chiến lược gia Mỹ dù có thông thái, tài ba đến đâu cũng không thể giúp cho chính quyền Oasinhtơn vạch ra được một chiến lược, một kế hoạch đúng đắn. Vì họ luôn duy ý chí, không nắm được quy luật khách quan của chiến tranh và bị quy

¹ Richard Nixon - 1999: *Chiến thắng mà không cần chiến tranh*, Nxb. Simon and Schuster.

luật ấy chi phối, tác động, khiến binh lính Mỹ ở chiến trường luôn luôn bị động, phải hành động theo sự điều khiển của đối phương, phải đánh theo cách đánh của đối phương trong suốt cuộc chiến tranh. Song, yếu tố nào, nguyên nhân nào đưa nhân dân, dân tộc Việt Nam đến chiến thắng vẻ vang mang tầm vóc thời đại và ý nghĩa quốc tế to lớn đó?

Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố chính tạo nên sức mạnh Việt Nam và cũng là nguyên nhân quyết định nhất chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung, chiến thắng 30-4-1975 nói riêng. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” là Người đã vận dụng bài học lịch sử chống ngoại xâm của ông cha ta từ ngàn xưa để huy động sức mạnh của toàn dân tộc vào cuộc kháng chiến và cùng với Đảng, Người đề ra đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền: Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do một Đảng lãnh đạo, một Nhà nước điều hành thống nhất. Đó là sự sáng tạo đặc sắc về Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta, dân tộc ta. Tiếp thu những kinh nghiệm của người xưa, chắt lọc, tìm ra cái mới đúng với quy luật được cả xã hội và bạn bè trên thế giới đồng tình ủng hộ, để đưa sự nghiệp chống Mỹ,

cứu nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cuối cùng hội tụ sức mạnh chiến thắng ngày 30-4-1975, làm nên một mốc son chói lọi trong lịch sử Việt Nam, là một sự sáng suốt rất không đơn giản. Từ trong đường lối chung đó, Đảng ta mà tập trung là Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đề ra nghệ thuật của cuộc kháng chiến là tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện; thắng địch từng bước, quân sự, chính trị song song trên ba vùng chiến lược, kết hợp nhiệm vụ giải phóng dân tộc với nghĩa vụ quốc tế, đánh Mỹ, nhưng phải bảo vệ hậu phương chiến lược miền Bắc và phe xã hội chủ nghĩa...

Sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nền tảng của mọi thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Không có nền tảng đó thì không có chiến thắng ngày 30-4. Nền tảng đó đã giáo dục, động viên toàn dân tộc đoàn kết thống nhất, phát huy cao độ nội lực, tự nguyện kháng chiến chống giặc ngoại xâm, diệt trừ nội phản, vì một lẽ sống còn: Độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Cũng chính nền tảng ấy đã tạo ra sức mạnh của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa và hậu phương tại chỗ miền Nam, huy động được sức mạnh quốc tế và sức mạnh thời đại kết hợp với sức mạnh dân tộc thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng giặc Mỹ. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế và thời đại là một yếu tố mà nếu thiếu nó thì cuộc kháng chiến của nhân dân ta sẽ

gặp muôn vàn khó khăn không dễ vượt qua. Chính trên cái nền tảng ấy mà Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn dân, toàn quân nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, đánh bại địch từng bước, đẩy lui chúng từng phần để tạo ra những thời cơ mới có lợi cho cuộc kháng chiến. Năm 1972, sau khi đánh bại quân chủ lực Ngụy Sài Gòn ở Quảng Trị, Đắc Tô - Tân Cảnh, Lộc Ninh và đánh thắng cuộc tập kích đường không bằng B52 của Mỹ vào Hà Nội - Hải Phòng, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, ta đã tạo ra tình thế cách mạng trực tiếp rất thuận lợi. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chủ trương tiếp tục cuộc tiến công, đánh chiếm Thượng Đức (Quảng Nam) và Phước Long, qua đó rèn luyện bộ đội ta, thử sức quân chủ lực Ngụy, thăm dò thái độ của Mỹ khi ta đánh lớn. Cuộc tiến công Thượng Đức và Phước Long thắng lớn, tạo ra thời cơ mới, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định nắm lấy thời cơ tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam trong hai năm 1975, 1976; mở đầu đánh ở Tây Nguyên, mục tiêu then chốt là Buôn Ma Thuột. Nhờ quyết định và hành động đúng thời cơ, nên chỉ trong 33 tiếng đồng hồ từ ngày 10 đến 11 tháng 3, ta đã giải phóng Buôn Ma Thuột - một trung tâm chính trị, quân sự của Mỹ, Ngụy ở Cao nguyên Trung phần.

Hai ngày sau giải phóng Buôn Ma Thuột, quân ta tiếp tục tiến công địch từ ngày 14 đến 17-3, quân ta

tiêu diệt Sư đoàn 23 Ngụy, giải phóng tỉnh Đắk Lắk. Ngụy quyền, Ngụy quân Sài Gòn hoang mang, dao động cực độ, vội vã rút chạy khỏi Tây Nguyên, mở đầu bước suy sụp mới của địch. Trận Buôn Ma Thuật từ thắng lợi của một chiến dịch trở thành thắng lợi chiến lược. Ngày 18-3, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định bổ sung phương án giải phóng miền Nam trong năm 1975 thay cho phương án giải phóng miền Nam trong hai năm trước đây và ra lệnh tiến công Huế, Đà Nẵng. Ngày 25-3, ta giải phóng Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi; cùng trong ngày này, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương bổ sung quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975. Bốn ngày sau giải phóng Huế, ta giải phóng Đà Nẵng. Các ngày 30, 31 tháng 3 và ngày 1, 2, 3 tháng 4, ta giải phóng các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, quân cảng Cam Ranh. Dải đất miền Trung từ Thừa Thiên Huế đến Ninh Thuận và Tây Nguyên sạch bóng quân thù, làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng chiến lược hoàn toàn có lợi cho cách mạng miền Nam. Địch sa sút và tan rã lớn. Ta càng đánh càng mạnh. Cuộc chiến tranh cách mạng đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt một ngày bằng 20 năm.

Thời điểm mở cuộc Tổng tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch đã chín muồi, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn - Gia Định trong thời gian sớm nhất - chậm nhất là trong

tháng 4-1975 không thể để chậm. Thực hiện quyết tâm của Đảng, ngày 7-4, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra mệnh lệnh cho 5 cánh quân: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút xốc tới mặt trận giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”. Các cánh quân của ta trong đêm 7-4 đã tăng tốc độ hành quân cả đêm và ngày đến vị trí tập kết chiến dịch đúng quy định. Ngày 9-4, Quân đoàn 4 bắt đầu tiến công địch trong thị xã Xuân Lộc; địch phản kích quyết liệt, buộc các đơn vị của ta phải thay đổi chiến thuật, rút khỏi Xuân Lộc, đánh vòng ngoài, diệt địch ở Túc Trưng, Kiệm Tân, theo đường 20 phát triển đánh địch ở ngã ba Dầu Dây, cắt đường số 1 về Sài Gòn. Ngày 14-4, cánh quân hướng Đông tiến công vào tuyến phòng thủ Phan Rang, đến ngày 16 chiếm thị xã Phan Rang và sân bay Thành Sơn, diệt và bắt toàn bộ quân địch ở đây, giải phóng tỉnh Ninh Thuận. Ngày 19-4, Quân đoàn 2 giải phóng Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận, thần tốc tiến vào Long Khánh, phối hợp với Quân đoàn 4 giải phóng Xuân Lộc. Cánh cửa thép hướng Đông đã mở. Trên các hướng Bắc, Tây Bắc, Đông và Tây Nam, quân ta dồn dập tiến công tiêu diệt các sư đoàn chủ lực địch phòng thủ vòng ngoài, áp sát lực lượng vào vùng ven đô. Năm vững thời cơ và hành động đúng thời cơ thì sức ta một hóa thành mười, thành trăm, đánh đâu được đó, thắng như chẻ tre. Cùng trong ngày 14-4, Bộ

Chính trị đặt tên cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn là Chiến dịch Hồ Chí Minh, do Đại tướng Văn Tiến Dũng làm tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm chính ủy. Ngày 22-4, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng điện chỉ đạo Bộ Chỉ huy chiến dịch: “Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi về quân sự chính trị. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nắm vững thời cơ lớn chúng ta nhất định toàn thắng”. Và Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn-Gia Định trước ngày 30-4-1975.

Giữa lúc quân đội, chính quyền Sài Gòn đang trong cơn hoảng loạn, thì phi công Nguyễn Thành Trung lái chiếc máy bay F5E của Mỹ, ném bom Dinh Độc Lập và sau đó anh dẫn đường cho phi đội không quân ta dùng 5 máy bay A37 ném bom sân bay Tân Sơn Nhất. Trận bom của Nguyễn Thành Trung làm tăng thêm nỗi lo sợ và rối loạn nội bộ Mỹ-ngụy. Tổng thống Mỹ G.R.Pho lập tức hủy bỏ chiến dịch di tản bằng máy bay có cánh cố định, chuyển sang di tản bằng máy bay lên thẳng mang mật danh “Người liều mạng”. 5 giờ 30 phút ngày 30-4, Bộ Chỉ huy chiến dịch ra lệnh tổng công kích, đánh chiếm 5 mục tiêu then chốt đã lựa chọn trong nội đô: sân bay Tân Sơn

Nhất, Bộ Tổng tham mưu, Dinh Độc Lập, Tổng Nha cảnh sát đô thành, Biệt khu thủ đô. Từ bốn hướng Đông, Bắc và Tây Bắc, Tây Nam, quân ta đồng loạt tiến công vào Sài Gòn, phối hợp với quần chúng nhân dân nổi dậy, đến 11 giờ 30 phút, ta làm chủ các mục tiêu và cầm cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng lên Dinh Độc Lập. Tổng thống Dương Văn Minh và nội các chính quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng cách mạng không điều kiện. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Cùng với cuộc Tổng tiến công giải phóng Sài Gòn-Gia Định, quân ta đánh chiếm, giải phóng các đảo và quần đảo ở ven biển miền Trung và Trường Sa. Quân và dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long tiến công, nổi dậy diệt và làm tan rã Quân đoàn 4 Ngụy, giải phóng các tỉnh Long An, Bình Dương, Tây Ninh, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, Rạch Giá, Bạc Liêu, đảo Phú Quốc, Bà Rịa-Vũng Tàu. Ngày 1-5, ta tiếp tục giải phóng các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Vĩnh Long, Chương Thiện, Cà Mau, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiến Tường, Sa Đéc, Côn Đảo. Đến ngày 1-5-1975, toàn bộ các tỉnh, thành phố trên đất liền và các đảo, quần đảo ở biển Đông trên toàn miền Nam Việt Nam được hoàn toàn giải phóng.

Thắng lợi to lớn, toàn diện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh để lại cho ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, trong đó có những bài học sau đây:

Một là, xây dựng Đảng vững mạnh, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ của cuộc kháng chiến

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta diễn ra vô cùng ác liệt, phức tạp trên nhiều mặt quân sự, chính trị và ngoại giao, trong nước và quốc tế. Kẻ địch có tiềm lực quân sự, kinh tế mạnh nhất thế giới, chúng tiến hành cuộc chiến tranh "Tăng cường tư bản", sử dụng những vũ khí hiện đại nhất để chống lại nhân dân ta. Trong hoàn cảnh đó, Đảng ta đã bình tĩnh, kiên định mục tiêu cách mạng: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đánh giá đúng kẻ thù và so sánh đúng lực lượng đôi bên đối kháng, hạ quyết tâm chính xác, đề ra đường lối kháng chiến chiến lược và phương pháp cách mạng đúng, sáng tạo phù hợp với các thời kỳ biến chuyển của cuộc chiến tranh. Đường lối, chiến lược kháng chiến và phương pháp cách mạng đúng đắn đó đã dẫn dắt quân và dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cuối cùng đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, thu giang sơn về một mối. Để lãnh đạo quân và dân kháng chiến, trước hết và trên hết, Đảng ta luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn luôn chỉnh đốn, tổ chức Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức, mà hạt nhân là xây dựng "chi bộ 4 tốt" (miền Bắc), "3 tốt" (miền Nam), xây dựng đội ngũ đảng viên, cấp ủy các cấp trung thành với sự nghiệp của đảng, của dân,

cần cù, dũng cảm, sáng tạo, gương mẫu, gian khổ không ngại, ác liệt không sờn, luôn luôn đi đầu trong chiến đấu và công tác, dẫn dắt quần chúng noi theo. Đó là những yếu tố tạo nên sức mạnh của Đảng lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Hai là, dựa vào dân, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện

Dựa vào dân, phát huy lòng yêu nước của nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng là giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà và đi lên chủ nghĩa xã hội là quan điểm cơ bản của Đảng và Hồ Chủ tịch. Cuộc kháng chiến chống Mỹ phức tạp, khó khăn và quyết liệt trên nhiều mặt, chỉ có sức mạnh của toàn dân mới vượt qua được. Hồ Chủ tịch luôn dạy chúng ta bất kỳ tình huống nào cũng phải bám chắc lấy dân, dựa vào dân. Đảng ta dựa vào dân với niềm tin tưởng tuyệt đối “việc gì khó dân liệu cũng xong”. Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thắng lợi đã minh chứng hùng hồn hiệu quả của sức mạnh toàn dân. Dựa vào dân, Đảng ta đã giáo dục, giác ngộ chính trị cho nhân dân, tổ chức họ vào những đoàn thể kháng chiến, thực hiện phương châm toàn dân đánh giặc, toàn diện đánh giặc. Đồng thời, Đảng ta luôn chăm lo bồi dưỡng sức dân, làm cho đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân ngày càng nâng cao. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy trong mọi lĩnh vực: xây dựng, củng cố vùng giải

phóng, đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và binh vận. Trên những lĩnh vực đấu tranh này, nhân dân là người sáng tạo, sáng kiến những phương pháp đấu tranh hay, hiệu quả, góp vào truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc những kinh nghiệm quý.

Ba là, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và tính kỷ luật tự giác cho toàn quân, toàn dân

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đặc biệt chú trọng xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công - nông và trí thức. Ở miền Bắc xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ở miền Nam xây dựng Mặt trận Dân tộc giải phóng. Tuy hai mặt trận nhưng chỉ là cùng một nhiệm vụ đoàn kết toàn dân đánh Mỹ, xây dựng miền Bắc, giải phóng miền Nam. Đảng ta đã tập hợp được các lực lượng yêu nước vào một mặt trận chung, khối đoàn kết liên minh công - nông - trí thức luôn phát triển, củng cố vững chắc, đáp ứng nhu cầu của cuộc kháng chiến. Trên cơ sở liên minh công - nông và trí thức do Đảng lãnh đạo, sức mạnh dân tộc được phát huy cao độ đã đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và cuối cùng làm nên một Mùa Xuân 1975 đại thắng. Quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thống nhất, đồng thời với mở rộng dân chủ, làm cho mọi người tự giác chấp hành mệnh lệnh, kỷ luật. Nhờ tính kỷ luật tự giác đó, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, các lực lượng quân sự, chính trị đã phối

hợp nhịp nhàng, ăn ý, đúng thời gian quy định nên đã đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy nhanh chóng giành thắng lợi.

*Theo Đại tá Nguyễn Văn Minh
(Bài đăng trên tạp chí Tuyên giáo)*



ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 - NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo là một trong những cuộc kháng chiến kéo dài nhất, oanh liệt nhất và đã đạt được chiến thắng vẻ vang, trọn vẹn.

Đại thắng mùa Xuân 1975 là bước phát triển ở quy mô cao nhất của toàn bộ tiến trình cách mạng ở miền Nam và của cuộc kháng chiến. Sẽ không thể thấu hiểu sâu sắc nguyên nhân thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nếu không đặt trong tổng thể quá trình Đảng hoạch định đường lối, lãnh đạo và chỉ đạo ở từng chặng đường cụ thể giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định sự phát triển và thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Sau khi hoàn thành việc thay thế thực dân Pháp

để chiếm miền Nam nước ta (28-4-1956), để quốc Mỹ thực hiện chính sách của chủ nghĩa thực dân mới, dựa vào chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam, phá hoại sự nghiệp hoà bình thống nhất của dân tộc Việt Nam như đã được quy định tại Hiệp định Geneve (7-1954). Mỹ-Diệm đã đàn áp đẫm máu các phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân miền Nam. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khoá II) 15-7-1954 đã xác định rõ kẻ thù chính của cách mạng nước ta là đế quốc Mỹ.

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đã có những chủ trương cụ thể để chống âm mưu phá hoại của Mỹ, giữ vững thành quả cách mạng, chống những hành động tiến công của địch.

Tháng 10-1954, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Xứ uỷ Nam Bộ được thành lập ở căn cứ Chấn Bông - U Minh để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ bám trụ hoạt động tại miền Nam đã soạn thảo tài liệu *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*. Đề cương đã đặt ra những vấn đề cấp thiết cần phải giải quyết đối với phong trào cách mạng miền Nam. Trong những năm 1956-1959, Mỹ-Diệm điên cuồng khủng bố cách mạng. Nhưng với sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, nhân dân Nam Bộ và khu V đã từng bước xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa để đấu tranh chống địch.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh dự Hội nghị trí thức Việt Nam
chống Mỹ cứu nước, tháng 1-1966*



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm một đơn vị bộ đội ba nhất,
ngày 2-3-1963*

Yêu cầu đấu tranh vũ trang trở thành bức bách và đặt ra trực tiếp. Từ ngày 12 đến 22-1-1959, Trung ương Đảng (khoá II) họp Hội nghị lần thứ 15 đề ra *Đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*. Trung ương chủ trương con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Thực hiện đường lối của Nghị quyết 15, toàn miền Nam đã nổ ra phong trào Đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960. Phong trào Đồng khởi thật sự là một cao trào cách mạng, là bước phát triển nhảy vọt về chất của cách mạng miền Nam, giáng đòn nặng nề vào bộ máy thống trị của Mỹ-Diệm làm phá sản một hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Đế quốc Mỹ rất hiếu chiến và ngoan cố không cam chịu thất bại. Nghị quyết 15 đã dự kiến với một đối tượng như vậy và trong điều kiện nào đó “Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ”.

Trên thực tế, do phong trào Đồng khởi của ta chưa giành được thắng lợi hoàn toàn nên đã chuyển thành chiến tranh cách mạng lâu dài chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng miền Nam, Đại hội III của Đảng (9-1960) đã quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam gồm những uỷ viên Trung ương trực tiếp chỉ đạo trên

chiến trường. Trung ương Cục chính thức hoạt động từ 10-1961. Những nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị năm 1961, 1962, Nghị quyết Trung ương 9 (12-1963), với sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục, của các cấp bộ Đảng ở miền Nam và với sự chi viện ngày càng tăng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa trên đường Trường Sơn, phong trào cách mạng miền Nam có những bước phát triển mạnh mẽ. Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963), cuộc khủng hoảng của ngụy quyền dẫn tới đảo chính 1-11-1963, Mỹ phải trừ bỏ Ngô Đình Diệm. Kế đó là những chiến thắng lớn ở Bình Giả, Ba Giao, An Lão đến Đồng Xoài đã làm thất bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Thất bại trong “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân, đồng thời ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và các nước chư hầu vào tham chiến ở miền Nam, phát động cuộc Chiến tranh cục bộ chống nhân dân Việt Nam. Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3-1965), Hội nghị Trung ương 12 (12-1965) và *Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh* ngày 17-7-1966 đã thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Chiến thắng trong trận đầu đánh Mỹ ở Núi Thành (Quảng Nam) 26-5-1965, Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) 8-1965, tiếp đó là thắng lợi trong chiến dịch mùa khô 1965-1966, mùa khô 1966-1967 và chiến thắng xuân Mậu Thân 1968 đã làm thất bại chiến tranh cục bộ

của Mỹ, chứng minh Mỹ không thể thắng bằng quân sự trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, buộc Mỹ phải chấm dứt ném bom miền Bắc (1-11-1968) và ngồi vào bàn đàm phán ở Hội nghị Paris bắt đầu từ 13-5-1968. Cùng với những chiến thắng về quân sự, Đảng chủ trương mở mặt trận ngoại giao, kết hợp vừa đánh vừa đàm theo chủ trương của Hội nghị Trung ương 13 (27-1-1967), Đảng ta cho rằng đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”.

Thất bại trong chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố kéo dài chiến tranh bằng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” cực kỳ tàn ác và thâm độc. Trong những năm 1969, 1970, cách mạng miền Nam chịu nhiều tổn thất và gặp nhiều khó khăn. Song toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trên cả nước vẫn nêu cao ý chí, quyết tâm giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thực hiện bằng được *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ta tích cực, chủ động khôi phục và phát triển lực lượng trên tất cả các chiến trường, tăng cường chi viện của hậu phương miền Bắc. Nghị quyết 19 của Trung ương Đảng (1971) khẳng định quyết tâm đó. Đầu năm 1971, phối hợp với chiến trường các nước bạn Lào và Campuchia, ta đã giành thắng lợi lớn về quân sự, nhất là việc đánh tan cuộc hành quân Lam Sơn 719 với chiến dịch Đường 9 Nam Lào. Thắng lợi đó chứng minh quân ngũ Sài Gòn không thể đương đầu với lực

lượng vũ trang cách mạng, nhất là với chủ lực của miền Bắc, chứng minh sự phá sản của “Việt Nam hoá chiến tranh”. Trong bối cảnh quốc tế rất phức tạp, ta mở cuộc tiến công Xuân-Hè 1972 trên toàn miền Nam. Mỹ lo sợ thất bại hoàn toàn nên vội vã “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh, phát động cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc bắt đầu từ ngày 6-4-1972 và đỉnh cao nhất là cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972. Thất bại trong trận “Điện Biên Phủ trên không” của quân dân Việt Nam, Mỹ buộc phải trở lại bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973). Ngày 29-3-1973, quân Mỹ ở miền Nam làm lễ cuốn cờ, chấm dứt sự có mặt của quân viễn chinh Mỹ ở Việt Nam.

Sau Hiệp định Paris, đế quốc Mỹ vẫn tăng cường viện trợ về quân sự và kinh tế cho chính quyền Sài Gòn, tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu được Mỹ trợ giúp đã vi phạm những điều khoản của Hiệp định, lấn chiếm và tiếp tục mở rộng chiến tranh. Tình hình đó cho thấy một thực tế là, con đường phát triển của cách mạng miền Nam vẫn phải tiếp tục tiến hành chiến tranh cách mạng đánh bại chính quyền tay sai của Mỹ để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Trong bối cảnh đó, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III được triệu tập để quyết định những nhiệm vụ của cách mạng miền Nam.

Hội nghị họp đợt I: từ ngày 19-6 đến 6-7-1973 và đợt II: từ ngày 1-10 đến 4-11-1973. Hội nghị tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn sâu sắc của 18 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước làm cơ sở cho những quyết sách trong giai đoạn mới tiến lên giành thắng lợi cuối cùng v.v..

Hội nghị 21 của Ban Chấp hành Trung ương phân tích, đánh giá tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, phân tích âm mưu và thủ đoạn của địch, dự kiến hai khả năng phát triển: Một là, Hiệp định được thi hành từng bước, xung đột quân sự giảm dần, hoà bình được lập lại về cơ bản; đấu tranh chính trị ngày càng phát triển, cách mạng ở thế tiến lên mạnh mẽ. Hai là, địch gây chiến tranh trở lại; ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi. Trung ương Đảng nhấn mạnh, ta phải nắm vững tình hình, nắm vững thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo và linh hoạt để đưa cách mạng tiến lên. Trong mỗi khả năng phát triển của tình hình sẽ còn nhiều tình huống phức tạp. "Song dù tình hình phát triển theo khả năng nào, con đường tiến lên giành thắng lợi của cách mạng miền Nam chỉ có thể là con đường bạo lực diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác. Ta phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó chắc thắng với khả năng xấu nhất là địch gây đại chiến tranh". Nghị quyết 21 của Trung ương đề ra những biện pháp cơ bản thúc đẩy cách mạng miền Nam phát triển.

Thực hiện nhiệm vụ do Hội nghị 21 của Trung ương Đảng đề ra, cả nước dốc sức chuẩn bị lực lượng về mọi mặt. Trong nửa cuối năm 1973 và cả năm 1974, cùng với gấp rút củng cố và phát triển lực lượng tại chỗ trên chiến trường, Đảng chỉ đạo nhiệm vụ tăng cường chi viện của hậu phương miền Bắc. Mức tuyển quân và huy động của cải vật chất ở miền Bắc tăng nhiều lần so với các thời kỳ trước. Hội đồng chi viện tiền tuyến được thành lập. Điều đó nói lên quyết tâm chiến lược của Đảng và nhân dân ta. Định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng là phải nắm vững tình hình, nắm vững thời cơ, chỉ đạo kiên quyết và khôn khéo. Đến cuối năm 1974, việc chuẩn bị về mọi mặt đã tạo nên sự chuyển biến căn bản trong thế và lực của ta trên chiến trường. Bộ Chính trị hạ quyết tâm động viên sức mạnh của quân dân cả nước, hoàn thành giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975, 1976. Sau chiến thắng Phước Long (1-1975), thế và lực của ta tăng lên, khả năng Mỹ đưa quân trở lại là rất khó xảy ra, Bộ Chính trị đi đến quyết định mở cuộc tiến công chiến lược để hoàn thành giải phóng miền Nam trong năm 1975. Bộ Chính trị và quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên. Ngày 10-3-1975, ta tiến công Buôn Ma Thuột. Chiến thắng Buôn Ma Thuột và chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi chẳng những đã tăng cường thế và lực của ta mà còn xuất hiện thời cơ giải phóng miền Nam trong thời gian

ngắn nhất. Ngày 18-3-1975, một ngày sau khi địch rút chạy hoàn toàn khỏi Bắc Tây Nguyên, Bộ Chính trị và quân uỷ Trung ương đã họp ngày 25-3-1975 và quyết định nhanh nhạy, chớp thời cơ giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975, nghĩa là chậm nhất là cuối tháng tư năm 1975. Phát triển thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, Bộ Chính trị, quân uỷ Trung ương và Bộ Tư lệnh quyết định mở chiến dịch Huế-Đà Nẵng. Ngày 26-3-1975, giải phóng Huế. Ngày 29-3-1975, giải phóng Đà Nẵng. Tiếp tục truy quét địch dọc các tỉnh cực nam Trung Bộ. Ngày 24-4-1975, ta phá tan phòng tuyến Xuân Lộc của địch, mở cánh cửa hướng đông tiến vào Sài Gòn. Cùng ngày 24-4-1975, Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. 17 giờ ngày 26-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh đỉnh cao nhất của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bắt đầu và toàn thắng vào lúc 11 giờ 30 ngày 30-4-1975, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Có thể thấy rõ sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Bộ Chính trị, quân uỷ Trung ương đã có vai trò quyết định đến sự phát triển thần tốc, táo bạo của quân và dân ta trên toàn chiến trường và chỉ trong 55 ngày đã giành thắng lợi hoàn toàn. Sự lãnh đạo ở đây thể hiện ở đường lối kháng chiến và phương pháp cách mạng đúng đắn mà Đảng đề ra đã đưa toàn bộ

cuộc kháng chiến lần lượt vượt qua những khó khăn thách thức, đánh bại các chiến lược chiến tranh của tên đế quốc hùng mạnh nhất. Trong đại thắng mùa Xuân 1975, sự lãnh đạo của Đảng cần được nhấn mạnh từ Nghị quyết 21 của Trung ương và tiếp đó là những quyết định quan trọng của Bộ Chính trị cuối năm 1974 đầu năm 1975. Tài thao lược của Đảng ta trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh cách mạng đã được thể hiện trong những quyết sách và thắng lợi liên tiếp trên chiến trường. Không có sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, quyết đoán và táo bạo như thế thì không thể có thắng lợi. Ở đây đã đạt tới trình độ cao trong khoa học, nghệ thuật lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh cách mạng của bộ thống soái tối cao của Đảng và sự năng động, sáng tạo của lãnh đạo ở các địa phương, các chiến trường.

Đại thắng mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn là sự hội tụ sức mạnh của quân và dân cả nước, sức mạnh của toàn dân tộc. Đó là sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam thần kỳ với sự hy sinh to lớn của đồng bào chiến sĩ miền Nam trên tiền tuyến lớn và sự chi viện hết lòng của hậu phương lớn miền Bắc với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” và “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”. Đó là thắng lợi của khát vọng độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, đồng

thời cũng tỏ rõ sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, của sự kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, của sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, về quân sự là sức mạnh tổng hợp của sự hiệp đồng binh chủng của bộ binh, pháo binh, xe tăng, lực lượng phòng không, không quân, hải quân, đặc công, vận tải, hậu cần, tình báo..., của sự tiến công như vũ bão của các binh đoàn chủ lực với sự phối hợp của lực lượng vũ trang địa phương. Tổ quốc và nhân dân đời đời ghi nhớ sự hy sinh của chiến sĩ, đồng chí, đồng bào trong suốt cuộc kháng chiến và trong các chiến dịch của mùa xuân đại thắng, của những người đã ngã xuống ngay cửa ngõ Sài Gòn trước giờ toàn thắng.

Trong đấu tranh cách mạng, muốn giành thắng lợi phải có thực lực. Thắng lợi trên chiến trường phải có thực lực quân sự mạnh. Mạnh được, yếu thua. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã huy động sức mạnh quân sự tối đa cùng với sự chủ huy tài ba, thao lược quả cảm của những tướng lĩnh nắm vững khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam và dày dạn kinh nghiệm trận mạc suốt 30 năm kháng chiến. Từ Bộ Tổng tư lệnh đến Bộ Tư lệnh các chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế-Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh bao gồm các đồng chí lãnh đạo lỗi lạc và tướng lĩnh tài ba, bộ đội chiến đấu dũng cảm, chỉ huy tài giỏi bảo đảm chắc thắng. Đại thắng mùa

Xuân 1975 kế thừa và phát triển những kinh nghiệm, những bài học của các cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) và Xuân-Hè 1972, do đó đã phát huy những yếu tố làm nên sức mạnh và khắc phục những hạn chế. Đại thắng mùa Xuân 1975 đã phát triển đến đỉnh cao, làm phong phú khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Chỉ trong 55 ngày đêm đã đánh sập toàn bộ bộ máy chính quyền địch và hơn một triệu quân đội tay sai được Mỹ trang bị và huấn luyện ở trình độ hiện đại trên toàn miền Nam.

Cần phải nhấn mạnh rằng, sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, ta đã nắm phần thắng trong tay. Hội nghị Bộ Chính trị ngày 18-3-1975 đã nhận định sự tan vỡ của ngụy quân, ngụy quyền là không thể cứu vãn được. Vì thế, phải chớp thời cơ và quyết giành thắng lợi hoàn toàn trước khi mùa mưa đến. Thắng lợi của chiến dịch Huế-Đà Nẵng và suốt các tỉnh Nam Trung Bộ đã cho thấy thắng lợi hoàn toàn đang đến gần. Khi các mũi tiến công của đại quân ta áp sát Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh thì tình thế không thể đảo ngược, thắng lợi cuối cùng chỉ tính từng ngày, từng giờ. Mặc dù ngay ở cửa ngõ Sài Gòn, địch vẫn chống trả quyết liệt, nhưng sức mạnh quân sự áp đảo của đại quân ta đã buộc toàn bộ ngụy quân và ngụy quyền phải đầu hàng vô điều kiện. Đối phương đã phải ngừng chống cự, hạ vũ khí và tuyên bố đầu hàng.

Đối phương sẽ không tuyên bố đầu hàng nếu như họ còn sức mạnh, còn có khả năng kéo dài sự kháng cự để hy vọng làm chuyển biến tình hình có lợi cho họ. Buổi sáng 30-4-1975 là giờ phút tuyệt vọng của địch, sự cáo chung của chế độ tay sai Mỹ kéo dài 21 năm ở miền Nam nước ta.

Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ kết thúc cuộc kháng chiến oanh liệt chống Mỹ cứu nước suốt 21 năm, mà còn chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới trên đất nước ta kéo dài 117 năm (1858-1975). Đó là thắng lợi vẻ vang của toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đánh bại những thế lực thực dân, phát xít, đế quốc hùng mạnh nhất trong thế kỷ XX. Thắng lợi đó đã hoàn thành vẻ vang sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc Việt Nam.

Với đại thắng mùa Xuân 1975, một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc đã được mở ra - kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội. 30 năm đã trôi qua kể từ thắng lợi vẻ vang đó, đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử, giành những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới. Hào khí Xuân 1975 đã và mãi mãi cổ vũ các thế hệ người Việt Nam quyết tâm gìn giữ nền độc lập thống nhất - thành quả mà các thế hệ cha anh đã đổ biết bao xương máu

mới giành được. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu mà đại thắng mùa Xuân 1975 là bản hùng ca tuyệt diệu vẫn đang có ý nghĩa sâu sắc, động viên toàn thể dân tộc Việt Nam hôm nay vững bước trên con đường xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, để quyết tâm ra khỏi tình trạng một nước nghèo, chậm phát triển và đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ý chí tự lực tự cường, sự thông minh sáng tạo và lòng quả cảm của những người Việt Nam đã làm nên đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử, sự đoàn kết và sức mạnh phi thường của cả dân tộc trong trận thắng huyền thoại đó đã và đang được mọi người con của nước Việt hôm nay tăng cường đoàn kết, nêu cao niềm tự hào, tự tôn dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, cuộc sống ấm no, hạnh phúc, sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới như mong muốn của Bác Hồ kính yêu.

*Theo PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc
(Bài đăng trên tạp chí Tư tưởng - Văn hoá)*

*
* *

SỨC MẠNH CHÍNH TRỊ - TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI TA TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng trường kỳ, đầy gian khổ, hy sinh và vô cùng oanh liệt của dân tộc ta, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sức mạnh tổng hợp của dân tộc Việt Nam kết hợp chặt chẽ với sức mạnh của thời đại đã làm nên thắng lợi to lớn, toàn diện và triệt để của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong đó sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân ta và quân đội ta là yếu tố quan trọng hàng đầu và có nghĩa quyết định.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân và quân đội ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh vô cùng ác liệt, vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, đương đầu với thế lực xâm lược điển hình về tính chất hung bạo và sự hiếu chiến, mạnh hơn ta gấp nhiều lần về tiềm lực kinh tế và tiềm lực quân sự cũng như về vũ khí, trang bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân tộc Việt Nam đã đoàn kết một lòng, phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần để tiến hành chiến tranh nhân dân toàn

dân, toàn diện, hội tụ được đầy đủ những yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, trong đó, quan trọng nhất là yếu tố “nhân hòa”, tạo lên sự chuyển hóa cả về thể, thời và lực, đủ sức áp đảo và đánh bại kẻ thù xâm lược, giành toàn thắng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã tiếp tục bồi đắp, tôi luyện và kiểm nghiệm rất nghiêm ngặt phẩm chất chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta, đồng thời tiếp tục chứng minh và khẳng định sức mạnh to lớn, có ý nghĩa quyết định của nhân tố chính trị - tinh thần của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước.

Sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ tác động mạnh mẽ, làm chuyển hóa và phát huy tối ưu giá trị và hiệu quả thực tế của tất cả các yếu tố hợp thành sức mạnh của dân tộc, mà còn trở thành sức mạnh trực tiếp trong các phong trào cách mạng, trong các hoạt động thực tiễn của quân và dân ta.

Phát huy cao độ ưu thế tuyệt đối về sức mạnh chính trị - tinh thần, quân và dân ta ở miền Bắc vừa ra sức xây dựng các yếu tố của hình thái kinh tế-xã hội xã hội chủ nghĩa, tạo nên những thay đổi sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vừa huy động sức mạnh của chế độ xã hội mới vào cuộc chiến đấu chống quân xâm lược, đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ vào miền Bắc nước ta, mà tiêu biểu là trận “Điện Biên

Phủ trên không", đập tan cuồng vọng của kẻ thù hùng "đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá", bảo vệ vững chắc hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời hết lòng chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế vẻ vang đối với Lào và Campuchia, thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ba nước Đông Dương đi đến toàn thắng.

Phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần, đồng bào và chiến sĩ ta ở miền Nam đã đẩy mạnh phong trào "Đồng khởi", phát triển sâu rộng chiến tranh nhân dân, sử dụng tổng hợp bạo lực cách mạng với hai lực lượng (lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân), đánh địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận); kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp nổi dậy với tiến công, tiến công với nổi dậy, liên tiếp giành được những chiến thắng oanh liệt và ngày càng to lớn, từng bước làm thay đổi cục diện chiến tranh có lợi cho ta, đẩy Mỹ - ngụy lâm vào thế bị động về chiến lược và đi đến kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bằng đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc để đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần,

chúng ta không những động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ to lớn về tinh thần và vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, hội tụ được sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại để đánh bại kẻ thù, giành toàn thắng.

Giá trị hạt nhân giữ vai trò chủ đạo trong sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, được định hướng và thể hiện tập trung ở lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong hệ thống giá trị văn hóa Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước là yếu tố bao trùm và chi phối đời sống tinh thần của dân tộc. Trải qua muôn vàn thử thách nghiệt ngã, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có sức sống mãnh liệt và luôn tỏa sáng, định hướng và huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để dựng nước và giữ nước. Từ khi Bác Hồ kính yêu đến với chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước, gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có được nguồn sinh lực mới, phát triển từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống lên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được bồi đắp và phát huy cao độ, là động lực

chính trị - tinh thần chủ yếu của nhân dân và quân đội ta, huy động toàn bộ sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại để áp đảo và đánh bại kẻ thù xâm lược, giành toàn thắng.

Nền tảng tư tưởng đồng thời cũng là yếu tố cốt lõi tạo nên sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống Mỹ, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã phân tích toàn diện và sâu sắc tình hình thế giới và khu vực, xu thế phát triển của thời đại và thực tiễn cách mạng Việt Nam để xác định đúng đắn, sáng tạo đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà vấn đề cốt lõi là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, hai nhiệm vụ đó thuộc hai chiến lược cách mạng khác nhau nhưng thống nhất hữu cơ, gắn bó chặt chẽ và tác động thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển của cách mạng. Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân và toàn quân ta giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp thực hiện thành công hai chiến lược cách mạng với hai loại quy luật: Quy luật của chiến tranh nhân dân trong cứu nước và giữ nước, quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo nên sức

mạnh tổng hợp to lớn để đánh thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Điều này thể hiện rất rõ nét sự nỗ lực chủ quan, sức sáng tạo cách mạng và tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng và nhân dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có cội nguồn lịch sử bền vững là bắt nguồn từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam anh hùng, được hun đúc và phát triển qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước.

Sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có cơ sở xã hội vững chắc là khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sự gắn bó máu thịt giữa quân đội với nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta còn được bồi đắp, phát triển và phát huy cao độ trên cơ sở chế độ chính trị-kinh tế-xã hội xã hội chủ nghĩa. Mặc dù các yếu tố của hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa bước đầu mới được xây dựng, nhưng đã thể hiện rõ sức sống và tính ưu việt, tiến bộ của nó, tạo nên những thay đổi sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và động lực chính trị - tinh thần to lớn của nhân dân và quân đội ta. Chính tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội đã bảo đảm cho miền Bắc

không ngừng phát huy vai trò quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng nhận được sự cổ vũ, tiếp sức to lớn từ sự phối hợp đoàn kết chiến đấu của quân và dân Lào, Campuchia anh em, sự giúp đỡ tích cực và có hiệu quả của Chính phủ và nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có Đảng Cộng sản và nhân dân Mỹ đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta. Chúng ta luôn ghi nhớ, biết ơn và trân trọng điều đó.

Thắng lợi vẻ vang của nhân dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là bản anh hùng ca mãi mãi âm vang theo dòng chảy lịch sử, nuôi dưỡng tâm hồn và bản lĩnh của con người Việt Nam, bồi đắp và làm phong phú thêm sức mạnh chính trị - tinh thần của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sức mạnh chính trị - tinh thần vẫn là yếu tố quan trọng hàng đầu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Theo Lê Văn Dũng

(Bài đăng trên tạp chí Quốc phòng toàn dân)

SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975

Năm nay (2005), đồng bào và chiến sĩ cả nước vui mừng, phấn khởi kỷ niệm trọng thể những ngày lễ lớn, những mốc son sáng ngời trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam anh hùng.

Trong những ngày lễ trọng thể đó, ngày kỷ niệm lần thứ 30 Đại thắng mùa Xuân (30-4-1975 – 30-4-2005) là một sự kiện có ý nghĩa thời đại to lớn, một chiến thắng vĩ đại của thế kỷ XX, mãi mãi đi sâu vào tâm khảm các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau.

Thắng lợi oanh liệt của 30 năm về trước mở ra một bước ngoặt lịch sử vĩ đại của dân tộc ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, kết thúc vẻ vang cuộc đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ nhưng rất anh hùng của quân và dân ta kể từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên đất nước ta, mở ra một kỷ nguyên mới vô cùng rực rỡ của đất nước - kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Với chiến thắng ngày 30-4-1975, quân và dân ta đã góp phần đập tan cuộc chiến tranh xâm lược và âm mưu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc nhằm chống các lực lượng tiến bộ và cách mạng kể từ sau Đại chiến thế giới lần thứ II, làm tăng thêm lòng tin và niềm phấn khởi cho nhân dân các dân tộc đang đấu

tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cùng với những chiến thắng oanh liệt: Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ..., Đại thắng mùa Xuân 1975 một lần nữa khẳng định cội nguồn sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta là khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh đó đã được hun đúc trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, với bao thăng trầm, vừa hào hùng, vừa bi tráng, song vượt lên tất cả là ý chí tồn tại của dân tộc, là tinh thần đoàn kết gắn bó keo sơn không gì phá vỡ nổi, và ý chí tinh thần đó lại được nhân lên gấp bội trong thời đại Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng quang vinh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” là cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa cả dân tộc vào trận đánh lịch sử, với niềm lạc quan vô bờ, với niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng. Đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân là sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, thử thách và giành thắng lợi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát bài học lịch sử này thành một trong những nhân tố cơ bản bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam là:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công.

Đó là sự tổng kết cao nhất kinh nghiệm sinh tồn

của dân tộc ta, một dân tộc luôn phải đương đầu với thiên tai khắc nghiệt và các thế lực xâm lược có tiềm năng quân sự khổng lồ đến từ nhiều phía, để gìn giữ nền độc lập của Tổ quốc. Theo lời Chủ tịch Hồ Chí Minh: muốn có thắng lợi to lớn, thắng lợi cuối cùng, chúng ta phải xây dựng, củng cố khối đoàn kết vững chắc trong Đảng, phải tăng cường đoàn kết toàn dân và đoàn kết rộng rãi với nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Ba khối đoàn kết đó có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung và làm tiền đề thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sức mạnh không gì phá vỡ nổi, trong đó, nhân tố có ý nghĩa quyết định hàng đầu là sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của nhân dân ta bắt nguồn từ truyền thống yêu nước, nghĩa đồng bào, được hình thành, phát triển gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Sức mạnh đoàn kết đó thực sự được nhân lên gấp bội, khi ý thức dân tộc của nhân dân ta bắt gặp ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, có được sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng Cộng sản, một Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, một chính đảng biết kế thừa truyền thống của lịch sử, trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc Việt Nam, kiên trì hy sinh phấn đấu cho độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được phát huy

cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Chưa bao giờ Mặt trận dân tộc thống nhất của nhân dân ta lại được phát triển rộng rãi và củng cố vững mạnh như trong thời kỳ chống Mỹ. Nếu như vào thời gian đầu khi đất nước mới tạm thời chia cắt làm hai miền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời (9-1955) làm nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết nhân dân cả nước đấu tranh cho thống nhất đất nước, thì đến những năm 60 của thế kỷ XX, sự phát triển của cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã dẫn đến sự mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960) và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình miền Nam Việt Nam (1968) đã ra đời, từ đó, mọi người Việt Nam từ Bắc đến Nam, có ý thức dân tộc, có tinh thần chống Mỹ xâm lược, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, ý thức hệ, giàu nghèo, địa vị xã hội... đều được đoàn kết lại, làm cho lực lượng đấu tranh ngày càng lớn nhanh, từ yếu trở thành mạnh, ngày càng đông đảo. Nhân dân cả nước ta từ Bắc chí Nam đã dốc lòng dốc sức, không tiếc công, tiếc của, tiếc máu xương cho sự toàn thắng của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng được phát huy cao độ, thể hiện sinh động trong việc kết hợp giữa tiến công và nổi dậy, kết hợp ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược ở miền Nam với hàng ngàn hàng vạn gương chiến đấu quả cảm của biết bao anh hùng, dũng sĩ diệt Mỹ; thể hiện trong các phong trào toàn dân ở miền Bắc "mỗi người làm việc bằng hai vì

đồng bào miền Nam ruột thịt", phong trào "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", thi đua "tay búa tay súng, tay cày tay súng", thanh niên "ba sẵn sàng", phụ nữ "ba đảm đang"..., để bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam, tất cả để chiến thắng, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.

Cùng với sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chính nghĩa của nhân dân ta còn được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân loại tiến bộ trên thế giới. Hiếm có một cuộc chiến tranh nào lại khơi dậy lương tri của cả loài người, dấy lên một cao trào ủng hộ Việt Nam chống Mỹ và phát triển sâu rộng trên khắp các châu lục trên thế giới.

Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, mỗi người dân từ em nhỏ đến cụ già, từ miền xuôi đến miền núi, từ trong nước đến ngoài nước, không phân biệt dân tộc, giai cấp, đảng phái, địa vị xã hội, quá khứ chính trị và ý thức hệ... ai ai cũng tự hào được góp công, góp của tùy theo sức của mình đã làm cho khối đoàn kết dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường và ngày càng nhân lên, trở thành sức mạnh vĩ đại như triều dâng, thác đổ, thần tốc tiến công và nổi dậy, làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đất nước sạch bóng quân thù, giang sơn thu về một mối, Tổ quốc hoàn toàn thống nhất.

Ngày nay, việc vận dụng và phát triển kinh nghiệm lịch sử quý báu về sức mạnh khối đại đoàn kết trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 có ý nghĩa vô cùng quan trọng để đưa khối đại đoàn kết toàn dân tộc lên tầm cao mới, tạo động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thế kỷ XXI. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp phát huy sức mạnh thời đại là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu, nhưng phải dựa trên cơ sở phát huy nội lực một cách cao nhất, có như vậy chúng ta mới hội nhập quốc tế có kết quả, vừa tranh thủ được sức mạnh của thời đại để xây dựng đất nước, vừa giữ vững được độc lập, chủ quyền dân tộc.

Với tinh thần và khí thế hào hùng của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nguyện ra sức thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu, không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, phát huy lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Theo Đồng chí Huỳnh Đảm

*(Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
bài đăng trên Tạp chí Quốc phòng toàn dân)*

MẶT TRẬN NGOẠI GIAO TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC

Tháng 1-1967, Hội nghị Trung ương lần thứ 13 đã họp và ra nghị quyết nhấn mạnh: "Trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động".

Chủ trì hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ ý nghĩa quan trọng của cuộc đấu tranh ngoại giao, đồng thời nhấn mạnh: "Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng nhưng cái chính là mình vừa phải đánh thắng và mình vừa phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng".

Những bước đi khéo léo trên mặt trận ngoại giao

Thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và với phương châm "đánh thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận", Hội nghị vạch rõ nhiệm vụ của ngoại giao lúc này là tố cáo mạnh mẽ hơn nữa tội ác của đế quốc Mỹ, vạch trần những thủ đoạn hòa bình giả dối của họ, tranh thủ các nước anh em, bè bạn, nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Bước thứ nhất mà ngoại giao cần làm để phối hợp với cuộc đấu tranh chung là đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom cũng như mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đây là một nhiệm

vụ hết sức quan trọng để miền Bắc có thể hoàn thành sứ mệnh là hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, ngày 28-1-1967, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: Chỉ sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hoạt động chiến tranh khác chống Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam dân chủ cộng hòa mới có thể nói chuyện với Mỹ. Tuyên bố này đã làm xôn xao dư luận Mỹ và thế giới, tăng thêm sức ép đòi Mỹ chấm dứt ném bom để đi vào đàm phán. Nội bộ giới cầm quyền Mỹ đòi Giôn-xơn phải có một hành động đáp lại. Giôn-xơn đã nhân nhượng. Ngày 29-9-1967, ông ta đưa ra cái gọi là công thức Xan Antôniô, rằng: "Hoa Kỳ sẵn sàng ngừng mọi cuộc bắn phá bằng không quân và hải quân chống Bắc Việt Nam khi điều này sẽ dẫn ngay đến các cuộc thảo luận có kết quả. Tất nhiên chúng tôi cho rằng trong khi các cuộc thảo luận diễn ra, Bắc Việt Nam sẽ không lợi dụng việc ngừng hoặc hạn chế ném bom". Tuy công thức này còn mơ hồ vì nó không nói rõ thế nào là "các cuộc thảo luận có kết quả" và thế nào là "việc lợi dụng việc ngừng ném bom" nhưng rõ ràng đây là một bước xuống thang của Mỹ.

Để thúc đẩy thêm Mỹ xuống thang, ngày 29-12-1967, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh khẳng định: "Sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam dân chủ cộng

hòa sẽ nói chuyện với Mỹ về những vấn đề liên quan".
Dư luận thế giới hoan nghênh phản ứng tích cực của ta từ chỗ nói có thể đến nói là sẽ nói chuyện. Tuy nhiên, thái độ của Mỹ vẫn còn nặng về thăm dò chứ chưa chịu đi vào đàm phán. Như vậy, có thể thấy rằng, những chuyển biến trên chiến trường tuy có lợi cho ta nhưng chưa đủ để buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và đi vào đàm phán.

Ngày 28-12-1967, Bộ Chính trị họp, chủ trương mở cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Cuộc tổng tiến công khiến địch bị bất ngờ và đã làm thay đổi hẳn tình hình. Ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ bị giáng một đòn nghiêm trọng. Ngày 31-3-1968, Tổng thống Giôn-xơn lên vô tuyến truyền hình tuyên bố đơn phương chấm dứt ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra, đề nghị ta đàm phán và quyết định sẽ không ra tranh cử nhiệm kỳ II.

Đối với ta, nếu nhận đàm phán ngay là quá sớm vì phía Mỹ vẫn chưa đáp ứng điều kiện của ta là phải chấm dứt hoàn toàn và vô điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác, nhưng nếu bác bỏ đề nghị của Giôn-xơn thì không tranh thủ được dư luận Mỹ và thế giới. Do đó, ngày 3-4-1968, Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện của Hoa Kỳ để xác định việc Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện. Tuyên bố của

Chính phủ Việt Nam là một đòn tấn công ngoại giao chủ động, đúng lúc, tỏ rõ thiện chí của ta nhưng vẫn giữ vững lập trường nguyên tắc là Mỹ phải chấm dứt ném bom hoàn toàn và vô điều kiện. Tuyên bố đã mở ra cục diện "vừa đánh, vừa đàm" như tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 13.

Ngày 13-5-1968, phiên họp đầu tiên giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa và Hoa Kỳ khai mạc tại Pari. Cuộc đàm phán này diễn ra vừa công khai, vừa bí mật. Công khai để đấu lý nhằm tranh thủ dư luận; bí mật nhằm mặc cả để đi đến thỏa thuận. Do Mỹ không thể bác bỏ lập trường hợp tình, hợp lý của ta, lại bị dư luận thúc ép, nhất là khi bầu cử Tổng thống Mỹ sắp đến, cuối cùng Mỹ chỉ nêu ra một yêu cầu là sau khi chấm dứt ném bom phải "nói chuyện nghiêm chỉnh", tức là có thêm đại diện của chính quyền Sài Gòn và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia đàm phán.

Ngày 27-10-1968, hai bên đã thỏa thuận được tất cả các vấn đề và ngày 31-10-1968, Giôn-xơn ra lệnh chấm dứt hoàn toàn việc ném bom miền Bắc. Sự kiện ta buộc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác là một thắng lợi ngoại giao lớn, góp phần vào việc tăng cường sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các bước đi tiếp theo của cách mạng miền Nam.

Kiên quyết nhưng uyển chuyển bên bàn Hội nghị

Hội nghị Pari bốn bên bắt đầu họp trong bối cảnh khá phức tạp. Ở Mỹ, chính quyền Níchxơn của Đảng Cộng hòa đã thay thế Đảng Dân chủ, chủ trương tiến hành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm rút dần quân Mỹ mà vẫn giữ được ngụy quyền. Do đó, Mỹ chưa vội đi đến thỏa hiệp. Về phía ta, trên chiến trường, đặc biệt là sau Tết Mậu Thân (1968), lực lượng của ta bị tổn thất nặng, bộ đội chủ lực mất chỗ đứng chân, phải chuyển ra ngoài biên giới, thế tiến công yếu đi, phong trào cách mạng ở đồng bằng bị thất thế. Do đó, nhiệm vụ của ngoại giao lúc này là vừa phải đấu tranh vạch trần luận điệu hòa bình giả dối của địch, vừa phải liên tục đưa ra những đề nghị mới nhằm duy trì cục diện "vừa đánh, vừa đàm" để hỗ trợ cho chiến trường.

Bắt đầu từ tháng 2-1970, ta và Mỹ mở diễn đàn mới là các cuộc họp bí mật giữa đồng chí Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy với Henri Kítxinhgiơ - cố vấn an ninh của Tổng thống Mỹ. Đây là một đặc điểm của Hội nghị Pari về Việt Nam. Vừa họp 4 bên, vừa họp 2 bên. Họp 4 bên là công khai để tố cáo, thăm dò lẫn nhau. Họp 2 bên chỉ giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa với Hoa Kỳ là bí mật nhằm thương thảo các vấn đề thực chất làm nội dung cơ bản cho việc đi đến một hiệp định chung. Trong các cuộc hội đàm bí mật này, ta đã đấu tranh rất gay gắt nhưng có lý, có tình, cuối cùng Mỹ phải chấp nhận:

Một là, các lĩnh vực Hiệp định cần giải quyết. Lúc đầu, phía Mỹ chủ trương chỉ giải quyết vấn đề quân sự. Ta đã bác bỏ kế hoạch này. Kế hoạch của ta là giải quyết cả vấn đề quân sự và vấn đề chính trị, tức là chấm dứt chiến tranh, Mỹ rút quân, đồng thời thiết lập ở miền Nam một chính phủ hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập và Thiệu phải từ chức. Tháng 10-1972, theo chủ trương mới của Bộ Chính trị, ta đưa ra dự thảo Hiệp định để chấm dứt chiến tranh với một kế hoạch hoàn chỉnh bao gồm cả phần quân sự và phần chính trị nhưng tạm thời ta không đòi Thiệu từ chức.

Hai là, vấn đề rút quân Mỹ. Kế hoạch của ta là dù đánh hay đàm đều phải đạt cho được việc Mỹ rút quân. Lúc đầu, Kítxinhiơ nêu nguyên tắc có đi có lại, tức là Mỹ rút thì quân đội Bắc Việt Nam cũng phải rút. Lập trường của ta là "bất cứ người Việt Nam nào cũng có quyền chiến đấu chống quân xâm lược trên lãnh thổ Việt Nam". Sau ta nêu công thức để ghi vào Hiệp định là "vấn đề các lực lượng vũ trang ở miền Nam Việt Nam sẽ do các bên ở miền Nam Việt Nam bàn bạc giải quyết". Hoa Kỳ một mặt yêu cầu rút quân Mỹ theo chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, mặt khác trên thực tế không thể đòi quân miền Bắc rút được và phải chống đỡ với sức ép của dư luận. Mỹ quay sang chiến thuật rút quân nhỏ giọt và không đề ra thời hạn để rút hết quân Mỹ. Ta tấn công thêm bằng việc gắn vấn đề thả tù binh Mỹ (việc thả tù binh Mỹ sẽ kết thúc

cùng ngày với việc rút hết quân Mỹ). Sức ép của dư luận Mỹ đối với Níchxơn tiếp tục tăng lên cho đến khi có giải pháp toàn bộ về vấn đề Việt Nam.

Ba là, vấn đề chính quyền ở miền Nam Việt Nam. Kế hoạch của Mỹ là làm sao rút được quân Mỹ nhưng đồng thời vẫn giữ được chính quyền Thiệu trong một "thời gian vừa phải". Nắm được ý đồ đó của Mỹ, trong dự thảo Hiệp định ngày 8-10-1972, để thúc đẩy nhanh Mỹ rút quân và đi đến ký kết Hiệp định, ta đồng ý duy trì ở miền Nam Việt Nam chính quyền Sài Gòn trong một thời gian để cùng Chính phủ cách mạng lâm thời thành lập một "cơ cấu chính quyền" có tên là "Hội đồng tối cao hòa hợp dân tộc" có nhiệm vụ "đôn đốc" và giám sát việc thi hành Hiệp định. Phía Mỹ không đồng ý từ "cơ cấu chính quyền" và từ "đôn đốc". Cuối cùng, ta đồng ý bỏ từ "cơ cấu chính quyền" và thay vào đó thành lập ngay Hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc. Ta vẫn giữ từ "đôn đốc", còn Mỹ dùng từ "thúc đẩy".

Bốn là, vấn đề tù dân sự. Trong đàm phán, đồng chí Lê Đức Thọ nói rõ là phía Việt Nam sẽ trao trả hết tù binh Mỹ và tù binh Sài Gòn. Kítxingiờ lại tách vấn đề tù binh và vấn đề tù dân sự. Âm mưu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là không muốn trao trả hết cán bộ của ta còn bị giam giữ. Ta kiên quyết chống lại âm mưu này. Sau nhiều phiên đấu tranh căng thẳng, cuối cùng Mỹ phải cam kết dùng ảnh hưởng tối đa của

mình để thúc đẩy việc trao trả tất cả những người bị giam giữ trong vòng 60 ngày sau khi Hiệp định được ký kết.

Năm là, vấn đề khu phi quân sự. Ta và Mỹ đều muốn duy trì khu phi quân sự. Ta chỉ muốn khu phi quân sự là giới tuyến tạm thời. Còn Mỹ muốn duy trì khu phi quân sự làm giới tuyến không cho quân đội miền Bắc thâm nhập vào Nam. Đồng chí Lê Đức Thọ đề nghị hai bên quy định việc qua lại giới tuyến tạm thời. Kítxinhiơ cho rằng cần quy định "việc đi lại dân sự". Đến phút chót, hai bên thỏa thuận ghi: "Trong các vấn đề thương lượng (giữa hai miền) có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời".

Sáu là, việc Mỹ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh. Phía Mỹ không đồng ý có một nghị định thư về vấn đề này và nói sẽ nêu vấn đề này trong một công hàm riêng của Tổng thống Níchxơn gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Trong dự thảo công hàm, lúc đầu Níchxơn ghi số tiền đóng góp là 3 tỉ USD, ta đấu tranh là 4,5 tỉ USD. Cuối cùng trong công hàm chính thức, Níchxơn ghi 3,25 tỉ USD.

Hiệp định Pari được ký kết

Tiếp theo những thắng lợi trong các mùa khô (1969-1970 và 1970-1971), trên chiến trường, ta mở cuộc tiến công chiến lược 1972 trên ba hướng: Trị Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ với hướng chủ yếu là Đường 9-Trị Thiên khiến Mỹ-ngụy hoàn toàn bất

ngờ, bị sụp đổ từng mảng, suy yếu nghiêm trọng. Đặc biệt, lần đầu tiên ta giải phóng một tỉnh là Quảng Trị, một thị trấn là Lộc Ninh, đã đập tan ảo tưởng của Mỹ vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Trong tình hình mới, ngày 1-6-1972, Bộ Chính trị đã quyết định chuyển hướng từ chiến lược chiến tranh sang chiến lược hòa bình.

Thực hiện chủ trương chiến lược trên, ta đã chủ động đưa ra dự thảo Hiệp định nhằm buộc Mỹ đi đến ký kết Hiệp định chính thức, có ngừng bắn tại chỗ, rút quân Mỹ và thả tù binh. Theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, ta tạm thời gác một số yêu cầu khác thuộc vấn đề nội bộ miền Nam như không buộc Thiệu từ chức, v.v...

Sau 12 ngày thảo luận, ngày 20-10-1972, phía Mỹ đã cùng ta thỏa thuận được một Hiệp định trên cơ sở dự thảo Hiệp định của ta đưa cho Mỹ.

Chủ trương của ta trong đàm phán là giữ vững những vấn đề nguyên tắc và nội dung đã đạt được trong thỏa thuận 20-10, đòi Mỹ không được sửa đổi. Từ lâu Mỹ đã dùng chiêu bài "thể thức" hoặc "trao đổi" với Sài Gòn để kéo dài đàm phán. Phía Mỹ cho rằng sau bầu cử Tổng thống, Ních-xơn ở thế mạnh nên tìm cách sửa đổi nội dung Hiệp định, lật ngược lại toàn bộ những vấn đề về thực chất, đặc biệt Mỹ nêu lại những yêu sách đòi rút quân miền Bắc, đòi hủy điều khoản về "hai chính quyền, hai quân đội... ở miền Nam Việt Nam". Đồng thời, Mỹ dùng thủ đoạn đe dọa với ý đồ phá đàm

phán. Do quan điểm hai bên còn xa nhau nên đã thỏa thuận ngừng các cuộc họp chính thức. Và ngày 18-12-1972, Mỹ bắt đầu cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 trong suốt 12 ngày đêm xuống Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố khác.

Sau khi bị thất bại trong cuộc tập kích này, ngày 27-12-1972, Mỹ gửi công hàm đề nghị gặp chuyên viên hai bên vào ngày 2-1-1973 và gặp chính thức vào ngày 8-1-1973, trên cơ sở các thỏa thuận đã đạt được ngày 20-10-1972 và những bổ sung sau đó. Đợt đàm phán chính thức này cũng là đợt đàm phán cuối cùng kéo dài 15 ngày. Ngày 23-1-1973, hai bên đạt được thỏa thuận và ký tắt Hiệp định. Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pari về Việt Nam đã được Bộ trưởng Ngoại giao 4 bên ký chính thức.

Từ Hiệp định Pari đến chiến thắng năm 1975

Đạt được một Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình là điều rất quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là phải tiếp tục đấu tranh để bảo đảm Hiệp định được thực hiện. Rút kinh nghiệm của việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ, ta đã chủ động và tích cực đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định. Cuộc đấu tranh không kém phần quyết liệt, không chỉ trên diễn đàn báo chí mà cả trong lòng địch, khi các nhà ngoại giao của cả Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt

Nam phải đối đầu với sự bao vây, phong tỏa của địch và cả những đe dọa đối với tính mạng bản thân.

Đi đôi với việc đấu tranh đòi Mỹ thực hiện Hiệp định, ta đã nỗ lực tranh thủ sự ủng hộ và cảm tình của nhân dân thế giới, tranh thủ sự chi viện của bạn bè và mở rộng quan hệ ngoại giao với tất cả các nước để tạo nên một sự hậu thuẫn vững chắc. Chỉ trong thời gian hai năm, kể từ khi ký Hiệp định đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 30 nước. Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam cũng được nhiều nước công nhận và điều đặc biệt quan trọng là đã trở thành thành viên chính thức của Phong trào không liên kết.

Đi đôi với các hoạt động trên, ta tiếp tục từng ngày từng giờ theo dõi tình hình nội bộ Mỹ và khả năng Mỹ can thiệp trở lại. Chiến tranh Việt Nam đã khoét sâu mâu thuẫn giữa Quốc hội Mỹ và chính quyền Níchxơn. Quốc hội Mỹ đã bác bỏ đề nghị của Níchxơn cung cấp thêm ngân sách cho cuộc chiến tranh Việt Nam, thông qua đạo luật hạn chế quyền tiến hành chiến tranh của Tổng thống và cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn từ 2 tỉ USD năm 1972 còn 700 triệu USD năm 1974. Do vụ Oatoghét, Níchxơn buộc phải từ chức và G. Pho lên thay.

Những diễn biến rất thuận lợi trong tình hình quốc tế lúc đó cho thấy, Mỹ khó có khả năng can thiệp trở lại. Thực tế là khi cuộc tổng tiến công và nổi dậy

năm 1975 nổ ra, G. Pho đã cử tướng Ph. Uyên, Tham mưu trưởng lục quân sang Việt Nam đánh giá tình hình. Uyên đề nghị ném bom B52 trở lại và cung cấp 722 triệu USD viện trợ cho chính quyền Sài Gòn. G. Pho đã bác bỏ đề nghị này và tuyên bố "đối với Mỹ, chiến tranh đã kết thúc".

Sau khi miền Nam Việt Nam được giải phóng, tại một cuộc họp báo, một nhà báo hỏi Kítxinhgiơ là liệu ông ta có tiếp tục gặp Lê Đức Thọ nữa hay không, Kítxinhgiơ nói thề cách đến già không bao giờ gặp Lê Đức Thọ nữa. Tuy vậy, trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến, Mỹ vẫn còn tìm cách vót vát tình hình bằng cách vận động Liên Xô và Trung Quốc họp lại Hội nghị quốc tế Pari để bàn về ngừng bắn. Ta đã làm thất bại ngay ý đồ này của Mỹ.

Sau 30 năm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, ngoại giao Việt Nam có thể tự hào về vai trò là một mặt trận quan trọng trong ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao, đã thực hiện tốt chiến lược, sách lược của Đảng trong cuộc cách mạng của toàn dân ta nhằm đưa giang sơn về một mối, cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Theo Phan Doãn Nam
(Bài đăng trên Tạp chí Cộng sản)

*

*

*

NHỮNG DỰ BÁO CỦA BÁC HỒ VỀ MỘT TRẬN "ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"

Cách đây 35 năm, quân và dân ta đã làm nên chiến thắng lẫy lừng: đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược đường không bằng B52 mang mật danh Chiến dịch Lainobéchơ II (LinebackerII) của đế quốc Mỹ vào thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương miền Bắc cuối tháng 12-1972. Trận "Điện Biên Phủ trên không" đó từng chấn động dư luận thế giới. Hàng nghìn bài báo, hàng trăm cuốn sách của nhiều tác giả thuộc các lập trường chính trị khác nhau đã viết về sự kiện lịch sử này chỉ để lý giải một câu hỏi: Nguyên nhân gì, sức mạnh nào mà một đất nước với tiềm lực kinh tế cũng như quân sự kém xa Mỹ, chỉ với tên lửa phòng không SAM-2 lại có thể bắn rơi hàng loạt máy bay B52 - niềm tự hào của nền công nghiệp Mỹ. Bởi có lẽ, không một ai trong họ biết rằng: dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ, quân dân ta đã chủ động tích cực chuẩn bị phương án đánh B52 ngay từ khi chúng chưa xâm phạm vùng trời miền Bắc.

Ngày 16-4-1952, trước "Trận Điện Biên Phủ trên không" hai mươi năm, nước Mỹ cho bay thử thành công chiếc máy bay B52 đầu tiên do hãng Boeing sản xuất và tuyên truyền rùm beng cho loại "siêu pháo đài bay bất khả xâm phạm" - loại vũ khí linh hoạt nhất trong ba nền tảng trụ cột của sức mạnh quân sự Hoa

Kỳ (tên lửa tầm xa, tàu ngầm hạt nhân, máy bay ném bom chiến lược). Lúc bấy giờ, B52 thật sự là biểu tượng về sức mạnh của nền công nghiệp Mỹ. Chỉ riêng việc làm cho thân hình máy bay có trọng lượng 221 tấn cất cánh khỏi đường băng đã làm cho thế giới phải kinh ngạc. Với chiều dài 48,01m, chiều cao 12,39m, sải cánh 56,42m thì B52 đúng là một loại pháo đài bay khổng lồ. Cho đến nay, chưa có một loại máy bay quân sự nào có kích thước và sức chở nặng đến thế. B52 có 8 động cơ phản lực, nhờ vậy có thể mang được hơn 100 quả bom với tổng trọng lượng xấp xỉ 30 tấn. B52 có thể bay cao tới 20 km, ném bom ở độ cao 17 km và có thể bay xa nhiều nghìn km mà không cần tiếp dầu. Đi kèm B52 là một lực lượng máy bay F4 hộ tống tạo thành một "hàng rào không thể chọc phá". Nhưng điều chủ yếu nhất, nguy hiểm nhất và gây nhiều khó khăn nhất cho đối phương là hệ thống gây nhiễu điện tử cực mạnh tạo thành chiếc "áo giáp điện tử" che giấu toàn bộ lực lượng tiến công, biến mỗi chiếc B52 thành một "máy bay tàng hình". Chính Tư lệnh Không quân Mỹ lúc bấy giờ, tướng John C. Mayer đã từng coi chiến tranh điện tử là con đường sống còn của Không lực Hoa Kỳ.

Với tầm nhìn xa trông rộng của một nhà chiến lược tài tình, Bác Hồ đã có những tiên đoán được lịch sử khẳng định, những tiên đoán của Người trong chỉ đạo đánh B52 quả là kỳ diệu. Năm 1962, mười năm

sau khi chiếc B52 đầu tiên ra đời, trong lần gặp đồng chí Phùng Thế Tài nhân dịp đồng chí được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân chủng Phòng không, Bác hỏi:

- Bây giờ chú là Tư lệnh Phòng không, vậy chú biết gì về B52 chưa?

Thấy đồng chí Tài lúng túng, Bác cười độ lượng:

- Nói thế thôi, chú có biết cũng chưa làm gì được nó. Nó bay trên cao mười cây số mà trong tay chú hiện nay mới chỉ có cao xạ thôi. Nhưng ngay từ nay, là Tư lệnh Phòng không, chú phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên quan tâm đến thằng B52 này.

Để có vũ khí trừng trị được B52, Bác đặt vấn đề với Liên Xô chi viện cho Việt Nam vũ khí tên lửa phòng không. Dưới sự giúp đỡ của nước bạn, Trung đoàn tên lửa phòng không SAM-2 đầu tiên mang phiên hiệu H36 ra đời.

Tháng 4-1965, Mỹ quyết định dùng Sư đoàn Không quân chiến lược số 3 đóng ở đảo Guam tiến hành chiến dịch ném bom mang tên “Cung sáng” vào miền Nam Việt Nam để yểm trợ cho bộ binh Mỹ trong các cuộc hành quân trên bộ. Ngày 18-6-1965, 30 máy bay B52 cất cánh từ Guam ở trung tâm Thái Bình Dương, vượt gần 9.000 km với 16 giờ bay liên tục, thực hiện cuộc ném bom “rải thảm” lần đầu tiên trên thế giới vào căn cứ Long Nguyên của ta ở huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (phía Tây Bắc Sài Gòn). Cùng với bom là những tờ truyền đơn in hình chiếc B52 với đủ kích thước,

tính năng của nó và đã gây tác dụng tâm lý nhất định. Một số cán bộ ở miền Nam ra công tác miền Bắc khi kể về những trận rải thảm của B52 đã tỏ ra phân vân, lo lắng. Vì, chỉ cần 10 chiếc B52 lọt vào Hà Nội cũng đủ gây tổn thất nặng nề không lường hết được. Chính vì vậy mà Bác Hồ đã đặc biệt quan tâm đến loại máy bay này. Việc xây dựng quyết tâm dám đánh và quyết thắng B52 được đặt ra ngay từ khi đế quốc Mỹ bắt đầu sử dụng máy bay B52 đánh phá ở chiến trường miền Nam. Ngày 19-7-1965, Bác thăm Trung đoàn 324, bộ đội Phòng không-Không quân, Người khẳng định: “Dù đế quốc Mỹ lắm súng, nhiều tiền, dù chúng có B57, B52 hay “bê” gì đi nữa ta cũng đánh. Từng ấy máy bay, từng ấy quân Mỹ, chứ nhiều hơn nữa ta cũng đánh. Mà đã đánh là nhất định thắng”

Phải đánh thắng B52 là mối quan tâm đặc biệt của Bác và cũng là quyết tâm của quân dân ta. Ngày 24-7-1965, Trung đoàn tên lửa H36 ra quân đánh thắng trận đầu, bắn rơi tại chỗ chiếc F4C trên bầu trời Hà Tây. Một ngày sau, ngày 25-7-1965, hạ tại chỗ thêm một máy bay trinh sát không người lái BQM34A ở độ cao 19 km. Hai chiến công đầu của bộ đội tên lửa Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt: nó khẳng định khả năng tên lửa Việt Nam trị được B52 đã ở trong tầm tay. Bác Hồ đã gửi thư khen quân dân Hà Tây và ký lệnh thưởng 2 Huân chương Quân công hạng Ba cho 2 Tiểu đoàn 63 và 64 đã trực tiếp lập công. Ngày 12-4-1966, máy bay

B52 lần đầu tiên ném bom đèo Mụ Giạ ở Tây Nam Quảng Bình, mở đầu việc đánh phá của B52 ở miền Bắc nước ta. Ít lâu sau, B52 đánh rộng đến Vĩnh Linh, phía bắc giới tuyến 17 với mức độ ngày càng dữ dội. Bác mời đồng chí Đặng Tính, Chính uỷ Quân chủng Phòng không-Không quân lên báo cáo tình hình và trực tiếp giao nhiệm vụ cho quân chủng: “Máy bay B52 Mỹ đã ném bom miền Bắc. Phải tìm cách đánh cho được B52. Nhiệm vụ này Bác giao cho các chú Phòng không- Không quân”.

Các đồng chí trong Quân uỷ Phòng không-Không quân báo cáo Bác ý định đưa lực lượng tên lửa, ra đa vào chiến trường phía Nam tìm cách bắn rơi máy bay B52, để củng cố ý chí quyết thắng và xây dựng niềm tin đánh thắng B52 cho bộ đội. Người suy nghĩ rồi thông thả nói: “Đúng, muốn bắt cọp phải vào tận hang”. Tháng 5-1966, một số đơn vị tên lửa, ra đa và những cán bộ có kinh nghiệm của quân chủng đã được cấp tốc đưa vào chiến trường. Trung đoàn tên lửa H38 - đơn vị hoả lực đầu tiên nhận trọng trách lớn lao này, đã kịp thời cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ, vượt qua nhiều chặng đường hiểm trở đầy ác liệt của bom đạn Mỹ để tới Vĩnh Linh vào đầu năm 1967. Các chiến sĩ đã anh dũng nằm ngay trong tầm đạn pháo mặt đất, pháo biển của địch phục kích bắn B52. Một số đơn vị ra đa đã vượt qua muôn vàn gian khổ, khó khăn đưa máy lên tận đỉnh Trường Sơn để nghiên

cứu phát hiện B52. Đưa tên lửa vào Vĩnh Linh là chặng đường đầu tiên trên con đường dài đi đến chiến thắng B52. Nghe tin một trung đoàn tên lửa SAM-2 của ta vào Vĩnh Linh, Lầu năm góc hoảng sợ và quyết tiêu diệt những bệ phóng của ta bằng mọi giá. Các khí tài của ta bị bom, đạn Mỹ đánh hỏng nặng. Biết đơn vị gặp khó khăn, Bác thường xuyên quan tâm thăm hỏi xem có biện pháp khắc phục chưa. "Đoàn công tác B" do đồng chí Hoàng Văn Khánh, Phó Tư lệnh Quân chủng Phòng không-Không quân làm trưởng đoàn đã cấp tốc vào Vĩnh Linh chỉ đạo, giúp đỡ Trung đoàn H38 hoàn thành nhiệm vụ bắn rơi B52, Bác khen như thế là có biện pháp tích cực, kịp thời. Ngày 17-9-1967, Phân đội tên lửa 84, Đoàn H38 lần đầu tiên chỉ trong vòng ba mươi phút đã kịp thời phát hiện và bắn rơi hai chiếc B52 trên bầu trời Vĩnh Linh. Nhận được tin vui từ Vĩnh Linh ra, các đồng chí lãnh đạo Quân chủng Phòng không-Không quân muốn báo tin ngay đến Bác vì Người đã cho phép gọi điện thoại trực tiếp đến bất cứ lúc nào cần thiết. Trời đã khuya, sợ Bác thức giấc, đồng chí Tư lệnh đã gọi cho đồng chí Vũ Kỳ (thư ký của Bác) thì được biết Bác vẫn chưa ngủ. Đồng chí quay số 01 (mật danh điện thoại của Bác), Bác nhận ra giọng đồng chí Phùng Thế Tài và hỏi ngay:

- Chú Tài đấy à? Có việc gì thế? Bắn rơi B52 rồi phải không?

Việc Bác đoán trước đã bắn rơi B52 là xuất phát từ niềm tin tuyệt đối của Người vào lòng dũng cảm, trí tuệ, khả năng sáng tạo của bộ đội ta. Từ ngôi nhà sàn, Bác đã tự tay viết thư khen quân và dân Vĩnh Linh anh hùng và ký Lệnh thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì cho Tiểu đoàn 84 thuộc Trung đoàn tên lửa H38 là đơn vị trực tiếp đã lập công. Những bài học xương máu của Trung đoàn H38 được đúc kết lại trong tập tài liệu dày 29 trang in rônêô trên những tờ giấy giang mộc mạc mang tên “Cách đánh B52 của bộ đội tên lửa” hay còn được gọi là *Cuốn cẩm nang bí đỏ*. Cuốn sách mà sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận định: “Chúng ta thắng được B52 Mỹ là do nhiều nguyên nhân trong đó có sự đóng góp hết sức quan trọng của cuốn sách này”. Bản tài liệu đơn sơ đầu tiên này là cơ sở cho việc biên soạn tiếp theo những bản tài liệu, những phương án đánh B52 ngày càng hoàn chỉnh.

Bước leo thang của Mỹ đã lên đến đỉnh. Chúng tổ chức những chiến dịch không quân liên tục đánh phá quyết liệt Thủ đô. Bộ Tư lệnh Phòng không-Không quân được giao nhiệm vụ chuẩn bị phương án chiến đấu bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng trong tình huống địch sử dụng B52. Khoảng đầu năm 1968, trong lần gặp đồng chí Phùng Thế Tài, lúc này là Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, đặc trách cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, ngay phút đầu đầu tiên Bác lại hỏi về B52 và

nhận định: "Sớm muộn để quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội rồi có thua nó mới chịu thua... Chú nên nhớ trước khi đến Bàn Môn Điểm ký Hiệp định đình chiến ở Triều Tiên, Mỹ đã cho không quân huỷ diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ nhất định thua, nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội. Vì vậy nhiệm vụ của chú rất nặng nề".

Ngày 27-2-1968, bản kế hoạch mang tên "Phương án đánh trả cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mỹ, bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng" của Quân chủng Phòng không-Không quân đã được hình thành, tuy còn đơn sơ nhưng đã chứa đựng những nội dung cơ bản. Từ kinh nghiệm thực tế của các chiến trường, bản kế hoạch liên tục được sửa chữa, bổ sung để đến năm 1972, Quân chủng có thêm những "Phương án tháng 5", "Phương án tháng 7", "Phương án tháng 9" và cuối cùng là "Phương án tháng 11" - bản kế hoạch đánh B52 hoàn chỉnh nhất. Trên cơ sở bản kế hoạch đó, Quân chủng Phòng không-Không quân đã cùng quân và dân thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương miền Bắc lao vào chuẩn bị hết sức khẩn trương, để đến đêm 18-12-1972 bước vào một cuộc chiến đấu một cách chủ động, dè dặt. Mặc dù đế quốc Mỹ đã huy động một lực lượng lớn chưa từng có kể từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai cho cuộc tập kích này: gần 1/2 số máy bay chiến lược B52 của toàn nước Mỹ (193 chiếc trên tổng số 400 chiếc), gần

1/3 số máy bay chiến thuật của toàn nước Mỹ (1.077 chiếc trên tổng số 3.041 chiếc) cùng nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác nhưng sau 12 ngày đêm chiến đấu kiên cường, dũng cảm, vượt qua mọi gian khổ, ác liệt, quân và dân ta đã bắn rơi 81 máy bay Mỹ trong đó có 34 máy bay B52, bắt sống nhiều giặc lái, trong đó có nhiều giặc lái B52.

Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari, cam kết tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam, chấp nhận rút hoàn toàn quân viễn chinh Mỹ và các nước chư hầu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân ta tiến lên giành toàn thắng vào mùa xuân năm 1975.

Đã hơn ba thập kỷ qua đi nhưng những bài học vô giá về tính chủ động, sáng tạo, tinh thần dám đánh và quyết thắng mà Bác Hồ để lại từ trận “Điện Biên Phủ trên không” vẫn còn nguyên giá trị và sẽ giúp cho dân tộc ta vững tay lái khi ra biển lớn trong quá trình hội nhập với thế giới hôm nay.

Theo Lê Ngân Mai

*(Bài đăng trên Thông tin tư liệu Khu Di tích
Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, số II)*

*

*

*

THỰC HIỆN KHÁT VỌNG "ĐỒNG BÀO NAM BẮC NHẤT ĐỊNH SẼ SUM HỌP MỘT NHÀ" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHÚC

Sinh ra và lớn lên khi đất nước đã đắm chìm trong vòng nô lệ, ngày 5-6-1911, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh rời Tổ quốc, bắt đầu chặng đường lao động kiếm sống và khảo nghiệm thực tiễn để tìm đường cứu nước. Dành cả cuộc đời mình hoạt động và đấu tranh không mệt mỏi vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, tự do và thống nhất, vì sự nghiệp giải phóng nhân loại cần lao thoát khỏi sự áp bức và bất công, thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, nhưng đến lúc rời xa thế giới này, Hồ Chí Minh vẫn còn trăn nặng ưu tư vì miền Nam ruột thịt chưa được giải phóng. Khát vọng, niềm tin tất thắng và ý chí giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc Người dặn lại trong bản *Di chúc* lịch sử: *"Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"*¹ trở thành nguồn sức mạnh tinh thần to lớn cổ vũ đồng bào và chiến sĩ cả nước trong hành trình chiến đấu và chiến thắng.

1. Hoài bão lớn nhất của Hồ Chí Minh là nước Việt Nam độc lập, tự do và thống nhất, nhưng phải là độc

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, II, 1995, t.12, tr. 498-499.

lập tự do hoàn toàn và thống nhất. Vì vậy, mỗi khi nhắc đến miền Nam "Thành đồng Tổ quốc", đến ước mơ "Bắc Nam sum họp một nhà", lòng Người lại trào dâng niềm xúc động: "Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà". Đó chính là tình cảm, là tấm lòng, cũng là nỗi khắc khoải của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh đối với miền Nam, với đồng bào miền Nam trong những ngày đất nước còn tạm thời bị chia cắt làm hai miền.

Dành cho miền Nam sự quan tâm đặc biệt, ngay khi thực dân Pháp với dã tâm thống trị nước ta một lần nữa đã núp bóng quân Anh, nổ súng đánh úp Nam Bộ, ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắn nhủ đồng bào: "Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam bộ... "Thà chết tự do còn hơn là sống nô lệ"¹. Đồng thời, Người đã thông qua những bài báo, những lời phát biểu, trả lời phỏng vấn, truyền đến cho đồng bào và các chiến sỹ ở tiền tuyến sức mạnh niềm tin vào một ngày mai thống nhất, và khẳng định: Nam bộ là máu của máu, là thịt của thịt Việt Nam, "đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn. Song chân lý đó không bao giờ thay đổi"².

Khi chiến tranh ngày càng lan rộng, tuyên bố với quốc dân tháng 11 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Một ngày mà Tổ quốc chưa được thống

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr. 27

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tập 4, tr. 246.

nhất, đồng bào còn chịu đau khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ yêu quý nhất định trở lại trong lòng Tổ quốc". Niềm tin của Người, ý chí của cả dân tộc về một nước Việt Nam độc lập, thống nhất đã được ghi rõ, được khẳng định tại Điều 2, Chương 1- Hiến pháp 1946: "Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia"¹.

Bỏ lỡ những cơ hội cho một nền hòa bình, thực dân Pháp đã trắng trợn gây chiến và trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi *Toàn quốc kháng chiến*. Đồng bào và chiến sĩ cả nước đã đồng lòng kháng chiến và kiến quốc với niềm tin và sức mạnh tinh thần: nước Việt Nam là một, từ Nam chí Bắc cùng một tiếng nói, một lịch sử, một nền văn hoá và một nền kinh tế; nhân dân Việt Nam đã hy sinh nhiều xương máu đấu tranh cho độc lập, tự do, quyết không một lực lượng nào ngăn cản được sự nghiệp thống nhất Tổ quốc mình. Trong những năm tháng gian lao ấy, luôn dành sự quan tâm đến miền Nam, truyền đến đồng bào và chiến sĩ miền Nam tình cảm, niềm tin của mình, của cả dân tộc về một ngày mai "non sông liền một dải", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư, đã động viên đồng bào, chiến sĩ quyết kháng

¹ Văn phòng Quốc hội, *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1994, tr. 272.

chiến với tinh thần: “Lòng Hồ Chí Minh và Chính phủ, cùng toàn thể quân đội và nhân dân các nơi luôn ở bên cạnh các bạn, theo dõi các bạn, yêu mến các bạn”¹. Vì vậy mà “thống nhất độc lập nhất định thành công”.

Vượt mọi gian nguy và trường kỳ kháng chiến với quyết tâm và ý chí: “Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: quyết không làm nô lệ; chỉ có một chí: quyết không chịu mất nước; chỉ có một mục đích: kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc”², sức mạnh đoàn kết của quân dân hai miền Nam - Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại, kết thúc cuộc trường chinh 9 năm “kháng chiến kiến quốc” chống thực dân Pháp đã kết thúc. Tuy nhiên, với những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Đông Dương, chỉ có miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng. Còn ở miền Nam, đế quốc Mỹ trắng trợn, ngang nhiên phá hoại Hiệp định, can thiệp vào miền Nam, biến miền Nam trở thành “địa ngục trần gian”.

“Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta”, Hồ Chí Minh đã khẳng định như vậy, và trong tư tưởng của Người, độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất đất nước, luôn xuyên suốt và nhất quán. Khi đất nước vẫn còn cảnh chia ly bởi bờ Bắc,

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 215.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.151.

bờ Nam, khôn nguôi nỗi nhớ miền Nam, vì miền Nam ruột thịt, vì niềm hy vọng “Bắc, Nam sum họp một nhà”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: phải “củng cố miền Bắc và chiếu cố miền Nam”. Khôi phục, cải tạo, phát triển và xây dựng chủ nghĩa xã hội để miền Bắc trở thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Người nhấn mạnh rằng: trong khi miền Bắc sinh hoạt và xây dựng trong hòa bình thì đồng bào miền Nam đang anh dũng hy sinh chiến đấu oanh liệt chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, vì vậy “mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt”. Vì vậy, những đoàn quân “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, những chuyến xe chở lương thực, vũ khí, đạn dược, thuốc men, v.v. từ miền Bắc chuyển vào đều thiết thực ủng hộ đồng bào miền Nam và góp phần thực hiện khát vọng “Bắc, Nam sum họp một nhà”.

Nói về tình cảm của Người dành cho đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nói về tình Bắc Nam ruột thịt, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trái tim của tôi và của 17 triệu đồng bào miền Bắc luôn luôn đập một nhịp với trái tim của đồng bào miền Nam,... không một giờ một phút nào không nhớ đến đồng bào ruột thịt ở miền Nam đang chiến đấu anh dũng chống bọn Mỹ - Diệm để cứu nước cứu nhà”¹. Tình cảm đó không chỉ

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.11, tr.158-159.

ẩn chứa trong mỗi bức thư, trong mỗi bài phát biểu, mà còn đậm sâu, hiển hiện trong những bài thơ chúc Tết - những lời nhắn nhủ của Người mỗi dịp Xuân về, Tết đến, đặc biệt là: "Vì Độc lập, vì Tự do. Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào. Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào, Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn"- trong bài *Thơ mừng Xuân 1969*.

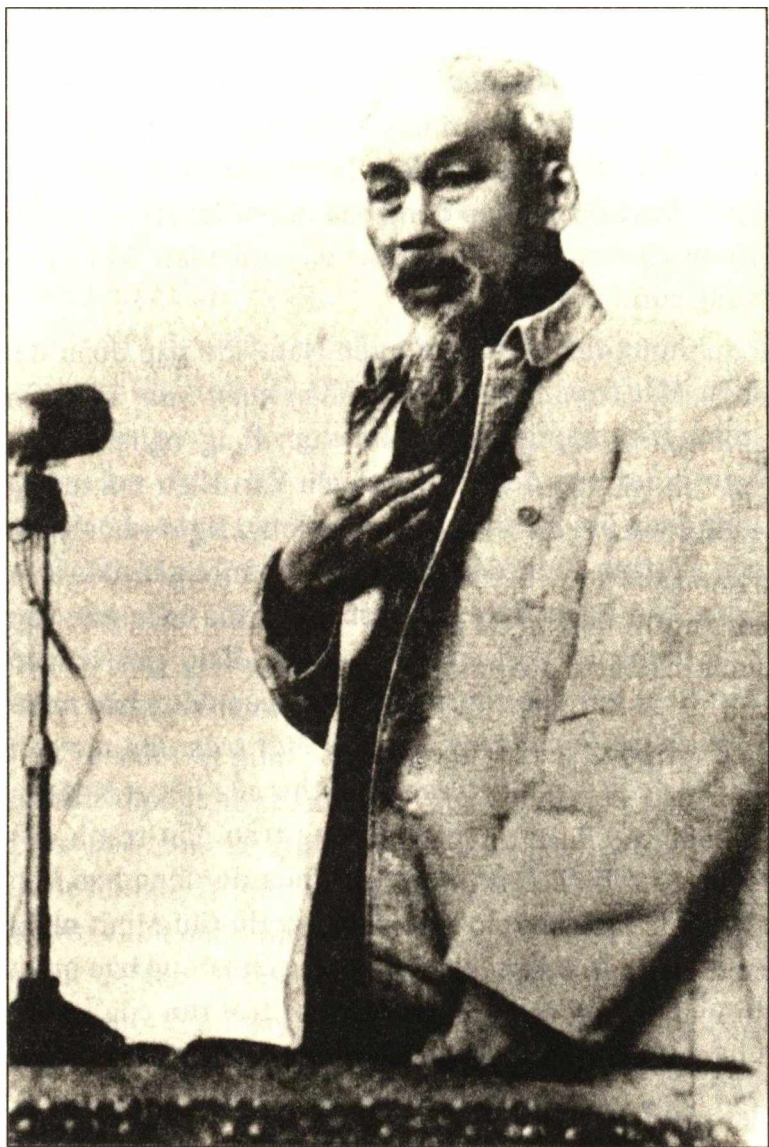
2. Nỗi đau đất nước bị chia cắt đã làm nhức nhối trái tim Chủ tịch Hồ Chí Minh và mỗi người dân Việt Nam yêu nước. Song nỗi đau bị chia cắt đã hun đúc ngọn lửa đoàn kết đấu tranh, đã nhân nguồn sức mạnh của dân tộc ta trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cả nước đồng lòng vượt qua mọi khó khăn gian khổ và chiến đấu với quyết tâm không gì lay chuyển nổi: "Nước ta phải thống nhất. Nam Bắc là một nhà".

Từ trái tim mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói, kẻ thù không thể chia cắt Tổ quốc ta, chia rẽ hai miền Nam Bắc, chia rẽ gia đình ta, nên ngay cả khi được Quốc hội quyết định trao tặng *Huân chương Sao vàng*, Người cũng dành những lời tâm huyết để nói về miền Nam. Cả tấm Huân chương vinh danh, Người cũng muốn chờ đến ngày miền Nam được giải phóng, chờ đến ngày đất nước thống nhất mới nhận: "Gần 20 năm trường, hết đấu tranh chống thực dân Pháp lại đấu tranh chống Mỹ-Diệm, đồng bào miền Nam thật là những người con anh hùng của dân tộc Việt Nam

anh hùng. Miền Nam thật xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”. Vì lẽ đó, tôi xin Quốc hội chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình, thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng”¹.

Không thể vào thăm miền Nam, khi gặp đoàn đại biểu *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam* ra thăm miền Bắc, trong không khí xúc động nghẹn ngào, Người ôm hôn đồng chí Nguyễn Văn Hiếu mà tưởng như đang ôm cả miền Nam vào lòng. Người hỏi thăm cận kề tình hình đời sống, tinh thần chiến đấu của đồng bào miền Nam. Thay mặt các đại biểu báo cáo tình hình mọi mặt của miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Hiếu gửi đến Người món quà của đồng bào miền Nam gồm: *Bản cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*, tập thơ của liệt sĩ Nguyễn Trọng Tuyển, tập ảnh về phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam và một lọ hoa do đồng bào làm bằng vỏ đạn đại bác Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận quà và nói Người không có gì tặng cho đồng bào miền Nam. Đưa tay mình lên ngực, nơi trái tim của người Cha già đang đau đớn và xúc động, Người nói: *Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi*.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.11, tr.62.



Miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi...

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Nguyên vọng của tôi cũng như nguyện vọng của nhân dân Việt Nam là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”, và khát vọng đó được Người khẳng định: “Nhân dân ta nhất định sẽ vượt tất cả mọi khó khăn và thực hiện kỳ được thống nhất đất nước, Nam, Bắc một nhà”¹. Vì vậy, có thể chia cắt đất nước ta về không gian và thời gian, song đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai không thể chia cắt ý chí và niềm tin của cả một dân tộc có bề dày truyền thống trong lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, lại càng không thể chia cắt tình cảm của nhân dân hai miền Nam Bắc, bởi tất cả đều là “con Rồng, cháu Tiên”. Niềm tin vào một ngày mai thống nhất của nhân dân hai miền Nam Bắc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh bồi đắp bằng ý chí, bằng quyết tâm của cả dân tộc qua *Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước* ngày 17-7-1966: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa... song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn to đẹp hơn”². Mùa xuân năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn được vào thăm miền Nam trước khi quân ta mở màn đợt 3 cuộc tổng tiến công. Trong bức thư gửi cho đồng chí Lê Duẩn ngày 10-3-1968,

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.10, tr.199

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.12, tr.108.

Người viết rằng: "Đi thăm đúng lúc đó mới có tác dụng khuyến khích thêm anh em"... Tuy nhiên, vì điều kiện sức khỏe của Người, vì cuộc chiến tranh đang trong giai đoạn quyết liệt, khó đảm bảo an toàn, nên Bộ Chính trị đã thuyết phục Người hoãn chuyến đi này.

Năm 1969, sức khỏe của Người ngày một yếu. Trong những ngày cuối đời, khi nằm trên giường bệnh, dù phải chống chọi với nỗi đau bệnh tật, song mỗi khi tỉnh lại, câu đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh dành để nói, vẫn là những câu hỏi về tình hình chiến sự ở miền Nam. Ở những giây phút cuối của cuộc đời trần thế, Người vẫn nghĩ đến miền Nam. Hình ảnh miền Nam vẫn luôn luôn ở trong trái tim của Người. Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời xa chúng ta, mang theo mình một khát vọng, một niềm tin tất thắng: "Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn" về với cõi vĩnh hằng. Người đã đi xa, nhưng niềm tin của Người và chỉ thị: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi", cùng với lời tiên đoán "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào" đã trở thành mệnh lệnh hành động.

Khát vọng của Người và của cả dân tộc, những lời dặn lại trong *Di chúc* của Người, ý chí giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đã đưa cả nước vào trận cuối cùng với niềm tin tất thắng. Cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975 đã thắng lợi. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, hai miền Nam Bắc đã sum họp một

nhà. Mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng bào và chiến sĩ cả nước đã trở thành sự thật. Cùng với thời gian, những vết thương chiến tranh đã dần hàn kín miệng. Nỗi đau chia cắt đã vĩnh viễn lùi xa. Đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất liền một dải đang vươn lên, hội nhập cùng bạn bè quốc tế.

Đi xa, nhưng niềm tin của Người về một đất nước Việt Nam "đàng hoàng hơn to đẹp hơn", sánh vai cùng bạn bè quốc tế thưở nào đang trở thành hiện thực sinh động trong thực tiễn. Việt Nam đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế. Ở nơi xa, Người vẫn dõi theo, cổ vũ toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết và kiên định, tin tưởng và quyết tâm vượt qua mọi thử thách, phát huy nguồn sức mạnh nội lực được hun đúc trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Theo Nguyễn Hồng Thúy
(Bảo tàng Hồ Chí Minh, bài đăng trên
Thông tin tư liệu Khu D số VIII)*

Hồ Chí Minh
Những câu đẩu đức quan trọng

Nhưng đây ta thường nói : Đảng viên đi trước,
làng nước theo sau. Đó là một lời khuyên chân thành mà
cũng là một lời nhắc nhở sâu sắc đối với những người
đang xây dựng tự do, độc lập.

Trải qua 39 năm đấu tranh vô cùng gian khổ, làm
cách mạng thắng 8 thành công, chúng ta chiến thắng ^{thắng lợi} ~~thắng lợi~~
đầu tiên, và ngày nay với chiến đấu chống
Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền
bắc, vừa đấu tranh rõ ràng : Đảng ta, Đảng của
toàn dân, của nước Việt Nam, là người lãnh đạo
suốt, nhà dân lao động và của dân tộc ta tiến lên
không ngừng, giành được những thắng lợi vĩ đại.
Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt
động hàng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và
sinh hoạt, các đồng chí bộ, đảng viên ta đã từ từ phân
biệt các qui tắc của người công nhân, của những người
công nhân ở nước ta, những người công nhân
của các đồng chí Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng
Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, trước kia,
bác nhân đồng chí đã vận dụng lý sinh trên tiến
tuyến) nhiều đồng chí đến phút cuối cùng vẫn kiên
đầu kiên cường, lập nên những chiến công vẻ vang.
Trong xí nghiệp cũng như trên các tuyến đường, trên
đồng ruộng cũng như trên rừng núi, rất nhiều các bộ,
đảng viên đã lao động cùng các công nhân, nông dân
học hỏi, tích cực nâng cao, đồng cam cộng khổ với nhân
dân, làm nên nhiều thành tích to lớn.

Trong đó ta thấy rõ nhất thế hệ thế hệ trẻ, những
nhà lãnh đạo của chúng ta, những người công nhân.

Bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh
trên bản Di chúc lịch sử

Chương ba

BÁC VẤN CÙNG CHÚNG CHÁU HÀNH QUÂN

HÌNH ẢNH BÁC HỒ

*Nguyễn Thị Định**

Trong những năm đen tối mịt mù ở miền Nam, bọn Mỹ-Diệm ráo riết đàn áp bắn giết những người yêu nước. Chúng không từ một thủ đoạn dã man, tàn bạo nào và đã trút đau thương tang tóc lên đầu chị em phụ nữ. Nhưng trong suốt thời kỳ đấu tranh chống Mỹ, cứu nước gay go, ác liệt, đồng bào và phụ nữ miền Nam luôn luôn hướng về Hồ Chủ tịch với một niềm tin yêu sâu sắc. Hình ảnh Bác lúc nào cũng ở trong trái tim của đồng bào, của chị em. Chúng tôi như thấy Bác luôn luôn ở bên cạnh mình đang dìu dắt mình, chỉ bảo con đường đi tới trước, truyền thêm cho mình sức

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

manh thiêng liêng để vượt qua mọi hy sinh, gian khổ, đi đến thắng lợi vẻ vang.

Má Năm, "*Con gái cụ Hồ*", cái tên thân thương mà bà con đã tặng má. Má đã dùng tiếng nói của mình để đánh bọn Mỹ-Diệm. Đêm đêm, má thức dậy từ ba, bốn giờ hát cho đến sáng. Má điên nhưng rất tỉnh. Má hát có nội dung rõ rệt. Má chửi suốt từ Ngô Đình Diệm đến tên địa chủ, chủ ấp và bọn dân vệ, ác ôn, mặt khác luôn luôn ca ngợi cách mạng, ca ngợi Hồ Chủ tịch. Năm 1958, má đã ngoài năm mươi tuổi, người ốm nhom nhưng vẫn hát múa rất to. Những đêm xuôi gió, ở xa hàng cây số vẫn nghe tiếng má Năm chửi bọn Mỹ - Diệm.

Có lần, bọn lính ngục gặp má ở chợ. Chúng đưa ra truyền đơn vẽ Hồ Chủ tịch gầy ốm để xuyên tạc miền Bắc và nói giễu:

- Ba của bà không có ăn hay sao mà ốm dữ vậy?

Má nổi khùng lên ngay:

- Ừ, ba tao lo cho dân cho nước mới ốm, chớ đâu có như Ngô Đình Diệm ăn bơ thừa, sữa cặn của Huế Kỳ, bụng phệ như con heo nái gần sanh ấy.

Em Nguyễn Thị Hợi, quê huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Năm 1954, em mười ba tuổi, ở trong đội thiếu nhi cứu quốc. Lớn lên em tham gia công tác cách mạng. Em mong ước có một tấm hình Bác Hồ quá. Nhưng không xin ai được. Em chọn một tờ bạc có ảnh Bác đẹp nhất, cắt ra và lồng vào mặt trong tấm gương soi nhỏ, đi đâu em cũng mang theo bên mình.

Để đề phòng bọn địch bắt, khám xét, em Hợi đã lấy tấm hình Bác cuộn lại với những lớp giấy bọc rất kỹ, rồi bỏ trong một cái chai, gắn nút cẩn thận, đem chôn.

Cuối năm 1959, trong một cuộc càn quét, địch đã tàn sát cả gia đình em. Hợi bị địch bắn bị thương trong lúc làm nhiệm vụ. Trước khi chết, em nói chỗ cất giấy ảnh Bác Hồ với cô y tá và trời lại: *"Hãy giữ mãi Bác cho em"*.

Qua những năm đen tối nhất của cuộc cách mạng miền Nam, chính những người như má Năm, em Hợi... đã cho tôi một bài học vô cùng sâu sắc về tinh thần yêu nước và ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân. Nhờ đó mà chúng tôi vững lòng bám dân, bám đất, "một tấc không đi, một ly không rời" quyết giữ vững phong trào, không kể gì gian nguy. Chúng tôi bám sát chiến trường, đồng cam cộng khổ với nhân dân và chị em phụ nữ, gần gũi đồng viên anh em chiến sĩ quyết tâm chiến đấu đến cùng.

Trải qua thực tiễn chiến đấu chống kẻ thù, tôi càng thấm thía lời Bác Hồ dạy:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công".

Tôi càng thấy sâu sắc rằng: Phải có sức mạnh của cả khu rừng mới ngăn chặn được gió to, bão lớn. Càng nghĩ đến sự bao bọc, nuôi dưỡng của nhân dân, nghĩ đến công lao giáo dục, bồi dưỡng của cách mạng của Đảng, Bác Hồ và của bao nhiêu đồng chí, đồng bào, tôi

càng thấy gần bó hơn bao giờ hết với con đường tôi đã đi và nguyện đi trọn đời: đó là con đường hy sinh tất cả vì sự nghiệp cách mạng, vì lợi ích của quần chúng, con đường mà Bác Hồ đã dẫn dắt toàn dân ta tiến lên.

Năm 1968, tôi vô cùng cảm động nhận món quà quý của Bác. Chiếc lược làm bằng mảnh xác máy bay giặc Mỹ bị bắn rơi trên miền Bắc. Bác gửi lược cho cả hai cháu Châu và Quyên nữa. Chiếc lược đơn sơ mà sáng đẹp làm sao. Dòng chữ "*Không có gì quý hơn Độc lập Tự do*" tươi nét trên mặt kim loại trắng như nhắc nhở chúng tôi luôn luôn làm theo lời Bác.

Giờ đây, mỗi khi cầm lược chải tóc, tôi càng nghĩ đến Bác, nhớ những điều Bác dạy.

Cuối năm 1968, Bác lại gửi cho tôi chiếc huy hiệu có hình ảnh của Người. Vinh dự và cảm động biết bao khi đeo chiếc huy hiệu Bác lên ngực áo, bên trái tim mình. Tôi hiểu đây là phần thưởng cao quý của Bác dành cho phong trào phụ nữ miền Nam. Tôi hứa cố gắng không ngừng để xứng đáng với Bác, với đồng bào miền Nam yêu quý.

Đeo huy hiệu Bác Hồ trên ngực, tôi thấy như lúc nào cũng có Bác ở bên mình. Bác luôn luôn nhắc nhở, động viên tôi.

Nhớ hồi kháng chiến chín năm, tôi đã giữ chiếc huy hiệu Bác Hồ như giữ niềm tin sâu sắc. Những lúc không đeo lên ngực thì tôi gói chiếc huy hiệu vào một

mảnh lụa và cất kỹ trong người, đi đâu tôi cũng mang theo. Chính chiếc huy hiệu ấy đã giúp tôi làm tốt công tác vận động quần chúng. Mỗi khi đến nơi nào là tôi đưa chiếc huy hiệu ấy cho mọi người xem để thuyết phục và cổ vũ họ làm những việc ích nước lợi dân, làm theo lời dạy của Bác Hồ. Chiếc huy hiệu được bà con chuyền tay nhau một cách trân trọng. Bà con càng thêm tin vào Đảng, vào Bác Hồ, vào thắng lợi của cuộc kháng chiến...

Tuy ở xa Bác, bao giờ tôi cũng cảm thấy rất gần Người. Những năm chống Mỹ, tôi có tấm hình Bác bọc giấy bóng cẩn thận, luôn luôn để trước mặt, nơi tôi làm việc. Những lần đi công tác, tôi không quên mang ảnh Bác theo bên mình.

Gần bốn mươi năm hoạt động cách mạng, từ năm 16 tuổi, tóc hấy còn xanh, đến nay tóc đã hai màu, trải qua nhiều đắng cay, khi bị bắt bớ tù đầy, lúc gặp phong ba bão táp, tôi vẫn kiên trì vững bước tiến lên đi theo con đường của Bác Hồ kính yêu.

Đinh Chương viết

*(Trích từ sách: "Nước non bừng sáng",
Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1975)*





*Các cháu thiếu nhi Thái Bình tặng Bác củ sắn
khi Bác về thăm tỉnh ngày 26-10-1958*

NHỮNG KỶ NIỆM SÂU SẮC NHẤT

Hoàng Thị Mỹ kể

Năm 1965, bắt đầu thời kỳ chiến tranh phá hoại của Giôn-xơn, tôi về công tác ở Vĩnh Linh, làm trưởng ban kiểm tra của Đảng trong khu vực, đi dự hội nghị tổng kết công tác kiểm tra toàn quốc.

Lần này, đến thăm hội nghị, Bác mặc một bộ ka ki giản dị. Trông người vẫn khoẻ khoắn, nhanh nhẹn, tôi rất mừng. Bác huấn thị cho chúng tôi nhiều điều hết sức quý báu về công tác kiểm tra, về đạo đức, phẩm chất của người cộng sản. Bác dặn đi dặn lại, đại ý: Công tác kiểm tra có quan hệ đến sinh mệnh của từng người đảng viên. Làm công tác kiểm tra tốt thì có lợi cho Đảng, có lợi cho mỗi đồng chí của ta. Bác nhắc nhở các đại biểu nữ càng phải đi sâu kiểm tra, bảo đảm quyền lợi cho đảng viên phụ nữ. Chúng tôi ghi tạc những lời Bác dạy. Làm công tác kiểm tra không được thành kiến, phải có lượng khoan hồng, đồng thời cần cứng rắn về nguyên tắc. Những lời dạy của Bác thật là quý báu cho chúng tôi và cho đất Vĩnh Linh nóng bỏng lửa đạn quân thù. Ngay từ đầu Bác đã hết sức quan tâm đến mảnh đất đầu sóng ngọn gió này, Bác rất chú ý đến các cháu thiêu nhi và chị em phụ nữ Vĩnh Linh, Bác dặn: Trong cuộc chiến đấu ác liệt này, các cháu Vĩnh Linh là những hạt giống quý, những mầm non xanh tươi, phải được giữ gìn sao cho

mầm non đó cứ tươi tốt lên, dù trong hoàn cảnh khó khăn như thế nào. Bác chỉ thị: Phải sơ tán hết các cháu, không được để cháu nào bị địch giết hại ở Vĩnh Linh. Ngày tết sắp đến, Bác nhắc các tỉnh phải gói bánh trưng gửi cho các cháu. Riêng Bác, Bác hay gửi bánh kẹo cho các cháu Vĩnh Linh. Cho đến giờ, các cháu vẫn nhớ và nhắc đến “Quà Bác Hồ”. Thịnh thoảng bác lại hỏi thăm đồng bào và phụ nữ Vĩnh Linh có khoẻ mạnh không, sản xuất chiến đấu và học tập ra sao?

Năm 1968, địch buộc phải ngừng bắn, Bác chỉ thị ngay phải tiếp tế khẩn trương cho Vĩnh Linh, chủ yếu là đường, vải, thuốc... coi đây là một công tác rất quan trọng. Hồi đó, tôi làm nhiệm vụ Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Vĩnh Linh, được phụ trách phân phối hàng về các xã. Tôi đã chấp hành nghiêm chỉnh lời Bác dạy. Việc phân phối được bảo đảm công bằng, hợp lý... Chú ý các cháu mồ côi, các cụ già, bà mẹ các thương binh, bệnh binh...

Nhận được quà Bác gửi cho, đồng bào Vĩnh Linh vô cùng hồ hởi bảo nhau: chúng ta phải làm gì để tỏ lòng biết ơn Bác.

Riêng tôi, lời dạy của Bác luôn là nguồn khuyến khích, động viên lớn nhất. Nhớ lại những lời dạy bảo của Bác về phẩm chất của người đảng viên, người cán bộ phải hết lòng vì nhân dân phục vụ, lại nghĩ tới tình thương yêu của Bác đối với nhân dân Vĩnh Linh như

biển cả, tôi thấy mình có thêm sức mạnh, cùng với anh chị em dân quân, du kích làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

(Trích từ sách: "Bác Hồ sống mãi với chúng ta", t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)



NHỮNG NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÂN DÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VỀ THĂM BÁC

Hồng Phúc kể

Năm 1965, sau những thắng lợi vang dội đánh tan bước đầu kế hoạch "tìm diệt" của Giôn-xơn, miền Nam mở Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua lần thứ nhất. Sau đó, Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam cử một đoàn đại biểu gồm các anh hùng, chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng ra thăm miền Bắc. Đoàn gồm có năm người, đó là Tạ Thị Kiều, người con gái anh hùng của đất Bến Tre đồng khởi; Lê Chí Nguyên, Huỳnh Văn Đáng tiêu biểu cho lớp trẻ miền Nam đánh đấu thắng đó; Trần Dương, người con của Quảng Nam đã "thần thông biến hoá" làm cho kẻ địch nhiều phen kinh hồn bạt vía; A Vai, người con của dân tộc Pacô đã nhen lên ngọn lửa chiến đấu ở miền Tây Thừa Thiên.

Mang theo tình cảm thiết tha của bản thân và của đồng đội, các đồng chí mong được gặp Bác. Ý nguyện đó ngay từ những ngày đầu ra miền Bắc đã được thực hiện.

Hôm đồng chí Hồ Thị Bi (cán bộ Tổng cục Chính trị được phân công chăm lo sức khỏe, sinh hoạt của Đoàn) báo tin chiều sẽ được vào thăm Bác thì cả đoàn nhảy lên vui mừng. Ai cũng như trẻ lại, bé nhỏ lại. Cả năm người như năm cánh chim liú lo. Tạ Thị Kiều nắm tay đồng chí Hồ Thị Bi, hồi hộp hỏi:

- Chị ơi, chị đã được gặp Bác, chị nói đi, chúng em sẽ kể những gì để Bác nghe.

- Chị ơi! Bác thường hỏi những gì trước? - Trần Dưỡng hỏi.

Chiều hôm đó 16 giờ kém 10 phút, xe đưa đoàn vào đến Phủ Chủ tịch. Mọi người vừa bước xuống khỏi xe thì thấy Bác cùng Phó Thủ tướng Phạm Hùng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp từ một phòng nhỏ gần đó bước ra. Nhìn thấy Bác cả năm người đều reo lên.

- Bác, Bác!

Rồi không ai bảo ai, mọi người đều chạy đến bên Bác. Các đồng chí Huỳnh Văn Đảnh, Trần Dưỡng nhanh chân vượt lên trước, sức nhớ ra Mười Lý và A Vai là đại biểu phụ nữ và dân tộc ít người còn chạy sau, liền chạy chậm lại nhường Mười Lý và Vai đến gần Bác trước.

Mười Lý và Vai đều rung rung nước mắt. Mỗi

người một bên, hai đồng chí ôm chặt lấy Bác. Giọng chị Mười Lý ngập ngừng:

- Bác ơi! Chúng cháu nhớ Bác quá. Đồng bào miền Nam nhớ Bác quá!

Cả năm đồng chí đều không ngăn được nước mắt vì sung sướng.

Mắt Bác cũng ngấn lệ. Bác âu yếm nhìn những người con ưu tú của miền Nam thành đồng Tổ quốc và nói với một giọng ấm áp:

- Bác mong các cháu lắm, Bác nhớ đồng bào miền Nam lắm! Kìa, sao các cháu lại khóc? Bác cháu ta gặp nhau thì vui chứ!

Các anh hùng, chiến sĩ miền Nam nghe lời nói đầy yêu thương của Bác thì càng nức nở hơn. Sau đó Bác bảo:

- Bác cháu ta đi dạo chơi một lúc.

Bác đi giữa. Vai bắm bên trái, Mười Lý bắm bên phải Bác, cả đoàn ai cũng muốn đi bên Bác. Thấy đồng chí nhiếp ảnh có ý muốn chụp ảnh, Bác tươi cười:

- Các cháu đi thành một hàng để chụp ảnh.

Mọi người nghe lời Bác dàn thành hàng ngang. Bác nhìn mọi người một lượt thấy đồng chí Hồ Thị Bi lùi lại phía sau, Bác gọi:

- Cô Bi, sao chậm thế, nhanh lên chứ!

Mọi người cùng cười vui vẻ. Bức ảnh hôm ấy đã ghi lại những phút giây rất đẹp về tình cảm của Bác với các cháu con miền Nam...

Vừa dạo chơi vừa trò chuyện, Bác đưa đoàn đến một chỗ thoáng đẹp, ở đó có bày sẵn bàn ghế, trên bàn có hoa hồng, kẹo, táo và chuối, Bác bảo:

- Bây giờ Bác cháu ta ngồi đây chơi. - Bác chỉ chiếc ghế bên phải bảo - Cháu Mười Lý ngồi đây!

Bác ngồi vào chiếc ghế ở đầu bàn:

- Các cháu ăn kẹo, uống nước.

Bác quay sang đồng chí Mười Lý:

- Cháu có khoẻ không?

- Thưa Bác, được gặp Bác cháu mừng quá nên người khoẻ thêm ra...

- Mỗi bữa ăn được mấy chén?

- Dạ, thưa Bác, bình thường mỗi bữa cháu ăn được hai chén. Có hôm mệt, cháu ăn được một chén.

Bác cười:

- Cháu ăn ít thế thôi sao? Cháu phải ăn khoẻ để đánh thắng giặc Mỹ chứ!

Bác chỉ đồng chí Hồ Thị Bi ngồi bên:

- Cô Bi phải trông nom các cô, các chú ấy ăn, ngủ cho tốt, đừng để các cô, các chú ấy ốm nhé.

Chị Hồ Thị Bi đứng dậy:

- Thưa Bác, vâng ạ!

Bác lại hỏi đồng chí Mười Lý:

- Chị Út Tịch có khoẻ không?

- Dạ, chị Út vẫn khoẻ. Cháu xin thưa với Bác, chị

Ba Định, chị Út Tịch¹ và tất cả các cô, bác, anh, chị trong Mặt trận và bộ đội giải phóng cùng đồng bào quê hương kính chúc Bác mạnh khỏe sống lâu.

Bác vui vẻ hỏi:

- Cháu xem Bác có khỏe không?

Đồng chí Mười Lý ngược lên nhìn Bác:

- Dạ, được gặp Bác, thấy Bác hồng hào, mạnh khỏe, cháu mừng quá. Ở trong Nam, bà con nghe đài Hà Nội, chỉ mong hoài được nghe tiếng Bác nói, nhất là vào đêm giao thừa để theo dõi sức khỏe của Bác, chỉ mong Bác mạnh khỏe, sống lâu.

Bác cười:

- Mỗi năm thêm một tuổi, Bác cháu ta càng lớn, càng mạnh. Các cô, các chú càng đánh thắng giặc Mỹ, Bác càng mạnh khỏe sống lâu.

Bác quay sang phía trái chỉ đồng chí Vai:

- Cháu người dân tộc Pacô phải không?

Đồng chí Vai đứng dậy. Bác bảo Vai ngồi xuống. Đồng chí Vai nói tiếng Kinh khá thạo:

- Báo cáo với Bác! Cháu đúng người dân tộc Pacô, thuộc dòng Tà Ôi.

- Đời sống của gia đình và quê cháu bây giờ thế nào?

- Dạ, thưa Bác, trước ngày giải phóng, nhân dân rất cực. Từ 1963 đến nay, quê cháu được giải phóng,

¹ Năm 1965, nữ anh hùng Út Tịch chưa hy sinh.

đời sống của bà con và gia đình cháu đã khác hẳn. Ai cũng có cơm ăn, áo mặc, không còn phải ăn củ rừng và đóng khổ bằng vỏ cây như xưa nữa. Ngày giải phóng, dân làng họp mít tinh, đưa ảnh Bác đã cất giấu từ lâu ra rước, ai cũng sướng cái bụng. Đồng bào bảo nhau phải đoàn kết chặt chẽ, giết hết giặc Mỹ, giải phóng miền Nam để có ngày được đón Bác vô thăm.

Bác rất cảm động nói:

- Ngày thống nhất Bác vô Nam, thế nào cũng về thăm quê hương cháu Vai.

Bác chăm chú nghe đồng chí Vai kể tiếp và Bác hỏi:

- Đồng bào dân tộc ở quê cháu có nói được tiếng Kinh như cháu không?

- Dạ, từ ngày có cán bộ về, đồng bào đã có chữ phổ thông, lại có cả chữ dân tộc và nhiều người đã nói được tiếng Kinh.

- Thế cháu có giỏi chữ dân tộc không?

- Dạ, cháu thạo lắm. Chữ dân tộc ít dấu, dễ đọc, dễ viết lắm.

- Như thế rất tốt!

Bác vui vẻ nhìn sang đồng chí Huỳnh Văn Đảnh.

- Cháu Đảnh quê ở tỉnh nào?

- Thừa Bác, quê cháu ở tỉnh Long An.

- À, Bác nhớ ra rồi, Bác nghe nói bà con xã cháu đoàn kết tốt lắm, đánh du kích và sản xuất giỏi lắm.

Bác nhìn tất cả mọi người:

- Quê nhà các cháu đánh giặc đều giỏi. Miền Nam ta rất anh hùng.

Bác lại hỏi đồng chí Đánh:

- Cháu bị thương trong trận nào?

- Dạ, thưa Bác, cháu bị thương trong một trận đánh biệt kích ở Bình Lãng.

- Vết thương cháu đã lành hẳn chưa?

- Thưa Bác, nay vết thương cháu đã lành hẳn rồi.

Bác Hồ hỏi thêm đồng chí Đánh về đời sống của đồng bào và bộ đội, về vấn đề ruộng đất và cách làm ăn của bà con trong xã. Nghe nói đồng bào đã lập tổ đổi công giúp nhau sản xuất, gia đình nghèo nhất trong xã như gia đình đồng chí Đánh nay đã đủ ăn, không mắc nợ ai, Bác rất vui. Đồng chí Đánh kể tiếp để Bác nghe, đồng bào ở quê anh có khẩu hiệu "Ra sức sản xuất nửa cho cách mạng, nửa cho gia đình", nhiều bà con làm một mùa được 70 gia lúa (mỗi gia 22 kilôgam) đã tình nguyện ủng hộ 35 gia vào quỹ đảm phụ giải phóng và bà con nói "ủng hộ cho bộ đội ăn no, đánh thắng, sớm giải phóng miền Nam, đặng rước Bác Hồ vô thăm". Bác khen tinh thần ủng hộ cách mạng của bà con. Bác hỏi đồng chí Dưỡng:

- Gia đình cháu bây giờ còn những ai?

Mất đồng chí Dưỡng vẫn nhìn Bác không chớp. Giọng nói của anh nhỏ lại vì xúc động:

- Thưa Bác, cha cháu bị Mỹ-Diệm giết hại dã man ở

đập Vĩnh Trinh. Mẹ và em cháu cũng bị giết vì quân giặc từ ngày cháu còn nhỏ. Nhà cháu chỉ còn mình cháu.

Một nét xúc động mạnh hiện lên trên khuôn mặt Bác. Bác cố bình thần trù mẫn nhìn Dưỡng và chỉ tay vào tất cả mọi người chung quanh, nói với Trần Dưỡng:

- Bây giờ không phải cháu chỉ có một mình. Đây là anh em của cháu, là gia đình của cháu.

Đồng chí Dưỡng cảm động nhìn Bác mãi mà không nói được gì.

Bác hỏi đồng chí Nguyễn:

- Các cháu đánh giặc giỏi, nhưng có sản xuất được nhiều không? Đạo này bộ đội ăn có được no không?

- Thưa Bác, bộ đội chúng cháu được đồng bào ủng hộ ăn uống no đủ. Chúng cháu vừa đánh giặc, vừa tăng gia tự túc được ít nhiều.

- Các cháu mặc có đủ ấm không?

- Thưa Bác, chúng cháu được mặc đủ, được phát cả áo ấm nữa.

- Đồng bào ở vùng giải phóng có được no ấm không?

- Thưa Bác, cháu thấy đời sống của đồng bào ở vùng giải phóng đã khá hơn trước nhiều. Bà con được ăn no, mặc ấm.

Bác gật đầu tỏ ý vui mừng rồi bảo đồng chí Mười Lý:

- Bây giờ cháu kể chuyện cho Bác nghe.

Mười Lý vẫn ngồi bên Bác từ nãy đến giờ, nghe Bác hỏi, chị liền thưa:

- Dạ, thưa Bác, được gặp Bác, cháu mừng quá. Có bao nhiêu chuyện định thưa với Bác, cháu quên hết...

Bác hỏi Mười Lý về chị em phụ nữ đấu tranh chính trị và đấu tranh du kích. Bác đặc biệt thăm hỏi các cháu thiếu nhi. Mười Lý dần mạnh dạn kể được nhiều chuyện. Bác rất vui khi nghe chuyện các em thiếu nhi dũng cảm cùng với các cô bác đánh giặc, lập được thành tích vẻ vang. Bác nói: "Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam ta chống giặc Mỹ xâm lược là toàn dân, toàn diện, trẻ, già, trai, gái đều đánh giặc giỏi, sản xuất giỏi. Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều giỏi".

Mọi người rất cảm động khi Bác hỏi thăm các gia đình có người bị địch khủng bố. Bác nói: "Giặc Mỹ và tay sai rất hung ác, song nhân dân ta rất anh hùng, thắng lợi cuối cùng nhất định sẽ về ta".

Những tình cảm của Bác dành cho những người con ưu tú của Quân giải phóng miền Nam là những tình cảm bao la của người cha, người ông đối với cháu con. Sau đó, trong suốt thời gian đoàn ở thăm miền Bắc, lúc nào rảnh, Bác lại cho phép đoàn vào thăm Bác, lần nào Bác cũng hỏi các anh hùng có mặc đủ ấm không. Thấy đồng chí nào mặc không đủ ấm Bác tỏ ý không vừa lòng. Có lần Bác hỏi tại sao đồng chí Trần Dương lại gầy thế? Khi biết Dương vốn vẫn gầy do tạng người, chứ hiện tại anh ăn ngủ tốt, Bác mới yên tâm. Một hôm Bác hay tin đồng chí Huỳnh Văn Đánh bị ốm, Bác liền hỏi lý do vì sao? Khi biết bị

sốt rét, Bác căn dặn các đồng chí bên Tổng cục Chính trị phải hết sức chăm sóc. Bác dặn:

- Phải làm các món ăn địa phương thì các cháu miền Nam mới ăn được nhiều, sức khoẻ mới tốt.

Các anh hùng chiến sĩ thi đua miền Nam về thăm Bác luôn luôn xúc động và cảm thấy mình được lớn lên trong tình thương yêu của Bác. Anh hùng Tạ Thị Kiều đã từng nói:

- Càng được gần Bác, càng hiểu tình thương yêu cán bộ chiến sĩ và đồng bào miền Nam của Bác là vô cùng.

*(Có tham khảo tài liệu của Thông tấn xã giải phóng, Báo Nhân dân, Quân đội nhân dân và lời kể của **Trung tá Hồ Thị Bi**, Trích từ sách: "Miền Nam trong lòng Bác", Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1975)*



HẠNH PHÚC LỚN

Tạ Thị Kiều kể

Chiều mùng 2-12-1965, Bác cho tôi cùng đi với Bác và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm Đại hội những người xuất sắc trong phong trào "Ba đảm đang" của phụ nữ thủ đô Hà Nội.

* Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Bác đến! Bác đến! - Tiếng hoan hô và tiếng vỗ tay vang lên như sấm.

Tôi theo chân Bác lên phía đoàn chủ tịch của Đại hội. Bác vui vẻ nói với các đại biểu:

- Hôm nay, Bác dẫn cô bé này đến thăm đại hội. Các cô có biết cô bé này là ai không?

Tiếng reo hò mừng rỡ được gặp Bác vẫn vang dậy. Mọi người chưa kịp trả lời thì Bác đã giới thiệu tóm tắt về thành tích của tôi.

Những lời nói thân mật của Bác làm cho tôi vừa cười vừa ứa nước mắt.

Bác tiếp tục nói chuyện với đại hội. Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ. Bác khen phụ nữ thủ đô đã đạt được những kết quả tốt trên các mặt sản xuất, công tác, phục vụ chiến đấu trong phong trào thi đua "*Ba đảm đang*".

Bác thân mật tự tay trao huy hiệu của Người cho bảy chị em có nhiều thành tích xuất sắc, và hỏi các đại biểu:

- Có cô nào muốn Bác thưởng huy hiệu nữa không?

Tất cả đều giơ tay lên và phấn khởi đáp vang:

- Thưa Bác, có ạ!

Bác cười và bảo:

- Bác sẵn sàng thưởng huy hiệu cho các cô, nhưng các cô phải làm tốt hơn nữa phong trào "*Ba đảm đang*".

Bác kể cho đại hội nghe những gương chị em phụ nữ hoạt động đầy hy sinh, gian khổ trong thời kỳ bí mật

và một vài nét về thành tích rực rỡ của phụ nữ miền Nam đánh thắng giặc Mỹ và xây dựng Khu Giải phóng.

Xong, Bác dịu dàng hỏi đại hội:

- Phụ nữ miền Nam rất anh dũng, rất đảm đang, vậy phụ nữ miền Bắc có sẵn sàng thi đua với phụ nữ miền Nam không?

Cả hội trường vang dậy lời đáp sôi nổi đầy khí thế:

- Thừa Bác, có ạ!

Lời phát biểu của Bác:

- ...Dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, thanh niên Việt Nam là thanh niên anh hùng, phụ nữ Việt Nam là phụ nữ anh hùng. Hai nghìn năm trước đây, ta có các nữ anh hùng: Hai Bà Trưng, Bà Triệu. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong kháng chiến chống Pháp trước kia và trong kháng chiến chống Mỹ ngày nay, ta cũng có nhiều anh hùng là phụ nữ. Trên thế giới chưa có nơi đâu phụ nữ làm Phó Tổng tư lệnh như ở miền Nam nước ta. Thi đua với phụ nữ miền Nam là đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh. Khó khăn đến mấy chúng ta cũng vượt qua được và nhất định chúng ta đánh thắng giặc Mỹ xâm lược...

Chúng tôi ghi lòng tạc dạ những lời dạy bảo quý báu, sâu sắc của Bác.

Được gặp chị em phụ nữ Hà Nội, lòng tôi vui mừng quá đỗi. Sau bao nhiêu năm chiến đấu gian khổ và chiến thắng vẻ vang, chúng ta mới được sum họp

như hôm nay. Ở giữa lòng thủ đô, tôi nghĩ đến một ngày đẹp nhất, Bác sẽ vào thăm Đại hội của chị em phụ nữ Sài Gòn trong niềm vui chiến thắng.

Phụ nữ Sài Gòn, phụ nữ miền Nam và toàn thể đồng bào miền Nam chúng tôi quyết cùng chị em Hà Nội, chị em miền Bắc và toàn thể nhân dân ta, dân tộc ta, tiêu diệt đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà để chúng ta lại gặp nhau giữa thành phố mang tên Bác Hồ vĩ đại, cùng nhau đi thăm quê hương Thành đồng Tổ quốc.

Ngọc Bích ghi

(Trích từ sách: "Nước non bừng sáng", Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1975)



TÌNH THƯƠNG CỦA BÁC

Đào Duy Hi kể

Hà Tĩnh - vùng "cán xoong" của khu 4 cũ - những ngày tháng 3 năm 1966, chia lửa với miền Nam, phải chịu đựng bao ác liệt đánh phá của không lực Hoa Kỳ.

Đã man nhất, chúng rải thảm bom B52 vào các làng mạc hiền hoà, bệnh viện, chùa chiền, nhà thờ và trường học... Trường cấp 2 Hương Phúc thuộc huyện Hương Sơn là mục tiêu đánh phá của chúng.

Vào một ngày trung tuần tháng 3-1966, hàng đàn

qua Mỹ lồng lộn ném bom “toạ độ” vào trường. Buổi sáng, chỉ mỗi lớp 6A, vừa vào tiết học văn, 45 học sinh chỉ một em sống sót. Hôm ấy, em Nguyễn Thị Mão vì có việc nhà xin phép đến muộn, nên em thoát khỏi bị bị vùi lấp dưới hố bom của bầy quỷ dữ.

Bác Hồ được tin đau thương này, đã cho mời Bộ trưởng Giáo dục Nguyễn Văn Huyền lên cho Bác biết tình hình cụ thể giặc Mỹ leo thang hủy diệt các trường học.

Đoàn chúng tôi gồm: Em Nguyễn Thị Mão, học sinh lớp 6; thầy giáo chủ nhiệm Thái Văn Nhậm, cô Trương Thị Vị, đại diện gia đình học sinh, và thầy Trưởng ty giáo dục Lê Sĩ Nghĩa, cấp tốc về Hà Nội để gặp Bác theo lệnh của Bộ.

Bác bận trăm ngàn việc lớn của đất nước, mà không quên một lớp học nhỏ đau thương - nơi thâm sơn xa vùi - trong trăm ngàn trường lớp khác. Chúng tôi theo Bộ trưởng vào Ba Đình báo cáo với Bác sự việc tàn bạo của giặc Mỹ ở Hương Sơn vừa xảy ra. Lúc chúng tôi đến, Bác chờ sẵn ở sảnh đường phòng khách Phủ Chủ tịch. Thầy trò chúng tôi có ngờ đâu Người lại trân trọng và chu đáo với anh chị em chúng tôi như vậy!

Bác thân mật hỏi thăm từng người. Tôi thay mặt đoàn thưa cùng Bác giặc Mỹ đã trút bom hủy diệt toàn bộ ngôi trường. Hôm ấy, may là các lớp khác học buổi chiều. Lớp sáu chỉ có mỗi một em sống sót là em

Mão. Bác bảo Mão đến ngồi kê Bác. Bác nhẹ nhàng vuốt tóc cháu gái bé bỏng, như ông ngoại vỗ về an ủi cháu. Mấy lần câu chuyện tôi phải dừng lại vì Bác rút khăn tay lau mắt.

Đến lượt cô Trương Thị Vị, người thân của học sinh bị nạn, đứng lên:

- Thừa Bác, cháu đại diện cho phụ huynh học sinh, em ruột cháu bị lấp vùi trong căn hầm, ngạt thở chết. Cha già không đi được, cháu đi thay.

Bùi ngồi im lặng một lúc, Bác hỏi:

- Chác có biết phụ huynh là gì không?

- Thừa Bác, phụ huynh là cha mẹ ạ!

Bác ôn tồn giảng giải thêm:

- Phụ huynh là cha anh. Ngày xưa phong kiến trọng nam khinh nữ, nên chỉ nói đến cha và anh, xem nhẹ vai trò của mẹ. Hôm nay, Bác dặn chú Huyền là ta có từ cha mẹ thì cứ gì phải dùng phụ huynh. Còn học sinh thì ta dùng học trò cũng được. Từ nào ta thiếu thì hãy mượn.

Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền đỡ lời thừa Bác:

- Chúng cháu đã bắt đầu dùng “Hội cha mẹ học sinh”. Còn phụ huynh học sinh thì dùng cha mẹ học trò, hoặc gia đình học trò... ạ!

Sau khi nói về gia đình và nhắc nhở mọi người về việc nhà trường phải kết hợp với gia đình trong giáo dục, chăm sóc các cháu, Bác quay sang hỏi cháu Mão:

- Cháu đã làm được những việc gì giúp cha mẹ và gia đình?

- Thưa Bác, cháu gánh nước, gánh lúa, cấy hái được ạ.

- Cháu gánh được bao nhiêu cân?

- Dạ thưa, được ba mươi ạ!

- Cháu gặt hái, cấy được là giỏi. Bác khen cháu vừa học vừa giúp gia đình. Nhưng tuổi nhỏ làm việc nhỏ, cháu đừng gánh nặng quá. Mười một tuổi như cháu gánh nặng ba mươi cân là không nên!

Bác lại hỏi đồng chí Nghĩa, Trưởng ty giáo dục:

- Hà Tĩnh của chú được bao nhiêu thầy cô, học trò giỏi?

Anh Nghĩa không chuẩn bị, hơi lúng túng. Bác nhìn sang đồng chí Bộ trưởng. Bộ trưởng cũng chưa được báo cáo, nhưng nhanh trí lấy chân khều nhẹ vào chân tôi - có ý nhờ tôi trả lời hộ vì gần đây tôi được Văn phòng Bác chuyển đến sáu Giấy khen, Huy hiệu Hồ Chủ tịch và sáu phần quà tặng giáo dục Hà Tĩnh, nên tôi mạnh dạn thưa:

- Thưa Bác, Hà Tĩnh có hai giáo viên và bốn học trò được tuyên dương và thưởng Huy hiệu Bác.

- Hà Tĩnh có 82 vạn dân mà chỉ có chừng ấy thầy cô dạy giỏi, học trò giỏi là quá ít. Bác nhắc các cô chú về phải nhân rộng ra toàn ngành, thi đua với Bắc Lý dạy tốt, học tốt nhiều hơn nữa.

Rồi Bác dặn dò phải có kế hoạch đào hầm, che chắn và phân tán các trường đại học về nông thôn bảo đảm an toàn cho thầy trò.

Chúng tôi quấy luyến không muốn chia tay Bác. Bác chia quà cho từng người một và bảo gói đem về. Duy chỉ có Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền không dám nhận. Bác nhắc phần chú Huyền sao để lại.

- Thừa Bác, cháu không còn con nhỏ, chúng ra ở riêng cả rồi.

- Thì chú mang về cho thím vậy!

Cả buổi họp giờ mới dám cười, và chúng tôi đã biến đau thương thành hành động, thi đua với Bắc Lý “dạy tốt, học tốt”.

(Theo Báo Nhân dân, 16-5-1997)



MỘT CHUYẾN THĂM, BA BÀI HỌC

Vũ Trọng Tâm kể

Sau hơn một tuần diễn ra trận chiến bảo vệ kho xăng Đức Giang, ngày 29 tháng 6 năm 1966, Bác Hồ đến thăm một đại đội thuộc đoàn thông tin Sông Điện, bộ đội phòng không đóng ở chùa Trầm (Hoài Đức). Cuộc đi thăm không báo trước. Khi chiếc xe con dừng lại ở lưng chừng dốc, một chiến sĩ nhận ra Bác reo to

lên. Bác giờ tay ra hiệu không được làm ồn ào rồi bảo chiến sĩ đó đưa Bác vào đơn vị.

Với đôi dép cao su giản dị, Bác đi rất nhanh lên sườn đồi, bộ quần áo bà ba nâu bay trong gió. Sau khi dừng lại xem câu lạc bộ, Bác nhanh nhẹn đi xuống nhà bếp. Thấy đồng chí Hào tổ trưởng anh nuôi đang bê một nồi cơm to từ trên bếp lò xuống, Bác vui vẻ hỏi:

- Mỗi bữa chú ăn được mấy bát?

- Thừa Bác, cháu ăn được ba bát ạ.

- Chú ăn được như vậy là tốt - Nói xong, Bác mở hộp thuốc lá lấy ra một điếu đưa cho Hào.

- Bác biểu chú, chú hút đi.

Rồi Bác lấy một điếu khác ra để hút. Thấy Bác có ý tìm đóm để châm lửa, Hào vội rút bao diêm trong túi ra định bật diêm cho Bác, Bác liền ngăn lại:

- Chú để dành diêm mà nhóm bếp. Cả bếp lò đang hồng thế kia tha hồ cho Bác cháu ta châm thuốc.

Chỉ một que diêm mà Bác đã cho chúng tôi bài học sâu sắc về tinh thần tiết kiệm.

Ở bếp bước ra, Bác hỏi cán bộ đại đội:

- Các chú có trồng rau không?

- Thừa Bác, chúng cháu chỉ trồng được rau muống dưới chân núi thôi ạ. Còn trên sườn đồi này nhiều sỏi, trồng không lên.

Bác kể lại kinh nghiệm hồi ở chiến khu và bảo:

- Các chú xúc hết đá đi, xới đất, xuống ao bốc bùn

đổ lên, rau sẽ xanh tốt. Có trồng có ăn, đỡ phần cung cấp của nhân dân.

Từ đó, trên vách đá men theo con đường trong đơn vị, các vườn rau đua nhau mọc lên xanh tốt. Đơn vị không chỉ tự túc rau ăn mà còn bán cho đơn vị bạn và nhân dân nữa.

(Trích từ sách: "Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân", Nxb QĐND, H.1984)

BÁC HỒ TRÊN MẶT TRẬN ĐỐI NGOẠI

Hồng Hà kể

Cuối tháng 5-1968, anh Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, đáp máy bay sang Pari dự cuộc đàm phán với Mỹ. Tôi được cử đi theo anh để làm việc trong đoàn đàm phán của Bộ trưởng Xuân Thuỷ đã tới Pari trước đó ít ngày. Lúc này, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những mâu thuẫn và bất đồng lớn. Máy bay chúng tôi hạ cánh xuống Bắc Kinh đang sôi sục không khí cách mạng văn hoá. Đêm đó, không ngủ được, anh Lê Đức Thọ ngồi nói chuyện công tác với chúng tôi, kể lại những lời Bác Hồ căn dặn, đại ý: Các chú đi đàm phán với Mỹ lần này thuận lợi hơn lúc Bác đi đàm phán với Pháp năm 1946, nhưng cũng sẽ rất khó khăn, phức tạp. Khác với Hội nghị Giơnevơ

1954 về Đông Dương, Hội nghị Pari về Việt Nam là cuộc đàm phán trực tiếp giữa Việt Nam và Mỹ, không có nước thứ ba can dự. Ta hoàn toàn độc lập, tự chủ trong đàm phán, nhưng phải tích cực tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bầu bạn trên khắp thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Phải khôn khéo và kiên trì.

Chúng tôi đến Pari, về ngay trụ sở đoàn đàm phán ta ở thị trấn Soadi Lơ Roa, ngoại ô phía nam Pari. Hiệp đầu đầu tiên giữa ta và phía Mỹ tập trung vào một nội dung là xác định việc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn, không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngoài các cuộc họp công khai hằng tuần, hai bên có hơn 20 cuộc họp bí mật, nhưng không đạt được thoả thuận do lập trường của hai bên còn khác xa nhau. Giữa tháng 10-1968, anh Lê Đức Thọ đáp máy bay cấp tốc về Việt Nam báo cáo, xin ý kiến Bác Hồ và Bộ Chính trị về cách tháo gỡ khó khăn trên bàn đàm phán. Sau khi nghe anh Lê Đức Thọ trình bày, hiểu rõ hơn tình hình, Bác và Bộ Chính trị đã có một quyết định sáng suốt cởi nút cho khúc tắc của đàm phán.

Ngày 1-11-1968, Mỹ tuyên bố chấm dứt ném bom miền Bắc. Bác Hồ gửi lời khen đoàn đàm phán ta. Anh Vũ Kỳ viết thư cho anh Xuân Thuỷ báo tin Bác vui, khỏe ra.

Cuộc họp bốn bên ở Pari diễn ra sau những cuộc tranh luận gay go giữa ta và Mỹ. Mỹ chỉ muốn nói

chuyện trên thế trọi. Tháng 5-1969, Bác Hồ và Bộ Chính trị mời anh Xuân Thuỷ về Hà Nội báo cáo công tác. Anh Trịnh Ngọc Thái, thư ký của anh Xuân Thuỷ, cùng tôi đi theo anh rời Pari về nước.

Tại những cuộc họp của Bộ Chính trị có Bác dự, anh Xuân Thuỷ báo cáo công tác của đoàn đàm phán. Bác và Bộ Chính trị chỉ thị: "Tiến công ngoại giao là một mặt tiến công quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lúc này. Nó có nhiệm vụ phát huy thế thắng và thế chủ động của ta, tiến công một kẻ địch đang thất bại, bị động về mọi mặt và phải xuống thang; phát huy thắng lợi quân sự và chính trị trên chiến trường quốc tế; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ lớn nhất của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ; triệt để lợi dụng những mâu thuẫn và bế tắc của địch, làm cho tình hình hậu phương của Mỹ ngày càng bất lợi cho Mỹ, làm cho chúng ngày càng cô lập, lúng túng và bị động; nắm vững thời cơ, phối hợp với tiến công quân sự và tiến công chính trị, tiến công liên tục và sắc bén, kiên trì nguyên tắc, khéo vận dụng sách lược, vừa kiên quyết, vừa linh hoạt, buộc Mỹ phải rút quân và nhận một giải pháp chính trị đáp ứng yêu cầu cơ bản của ta".

Chúng tôi trở lại Pari. Anh Xuân Thuỷ phổ biến cho đoàn nội dung Chỉ thị của Bác Hồ và Bộ Chính trị. Ngày 2-9-1969, điện mật từ Hà Nội báo sang cho đoàn ta ở Pari: "Bác Hồ đã từ trần!" Cả đoàn bàng hoàng và nức nở trong tiếng khóc. Tại buổi lễ truy điệu Bác ở

trụ sở đoàn đàm phán, anh Xuân Thuỷ, trưởng đoàn, nói trong nước mắt: “Làm theo lời Bác, chúng ta quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc đàm phán với Mỹ, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”.

Đoàn đàm phán ta phải kiên trì bốn năm, tám tháng, 20 ngày nữa mới buộc được phía Mỹ chấp nhận một bản hiệp định cam kết rút hết quân Mỹ khỏi Việt Nam, bất chấp sự phản đối của ngụy quyền Sài Gòn. Chín giờ 35 phút ngày 23-1-1973, hai đoàn đàm phán Việt Nam, Mỹ ngồi họp thảo luận lần cuối bản Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam để chuẩn bị ký tắt.

Ngày hôm sau, chúng tôi đến thăm lại căn phòng Bác Hồ đã từng ở hồi đầu thế kỷ tại ngôi nhà số 9, ngõ Côngpoanh, Pari để tưởng nhớ công ơn của Bác. Chúng tôi tự hào nghĩ đến chặng đường gian truân nhưng rất vẻ vang với bao nhiêu lửa đạn và chiến công, bao nhiêu cuộc đàm phán và thắng lợi ngoại giao mà Bác và nhân dân ta đã đi qua. Cuộc chiến đấu mới đầy gian khổ vẫn còn đang ở phía trước. Đúng hai năm sau, nhân dân ta làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thực hiện được ước nguyện của Bác Hồ kính yêu.

(Trích từ sách: "Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999)

MỘT LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

Phạm Thanh Ngân kể*

...Khác với những lần trước tập thể anh em Không quân ta lên gặp Bác, lần ấy có một mình tôi được triệu tập lên nằm chờ ở trạm 66 trước đó hai ngày. Cho đến chiều ngày 19-7-1968, khi thấy ở trạm có toàn anh hùng, dũng sĩ miền Nam và đầy đủ đại biểu các quân, binh chủng cùng dân quân tự vệ... thì tôi mới được biết rằng mình được đại diện cho bộ đội Không quân đi trong Đoàn đại biểu anh hùng dũng sĩ của cả hai miền Nam - Bắc vào thăm Bác.

Niềm vui bất ngờ đến không chỉ riêng tôi mà chung cả đoàn. Đây là đoàn đại biểu đông đủ nhất, đại diện cho lực lượng vũ trang của cả nước được về gặp Bác từ trước tới nay. Trong đoàn có người từ mũi Cà Mau ra, có người từ khúc ruột miền Trung tới, có người từ biên giới Việt Bắc và ngoài hải đảo về. Có gái, có trai, có người già và em nhỏ, có dân quân, tự vệ và bộ đội chủ lực... Tôi rất sung sướng được có mặt trong đoàn đại biểu mang hình ảnh thu nhỏ của cả dân tộc này về gặp Bác Hồ. Và thật xúc động khi nhìn thấy các đồng chí trong đoàn đại biểu anh hùng chiến sĩ miền Nam đang đi chung với chúng tôi cùng vào thăm Bác.

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Cũng đến lúc này tôi mới biết: Bác vốn luôn thương nhớ miền Nam. Nỗi nhớ thương ấy gần đây càng da diết. Người cũng muốn lợi tuổi, vượt đèo để được một lần vào với đồng bào, chiến sĩ, với mảnh đất Thành đồng đang anh dũng hy sinh, đi đầu đánh Mỹ. Bởi thế, để vơi nỗi nhớ thương của Bác khi Người đã tuổi cao, sức yếu, Trung ương Cục và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã cử một đoàn đại biểu anh hùng, dũng sĩ ra thăm Bác, mang tấm lòng miền Nam ra với Người.

Đoàn được vào thăm Bác ngay khi vừa đến Hà Nội, vừa thấy Bác, tất cả đã nhòa nước mắt chạy đến ôm chầm lấy Người. Có bao nhiêu điều muốn thưa với Bác mà cổ đều nghẹn lại, chẳng ai nói lên lời. Còn Bác, Người cũng chưa bao giờ thương cảm, xúc động như lần này. Nhưng rồi sau những giây phút ấy, Người như trở lại...

Nhưng cuộc gặp ấy mới chỉ được một "nửa nước", một nửa nước đang bắt khuất, đau thương luôn "trong trái tim" Bác, tuy có dành nhiều tình thương cho những đứa con xa đang "phải đi trước về sau", chịu nhiều thiệt thòi, gian khổ, song "trái tim lớn" của Người bao giờ cũng là của cả "trăm dòng máu đỏ" Việt Nam. Vì thế, Ban Bí thư Trung ương Đảng mới tổ chức Đoàn đại biểu anh hùng, dũng sĩ mang hình ảnh của cả nước Việt Nam thống nhất này vào thăm Bác để Bác được vui hơn.

Tôi bước đi trên con đường rợp bóng cổ thụ, thơm

mát hoa vườn trong Phủ Chủ tịch cứ bồi hồi nghĩ về hàm ý sâu xa, đẹp đẽ ấy, về tấm lòng bao la của Bác. Chị Tạ Thị Kiều và anh Trần Dưỡng nhẹ nhẹ bước đi trước tôi. Biết tôi là chiến sĩ Không quân, chị dừng lại nắm tay tôi đi cùng và xúc động nói: "Anh là anh hùng phi công, đại biểu của bộ đội Không quân phải không? Ôi vui quá! Vô thăm Bác Hồ hôm nay, tôi lại được gặp đại biểu các đơn vị đánh Mỹ ở miền Bắc. Anh biết không, ở trong đó nghe tin chúng ta đã có không quân và đã bắn hạ được máy bay Mỹ, bà con mình rất hả lòng, mừng rơi nước mắt...".

Giọng nói Nam Bộ nhỏ nhẹ, thân thương của chị bị ngắt đi khi chúng tôi nhìn thấy Bác từ trong nhà đi ra tươi cười giơ tay vẫy gọi chúng tôi. Vậy là những cánh chim cùng bay ào về tổ, chúng tôi chạy ùa tới vây quanh Bác. Đôi mắt Bác ngời sáng niềm vui. Người cởi bỏ khăn quàng và mũ ra. Hẳn là không khí đầm ấm của cả nước hội tụ về lúc này đã làm cho Bác ấm nóng người lên. Em Hồ Văn Mên - "dũng sĩ diệt Mỹ", nhanh nhẹn đỡ lấy khăn, mũ cho Bác, và chúng tôi cùng theo Bác đến ngồi vào hàng ghế đã bày sẵn dưới những bóng cây lớn trong vườn của Người.

Bác ngồi ở giữa một hàng ghế. Hai bên Bác là em Hồ Văn Mên, chị Tạ Thị Kiều, cụ lão dân quân Thanh Hóa và anh hùng Nguyễn Tuyên, bộ đội Tên lửa... Với bộ kaki bạc màu quen thuộc, Người như một vầng hoa trắng nổi lên giữa những cành lá sum suê.

Ngồi bên em Mên, tôi ngắm nhìn Bác, nhìn quang cảnh đoàn tụ đông vui dưới những bóng cây tán rộng xanh tươi, thấp thoáng phía sau là ngôi nhà sàn và ao cá của Bác, tự nhiên tôi lại nghĩ: giá lúc này có một nhà thơ ở đây. Chắc hẳn nhà thơ sẽ có được những vần thơ, tứ thơ rất hàm xúc về hạnh phúc lớn nhất của quân đội ta đang hiện lên rất giản dị và thật rực rỡ này.

Với tầm nhìn của một nhà báo lớn, hẳn là bây giờ Bócséc đã cảm nhận được cái tứ "Bắc - Nam sum họp quanh Cha già" đó, cho nên hai vợ chồng ông lúc này khá bận rộn và tỏ ra rất vui sướng khi đã ghi được toàn bộ quang cảnh vào máy ghi hình, ghi âm của mình. Tự nhiên tôi lại nhớ tới bài thơ chúc Tết đầu xuân Mậu Thân vừa rồi của Bác:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta!*

Rất ngắn gọn hàm xúc, vừa là niềm vui với thế trận đang đi tới toàn thắng của cả nước, vừa là lời kêu gọi thiêng liêng của Bác. Hưởng ứng lời kêu gọi và thực hiện ước nguyện đó của Bác, đầu xuân 1968 vừa rồi, quân dân miền Nam đã Tổng tiến công và nổi dậy ở 64 thành phố, thị trấn, thị xã trong đó có Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Trước khí thế tiến công như vũ bão của quân và dân ta, tháng 5-1968, Mỹ buộc phải đàm phán với

Chính phủ ta và sáu tháng sau phải đình chỉ ném bom miền Bắc và tiếp đến buộc phải chấp nhận hội nghị bốn bên ở Pari để lúc này chúng tôi được quây quần quanh Bác mà không có sự quấy đảo của máy bay Mỹ. Bác nhìn chúng tôi và hai vợ chồng nhà báo Bócséc với ánh mắt rất vui. Trừ các chiến sĩ miền Nam vừa mới được gặp Bác rồi, Người thân mật hỏi han từng người chúng tôi rất cặn kẽ từ việc chiến đấu, sản xuất đến đời sống riêng tư. Khi Bác hỏi đến bộ đội Không quân, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhìn tôi cười khuyến khích:

- Đồng chí Phạm Thanh Ngân kể chuyện chiến đấu về Không quân cho Bác nghe đi!

Tôi đứng dậy hồi hộp, sung sướng nhìn Bác định nói nhiều, song mãi mới nói được ý nghĩ phát ra từ đáy lòng:

- Thưa Bác, bộ đội Không quân chúng cháu được Đảng, Bác, và nhân dân hết lòng quan tâm chăm sóc. Chúng cháu luôn ghi nhớ sâu sắc công ơn và quyết tâm thực hiện những lời dạy bảo của Bác và chỉ mong Bác luôn khỏe, luôn vui.

Bác âu yếm nhìn tôi cười vui vẻ và bảo tôi kể một trận đánh thắng Không quân Mỹ cho Bác nghe. Tôi kể lại vắn tắt trận đánh ngày 20-11-1968.

- Thưa Bác... hôm đó địch dùng hơn 20 chiếc máy bay chia thành nhiều tốp đánh vào Hà Nội. Với quyết tâm bảo vệ Trung ương Đảng và Bác, bảo vệ Thủ đô, cháu và đồng chí Nguyễn Văn Cốc được lệnh cất cánh

đánh địch ở vòng ngoài. Trong trận này, chúng cháu đã hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng phòng không của ta ở mặt đất, phá tan được đợt tấn công ăn cướp của địch, bắn rơi nhiều chiếc, riêng chúng cháu bắn rơi được hai chiếc F.105 buộc một phi công Mỹ phải nhảy dù và đã bị dân quân ta bắt sống.

Thưa Bác! Đây là ngày địch tổ chức đánh lớn vào Hà Nội - Thủ đô ta. Nhưng cũng là một ngày quân và dân miền Bắc ta chiến thắng giòn giã. Riêng trận của biên đội chúng cháu cũng được cấp trên nhận xét là "Một trận đánh vào đội hình lớn của địch. Số lượng địch dùng hơn gấp 10 lần mà ta đã bình tĩnh, dũng cảm, mưu trí đánh đúng đối tượng, bắn rơi được hai máy bay cường kích của địch, góp phần bảo vệ được an toàn mục tiêu..."

Bác nghe rất chăm chú và cuối cùng Bác khen:

- Các chú đánh như thế là giỏi.

Đột nhiên, Bác hỏi tôi:

- Chú đã có vợ chưa?

- Thưa Bác, cháu có rồi ạ!

Thủ tướng Phạm Văn Đồng hỏi thêm:

- Đồng chí được mấy cháu rồi?

Tôi chưa kịp trả lời thì Bác đã nói:

- Chú được "tám con" rồi phải không?

Bác, Thủ tướng và chúng tôi đều cười vui vẻ. Bác nhìn tôi chứa chan tình yêu thương. Tôi hiểu

con số tám mà Bác nói có nghĩa là tôi đã bắn rơi tám máy bay Mỹ và tám lần lập công đó đã được Bác tặng cho tám huy hiệu của Người. Hiểu ra tôi càng xúc động. Bác bận bao công việc phải lo cho đất nước mà thành tích đó của tôi Bác cũng biết đến. Và, Người vẫn không quên quan tâm lo cho hạnh phúc gia đình cùng sự tiến bộ của mỗi người chúng tôi.

Bác hỏi tiếp:

- Các chiến sĩ lái trẻ có theo kịp các chú không? Đã tham gia chiến đấu được chưa?

- Thưa Bác, anh em lái trẻ đều rất tiến bộ. Ai cũng cố gắng theo kịp anh em phi công lớp trước quyết bắn rơi máy bay và có một số đồng chí đã lập công để góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước và thực hiện lời Bác dạy trước đây: "Các chú cứ bắn rơi được nhiều máy bay Mỹ là Bác khỏe, Bác vui!"

Nghe tôi báo cáo như thế, Bác rất vui. Người càng vui hơn và cùng Thủ tướng Phạm Văn Đồng cười rất sảng khoái khi nghe tôi thưa với Bác: "Thưa Bác, bộ đội Không quân chúng cháu có một nguyện vọng tha thiết là sớm được lái máy bay đưa Bác vào thăm miền Nam ruột thịt".

Sau tôi, Bác vui vẻ hỏi chuyện các đồng chí khác. Ai cũng báo cáo thành tích với Bác và đều nói lên lòng mong ước sâu sắc nhất, mong Bác khỏe, mong Bác sống lâu, mong nước nhà mau toàn thắng, thống nhất để đưa Bác vào thăm đồng bào miền Nam ruột thịt.

Nghe các chiến sĩ cùng mong ước như thế, Bác lại cười sáng khoái. Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ mãi đôi mắt nhìn âu yếm và tiếng cười sáng khoái ấy của Người. Càng nhớ câu hỏi vui "Chú được tám con rồi phải không?" thể hiện sự quan tâm sâu sắc mà Bác đã dành cho tôi.

(Trích từ sách: "Bác Hồ sống mãi với chúng ta", Nxb Chính trị Quốc gia, H., 2005)



NHỮNG NIỀM VINH HẠNH

Trần Thị Bưởi kể*

Mùa xuân năm 1968 đến với mỗi người dân miền Nam rất sôi nổi và vô cùng phấn chấn. Lời chúc Tết của Bác càng như thổi bùng lên trong lòng mọi người ngọn lửa cách mạng vì độc lập tự do của Tổ quốc. Thư Bác thôi thúc, giục giã chúng tôi. Nam nữ thanh niên trong xã tôi nô nức lên đường diệt Mỹ. Chúng tôi cõm dõ, gạo mang vào sát hàng rào thứ bảy của địch để cùng bộ đội giải phóng mặt trận Khe Sanh bao vây tiêu diệt chúng. Trong cuộc chiến đấu đó, chúng tôi thi đua nhau lập công mừng sinh nhật Bác. Bọn Mỹ đang thua to rồi, quân giải phóng đang trên đà thắng lớn,

* Dũng sĩ diệt Mỹ năm 1968 ở mặt trận Khe Sanh.

ngày Khe Sanh giải phóng không còn xa nữa... Bỗng tôi được lệnh trên cử đi công tác nước ngoài. Lần đó, tôi được làm đại biểu trong Đoàn thanh niên giải phóng miền Nam đi dự Đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ chín ở Xôphia.

Chuyến đi này đối với tôi là một bài học lớn: được đi ra nước ngoài, tiếp xúc với bạn bè năm châu bốn biển, chúng tôi mới càng thấy hết uy tín to lớn của Bác Hồ và càng thấy hết vinh dự một người dân của nước Việt Nam.

Sau đại hội, trên đường trở về chiến trường, chúng tôi dừng lại Hà Nội. Ngay sau đó cả đoàn thanh niên được Bác cho gặp. Tôi sung sướng đến ngây ngất. Ước mơ bao năm tháng giờ đã thành sự thật. Trong đoàn chúng tôi có một số anh hùng dũng sĩ và đại biểu đã có lần được gặp Bác, nhưng tất cả đều một tâm tư như chúng tôi: Mới gặp Bác lần đầu. Chúng tôi ngắm Bác như người "bị thôi miên". Tôi nhìn kỹ đôi mắt Bác, đôi mắt của Bác sáng, kiên nghị và lại rất dịu dàng. Câu chuyện tôi được nghe từ bé: mắt Bác có hai con người đã được khẳng định là không đúng. Nhưng giờ đây tự nhiên tôi tin rằng điều đó là đúng vì tôi chưa gặp mắt ai tinh tường như đôi mắt Bác. Tôi nhìn từng sợi râu của Bác. Râu Bác, tóc Bác bạc trắng óng ánh dưới ánh điện sáng trong như cước. Bác già, nhưng khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Hôm ấy, đồng chí trưởng đoàn Trần Văn Tư báo cáo để Bác nghe về đại hội. Bác rất vui, nghe xong Bác nói:

- Có bạn bè thế giới ủng hộ như vậy, các cháu có tin rằng ta nhất định thắng hay không?

- Có ạ! - Chúng tôi đồng thanh đáp.

Bác cười vui vẻ:

- Đúng! Chúng ta nhất định thắng, miền Nam nhất định được giải phóng.

Hôm đó Bác cũng dặn chúng tôi: Đừng vì thấy bạn bè thế giới kính nể, tôn trọng mà huênh hoang, tự mãn. Phải khiêm tốn và phải quyết tâm đánh thắng Mỹ lớn hơn nữa. Vì có thắng Mỹ lớn thì bạn bè mới càng thương yêu ta nhiều hơn, và như vậy là ta không phụ lòng của bạn thế giới.

Được gặp Bác, tôi nghĩ rằng đó là điểm phúc, là niềm vinh dự lớn nhất của đời tôi. Và tôi không còn có mơ ước gì cao hơn. Ra về, cả đêm tôi thao thức, mong chóng được trở về chiến trường báo cáo lại với anh em đồng chí và bà con quê nhà để tất cả cùng chung niềm vui to lớn này.

Nhưng, một sự không ngờ đã đến... Sau đó ít lâu, trong khi tôi đang chờ xe trở về chiến trường thì có tin: Bác cho gọi vào gặp.

Niềm vui đột ngột quá, chúng tôi cứ thấy chân tay luống cuống không biết làm gì trước làm gì sau. Hôm ấy Bác cho gọi tôi, chị Trương Thị Khuê, anh hùng các lực lượng vũ trang của Vĩnh Linh cũng cùng đi dự Đại hội ở Xôphía về (trong đoàn đại biểu miền Bắc), và chị Nguyễn Thị Xuân, nữ dân quân Quảng Bình, một mình

bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ bằng súng bộ binh. Chị Xuân là nữ thanh niên Công giáo, chị cũng vừa đi thăm Liên Xô về. Cả ba chúng tôi chuẩn bị áo quần và lên xe vào Chủ tịch Phủ. Chú Vũ Kỳ, thư ký của Bác đã chờ sẵn. Chúng tôi hỏi ngay chú Kỳ:

- Lúc gặp Bác chúng cháu nên chào theo kiểu nào?

- Các cháu là dân quân, chào theo lối quân sự cũng được.

Chú Kỳ đưa chúng tôi về ngôi nhà nhỏ ở giữa vườn, từ xa tôi đã thoáng nhìn thấy Bác qua cửa sổ. Chúng tôi hồi hộp tiến lên phía cửa và đứng xếp hàng ngang, chú Vũ Kỳ báo cáo với Bác:

- Thưa Bác, ba cháu dân quân gái được Bác cho gọi đã đến.

Bác đang ngồi đọc báo cạnh chiếc bàn tròn, chung quanh có bốn chiếc ghế mây để trống. Bác ngược nhìn về phía chúng tôi. Ba chị em chúng tôi đứng nghiêm đưa tay lên vành mũ trân trọng chào Bác. Bác như một vị chỉ huy quân sự ra hiệu tiếp nhận sự có mặt của chúng tôi rồi Bác tươi cười cho phép chúng tôi ngồi vào bàn. Trên bàn có đề sẵn kẹo và nước. Hôm ấy Bác mặc áo trắng ngắn tay may kiểu ba túi rộng rãi. Bác vẫn mang dép cao su, đôi dép quai to đã mòn gót mà tôi đã nhìn thấy trong lần gặp trước.

Sau khi nghe chú Vũ Kỳ giới thiệu tên tuổi của từng chúng tôi, Bác bảo chúng tôi ăn kẹo rồi uống nước. Liền lúc đó đồng chí phục vụ bưng lên một đĩa

bánh bao, mỗi cái bằng nắm tay. Bác nhắc đĩa bánh đưa cho từng người chúng tôi và bảo:

- Các cháu ăn bánh bao đi!

Chúng tôi chưa ăn hết nửa cái bánh thứ nhất, Bác đã cho thêm mỗi người một cái nữa, chúng tôi phải cầm sang tay bên kia. Cả ba chị em vừa ăn vừa tùm tùm cười nhìn nhau. Thật giống như cảnh ba đứa cháu nhỏ quây quần bên người ông cao tuổi trong những ngày rằm. Bác vừa âu yếm nhìn chúng tôi ăn vừa hỏi chuyện. Bác hỏi tôi về chuyện đánh Mỹ ở Khe Sanh, về đời sống của anh chị em chiến sĩ quân giải phóng. Bác hỏi chị Xuân, chị Khuê về cuộc sống dưới hầm, bám ruộng đồng sản xuất và chiến đấu của bà con Vĩnh Linh, Quảng Bình. Cuối cùng Bác quay về phía tôi và chị Khuê:

- Bây giờ hai cháu kể chuyện Đại hội ở Xôphía cho Bác nghe.

Bằng những mẫu chuyện cụ thể, chúng tôi thừa lại với Bác những tình cảm nồng thắm của bạn bè thế giới ở đại hội. Nghe tôi kể câu chuyện về các bạn Italia, Bác cảm động nói:

- Miền Nam đã làm thơm danh Bác với bạn bè thế giới.

Bác giục chúng tôi ăn kẹo và như hiểu được ý muốn của từng đứa cháu nhỏ, Bác cho lấy giấy gói mỗi người một phần. Sau đó, Bác cho ra chụp ảnh chung với Bác. Lúc đó đã 5 giờ chiều, ánh nắng dịu dịu chiếu qua vườn cây cổ thụ càng tôn vẻ đẹp rất trang

nhã trong vườn Bác. Bác sửa lại cổ áo và dẫn ba chị em chúng tôi ra chụp ảnh. Trong khi đồng chí nhiếp ảnh chuẩn bị địa điểm, Bác bảo chúng tôi:

- Mỗi cháu hát cho Bác nghe một bài nhé.

Ba chúng tôi nhìn nhau bối rối vì khoản này chúng tôi rất vụng về. Nhưng ngay lúc đó tôi nghĩ rằng: Lúc ở chiến hào mình hát như thế nào, bây giờ hát như thế để Bác nghe, chắc Bác sẽ vui. Tôi mạnh dạn xin Bác:

- Thưa Bác cháu xin hát trước.

Bác cười rất vui:

- Cháu hát bài gì?

- Thưa Bác, cháu hát bài *"Tiếng hát trên đường quê hương"*.

Bác gật đầu. Bỗng Bác đưa tay ra hiệu tôi khoan hát, Bác cho gọi các chú trong cơ quan đang làm việc gần đó lại cùng nghe. Tôi hồi hộp cất giọng hát. Trong bài hát có đoạn *"Ai đã tới miền quê em Quảng Trị - Thừa Thiên, qua đường 9 tình Gio Linh lắng trong giọng hò..."*, Bác khẽ gật đầu theo nhịp điệu của bài hát. Tôi hát xong Bác cười và đưa ngón tay chỉ về phía chị Xuân:

- Cháu Bưởi hát rất tốt, bây giờ cháu Xuân hát bài gì?

Chị Xuân thưa với Bác:

- Cháu xin ngâm một bài thơ về Quảng Bình.

Khi chị Xuân ngâm xong Bác vỗ tay, các chú đứng nghe cũng vỗ tay. Bác quay về phía chị Khuê. Không chờ Bác hỏi, chị Khuê thưa:

- Thừa Bác, cháu xin hò một câu mái nhì do đội văn nghệ Vĩnh Thủy quê cháu sáng tác.

- Tốt lắm! Bác gật đầu vừa ý.

Ba chị em chúng tôi hát xong, Bác lại khen:

- Các cháu hát hay lắm.

Quay lại phía các chú, Bác nói:

- Các cháu gái hát rồi, giờ đến lượt các chú hát cho các cháu nghe.

Các chú cười nhìn nhau, Bác nói:

- Hát đi chứ, sao lại cười.

Tất cả cùng cười vui vẻ.

Khi chuẩn bị chụp ảnh, Bác hỏi:

- Cháu nào muốn đứng gần Bác?

Chúng tôi vui sướng quá, ai cũng muốn được đứng gần Bác. Bác cười rất độ lượng:

- Cho mỗi cháu đứng gần Bác một lần.

Tôi đứng phía bên trái của Bác, bên kia là hai chị Khuê và Xuân. Bác ân cần nói:

- Cháu Bưởi miền Nam được đứng nguyên chỗ này.

Tôi cảm động quá! Lúc nào Bác cũng nghĩ tới miền Nam, lúc nào Bác cũng dành cho miền Nam phần vinh dự nhất. Trong niềm vui hả hê đó, tôi thấy nước mắt mình muốn trào ra... Bà con miền Nam biết được điều này sẽ cảm động và vui sướng biết chừng nào. Chụp ảnh xong, Bác dẫn chúng tôi đến trước nhà,

dưới một gốc cây to có treo một bồn hoa phong lan vừa mới nở trắng ngần và tỏa mùi thơm ngào ngạt. Bác ngắt cho chúng tôi mỗi người một chùm và nói:

- Các cháu về trong ấy nói với bà con mình Bác gửi lời thăm. Chúc bà con chiến đấu, sản xuất giỏi. Riêng ba cháu phải phấn đấu giành nhiều thắng lợi hơn nữa.

Chúng tôi vô cùng cảm động, mỗi người đều hứa với Bác ra về sẽ cố gắng hết sức để thực hiện lời Bác dạy. Bác gật đầu vui vẻ và thư thả chống can bước vào nhà. Chúng tôi tần ngần xúc động... Lúc đó, tôi ước gì sẽ được trở về chiến trường ngay để chuyển chùm hoa của Bác đến anh chị em. Các chiến sĩ sẽ chuyền tay nhau kính cẩn hôn chùm hoa trắng xóa ngát hương thơm của Bác và chắc hẳn chùm hoa này sẽ ưu tiên chuyển đến các đồng chí thương binh trước tiên...

Ba ngày sau, chúng tôi được Bác gọi vào cho xem văn công. Thật là những niềm vinh dự không ngờ. Chúng tôi đến nơi được vài phút thì Bác đến, Bác hỏi:

- Các cháu đã được đi thăm quan Thủ đô chưa?

- Thưa Bác, có ạ.

- Các chú cho các cháu đi thăm những đâu?

Tôi thưa với Bác:

- Dạ! Thưa Bác, các chú bên Tổng cục Chính trị cho chúng cháu đi thăm Viện Bảo tàng Quân đội, Viện



*Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng hoa phong lan
cho các nữ dân quân khu IV, tháng 9/1968*

Bảo tàng Cách mạng và nhiều nơi danh lam thắng cảnh của Hà Nội ạ.

Bác gật đầu vừa ý và hỏi tiếp:

- Các cháu có muốn nói gì với Bác nữa không?

Câu hỏi của Bác làm chúng tôi lúng túng, ba chị em nhìn nhau, biết bao điều muốn thưa với Bác. Nhưng

biết nói thế nào để Bác vui. Nói thế nào cho hết được tấm lòng của chúng tôi và đồng bào ở địa phương. Nói sao cho hết được tình cảm của đồng bào miền Nam đối với Bác... Bỗng chị Khuê nắm chặt hai bàn tay để trước ngực thưa với Bác:

- Thưa Bác, chúng cháu xin được hôn Bác.

Bác cười.

Trước khi chúng tôi ra về Bác dặn:

- Về trong ấy, các cháu cố gắng chiến đấu giỏi, sản xuất tốt và phấn đấu học tập. Các cháu nhớ nói với bà con trong ấy Bác có lời hỏi thăm.

Chúng tôi bước ra xe lòng những lưu luyến vì những phút thiêng liêng bên Bác không còn nữa. Nhưng cũng từ phút ấy, chúng tôi thấy mình được thêm sức mạnh và lớn lên rất nhiều. Hơn lúc nào hết, tôi nghĩ đến quê hương. Miền Nam, chiến trường đã dành cho tôi nhiều niềm vinh dự to lớn quá! Miền Nam ở xa Bác, nhưng lúc nào miền Nam cũng bên Bác, bên Trung ương Đảng. Chú Phạm Văn Đồng đưa chúng tôi ra xe và căn dặn:

- Các cháu về nhớ làm tốt những lời Bác Hồ đã dạy. Nhớ nói với bà con thôn xóm chú gửi lời thăm.

Hồng Phú ghi

(Trích từ sách: "Miền Nam trong lòng Bác", Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1975)

HAI THẾ HỆ TRÍ THỨC ĐI THEO CON ĐƯỜNG CỦA BÁC

Mùa xuân Bính Thân 1956, Hà Nội đón cái Tết thứ hai từ khi Đảng và Bác Hồ về Thủ đô sau 9 năm kháng chiến gian khổ. Nhưng Xuân Bính Thân 1956 cũng là mùa xuân báo trước đã tâm vi phạm Hiệp định Giơnevơ, phá hoại Tổng tuyển cử, thống nhất Tổ quốc của kẻ thù. Dường như tiên đoán được những điều đó, nhân dân Thủ đô đón xuân nhưng vẫn nhớ đến miền Nam, muốn bày tỏ tình cảm với Bác Hồ và thể hiện quyết tâm sản xuất xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa vững mạnh làm hậu phương vững chắc và sẵn sàng chi viện cho miền Nam thành đồng Tổ quốc. Trong số hàng trăm lá thư của các tầng lớp nhân dân Thủ đô gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh mà Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam hiện đang lưu giữ, có một bức thư của một học sinh lớp Nhì C mà sau này trở thành một trong những nhà khoa học danh tiếng của nước nhà. Với lòng kính yêu Bác Hồ, với lời lẽ ngây thơ, nội dung bức thư đó như sau:

"Kính gửi Bác Hồ,

Cháu là Tôn Thất Bách, học sinh lớp Nhì C trường Tiểu học Nguyễn Du. Hôm nay nhân ngày Tết cháu viết thư lên Bác. Cháu chúc Bác khoẻ mạnh để lãnh đạo toàn dân và cuối cùng cháu xin hứa với Bác cố gắng

học tập chăm chỉ giúp đỡ các bạn học sinh cùng tiến bộ để cùng vào Đội như cháu và để trở thành đội viên gương mẫu”.

Phát huy truyền thống gia đình, vâng lời Bác Hồ dạy, giữ đúng lời hứa với Bác và quyết tâm đi theo con đường Bác Hồ đã chọn, cậu học sinh lớp Nhì C năm ấy, con trai của Giáo sư Tôn Thất Tùng, người vinh dự được Bác Hồ đặt tên, sau này là giáo sư Tôn Thất Bách, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội, Giám đốc Bệnh viện Việt- Đức, Đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Viện sĩ Y khoa.

Tùng, Bách, phải chăng ý của Bác là mong trí thức Việt Nam mãi mãi tươi xanh, vững vàng như cây bách, cây tùng.

Triệu Hiến

*(Trích từ sách: “Mãi mãi đi theo
con đường của Bác Hồ”,
Nxb Lao động, H.1999)*



*Máy bay Mỹ bị bắn rơi trong những ngày
tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *118 Chuyện kể về Bác Hồ*, Nxb Lý luận chính trị, H.2008.
- *Bác Hồ sống mãi với chúng ta*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2005.
- *Bác Hồ với công nghiệp nhẹ*, Trung tâm thông tin kinh tế và khoa học kỹ thuật công nghiệp nhẹ, H.1990.
- *Bác Hồ với đất Quảng*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2000.
- *Bác Hồ với miền Nam - miền Nam với Bác Hồ*, tập I, Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
- *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Lạng Sơn*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1995.
- *Bác Hồ với cán bộ, nhân dân các địa phương*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.
- *Bác Hồ với nông dân Hà Nội*, Hội Nông dân - Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội.
- *Bác Hồ với Hưng Yên - Hưng Yên với Bác Hồ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
- *Chúng ta có Bác Hồ*, Nxb Lao động, H.1999.
- *Có Bác trong tim* (Hồi ức của nhiều tác giả), Nxb Quân đội nhân dân, H.2001.

- Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
- *Mãi mãi đi theo con đường của Bác Hồ*, Nxb Lao động, H. 1999.
- *Nước non bừng sáng*, Nxb Phụ nữ, H.1975.
- *Những lần gặp Bác*, Nxb Đà Nẵng 1985.
- *Những năm tháng bên Bác*, Nxb Công an nhân dân, H.1985.
- Vũ Trọng Tâm: *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1984.
- *Tấm lòng của Bác*, Nxb Công an nhân dân, H.2005.
- Phan Văn Xoàn, Hoàng Hữu Kháng, Hồng Nam: *Những năm tháng bên Bác*, Nxb Công an nhân dân, H.1985.
- *Báo Hà Nội mới* số ra ngày 15-5-1985, 16-5-2004.
- *Báo Nhân dân*, số ra ngày 19-5-1997, 13-5-1980, 20-5-1999.
- *Báo Quân đội nhân dân*, 08-12-2011.
- *Báo Sài Gòn Giải phóng*, 19-5-1990.
- *Báo Sức khỏe và Đời sống*, 18-4-2010.
- Tài liệu lưu trữ của Đài Tiếng nói Việt Nam.
- Tài liệu lưu trữ của Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
----------------------	---

Chương một

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG TIẾN TỚI ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ: CHIẾN THẮNG MÙA XUÂN 1975

1. Khôi phục và cải tạo miền Bắc, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ và chuyển hướng cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam (1954-1960). 7
2. Xây dựng và bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc, chi viện tiền tuyến lớn miền Nam, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1960-1965) 23
3. Giành thắng lợi quyết định ở miền Nam, đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, thắng địch từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn (1965-1975) 38

Chương hai

THIỆN ANH HÙNG CA GIẢI PHÓNG

- ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975: THẮNG LỢI CỦA SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 72
- ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 - NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ 84
- SỨC MẠNH CHÍNH TRỊ - TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI TA TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC 99

SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975	106
MẶT TRẬN NGOẠI GIAO TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC	112
NHỮNG DỰ BÁO CỦA BÁC HỒ VỀ MỘT TRẬN "DIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"	124
THỰC HIỆN KHÁT VỌNG "ĐỒNG BÀO NAM BẮC NHẤT ĐỊNH SẼ SUM HỌP MỘT NHÀ" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHÚC	133

Chương ba **BÁC VĂN CÙNG CHÚNG CHÁU HÀNH QUÂN**

HÌNH ẢNH BÁC HỒ	145
NHỮNG KỶ NIỆM SÂU SẮC NHẤT	150
NHỮNG NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÂN DÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VỀ THĂM BÁC	153
HẠNH PHÚC LỚN	162
TÌNH THƯƠNG CỦA BÁC	165
MỘT CHUYẾN THĂM, BA BÀI HỌC	169
BÁC HỒ TRÊN MẶT TRẬN ĐỐI NGOẠI	171
MỘT LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC	175
NHỮNG NIỀM VINH HẠNH	182
HAI THẾ HỆ TRÍ THỨC ĐI THEO CON ĐƯỜNG CỦA BÁC	192

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

NHIỀU TÁC GIẢ

**40 NĂM
THIÊN ANH HÙNG CA
GIẢI PHÓNG**

VŨ KIM YẾN

(Sưu tầm và biên soạn)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ TIẾN DŨNG

Chịu trách nhiệm bản thảo:

VŨ THANH VIỆT

Biên tập: ĐỖ HUYỀN

Bìa: STAR BOOK

Sửa bản in: LÊ DUNG

ISBN: 978-604-50-3858-1

In 1.000 cuốn, khổ 13,5 x 21 cm, tại Công Ty In Văn Hóa Sài Gòn

Địa chỉ: 754 Hàm Tử, P.10, Q.5, TP.HCM

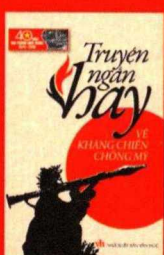
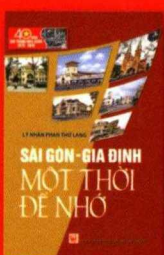
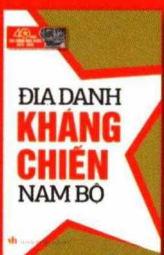
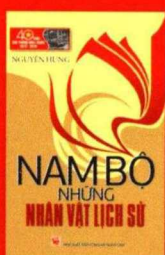
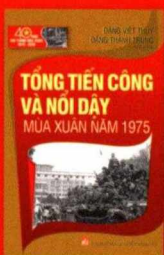
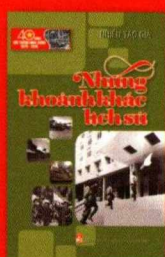
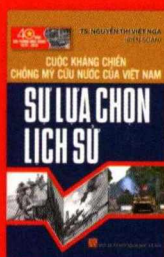
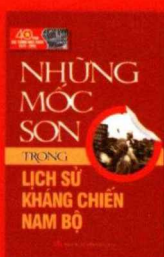
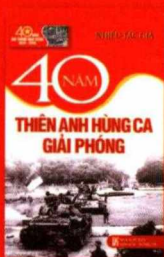
ĐKKH xuất bản số: 1784 - 2014/CXB/17 - 146/VHTT

QĐXB số: 1298/ VHTT – KH, ngày 29/12/2014

In xong và nộp lưu chiểu năm 2015.

40 NĂM

**THIÊN ANH HÙNG CA
GIẢI PHÓNG**



ISBN: 978-604-50-3858-1

101181983



8 935075 937239

Giá: 50.000 đ